TAO ĐÀN Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng

H.G.WELLS

Như Hà dịch

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

H.G.WELLS

CỖ MÁY THỜI GIAN

Như Hà *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Cỗ Máy Thời Gian

Tác phẩm CỖ MÁY THỜI GIAN được dịch từ nguyên tác tiếng Anh: The Time Machine by H. G. Wells, theo ấn bản đầu tiên của William Heinemann - London, 1895.

Bản quyền tiếng Việt © thuộc Công ty CP Sách Tao Đàn, 2017.

CỖ MÁY THỜI GIAN

H. G. Wells

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng giám đốc:

Lê Tiến Dũng

Biên tập:
Hoàng Châu Minh

Bìa:
Văn Lưu

Trình bày:
Tao Đàn

Sửa bản in:
Tao Đàn

In 2.000 cuốn, khổ 13x20,5cm, tại Công ty CP In sách Việt Nam, số 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số ĐKXB:350-2017/CXBIPH/02-18/HN. Số QĐXB:84/QĐ-HN

của NXB Hà Nội cấp ngày 14/03/2017. Số ISBN: 978-604-55-2254-7. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.

CHƯƠNG 1

Gã đã du hành xuyên thời gian (gọi hắn như vậy cho tiện) đang cố giải thích cho chúng tôi một chuyện lạ lùng khó tin. Đôi mắt xám của hắn rực lên nét hăng hái, khiến khuôn mặt thường xanh xao của hắn chợt ửng hồng, sống động. Ánh lửa trong lò sưởi bập bùng, ngọn đèn sáng lóa phản chiếu lấp lánh vào những chấm bọt trắng bạc nhỏ li ti đang sủi tăm trong các ly rượu. Những chiếc ghế tựa, do hắn phát minh, không đơn thuần chỉ để ngồi mà như đang ôm ấp vuốt ve, tạo sự dễ chịu cho mọi người, tất cả tạo thành không khí thoải mái sau bữa ăn tối, khi mà ý tưởng được giải phóng, tha hồ bay nhảy tự do. Hắn vừa chỉ ngón tay mảnh khảnh về phía trước để nhấn mạnh, vừa liên tục nói say sưa, trong khi chúng tôi lười biếng ngồi thán phục thái độ nghiêm túc với nghịch lý mới này của hắn (chúng tôi nghĩ vậy), cùng trí tưởng tượng phong phú của gã:

"Quý vị phải nghe thật kỹ. Tôi sẽ phản bác lại một hoặc hai điều mà ai cũng xem là đương nhiên đúng. Môn hình học mà họ dạy quý vị trong trường chẳng hạn, đã dựa trên nền tảng sai lầm."

“Anh bắt đầu kiểu này thì có khác gì làm khó chúng tôi?” Filby, anh chàng tóc hung hay lý sự, đặt vấn đề.

“Tôi không đòi quý vị phải công nhận bất cứ điều gì mà không giải thích rõ ràng. Rồi quý vị sẽ phải công nhận đúng như tôi mong muốn thôi. Hẳn quý vị đã biết một đường thẳng toán học, mà theo định nghĩa là không có độ dày, không thể nào tồn tại trên đời. Họ dạy quý vị như thế phải không? Mặt phẳng toán học nữa. Tất cả chỉ là quan niệm trừu tượng.”

“Đúng thế!” Nhà tâm lý học nhìn nhận.

“Như vậy, vì chỉ có chiều dài, chiều rộng, chiều cao, một vật thể cũng không thể nào tồn tại được.”

“Tôi phản đối.” Filby nói. “Dĩ nhiên một khối đặc có thể tồn tại. Tất cả những vật thể có thật...”

“Hầu hết chúng ta đều nghĩ thế. Nhưng khoan đã. Có thể nào một vật thể tồn tại tức thời hay không?”

“Tôi không hiểu anh nói gì,” Filby nói.

“Có thể nào một vật thể, không hề xuất hiện trong bất cứ một khoảnh khắc nào, lại tồn tại được không?”

Filby bắt đầu trầm tư. “Rõ ràng,” gã du hành xuyên thời gian nói tiếp,“mỗi vật thể đều phải có bốn chiều: chiều Dài, chiều Rộng, chiều Cao và chiều Thời gian nữa. Nhưng vì bản chất thiếu kiên định của con người mà chút nữa đây tôi sẽ giải thích, chúng ta đã quên mất điều ấy. Sự thực là có bốn chiều, ba chiều kia thường được gọi là ba

mặt phẳng Không gian, còn chiều thứ tư chính là Thời gian. Tuy nhiên, chúng ta có khuynh hướng đặt ra một sự phân biệt sai lầm giữa ba chiều không gian và chiều thời gian, vì ý thức của chúng ta thường di chuyển gián đoạn về đúng một phía của chiều thời gian từ lúc khởi đầu cho đến đoạn cuối cuộc đời."

"Điều này," một chàng trai trẻ vừa lên tiếng vừa cố châm lại điếu xì gà bằng ngọn lửa trong chiếc đèn, "điều này... thật sự rất rõ."

"Đáng lưu ý là chẳng ai quan tâm đến điều ấy," gã du hành xuyên thời gian tiếp, với nét vui vẻ thoảng qua. "Đây chính là chiều thứ tư, mặc dù nhiều người từng nhắc tới chiều thứ tư này nhưng không biết là họ đang nói về nó. Đó chỉ là một cách nhìn khác về Thời gian. Không có sự khác biệt nào giữa chiều Thời gian và ba chiều Không gian, trừ một điều là ý thức của chúng ta di chuyển theo nó. Nhưng một số người ngu ngốc cứ ôm lấy những ý tưởng sai lầm. Hẳn là quý vị đều biết rõ quan điểm của họ về Chiều Thứ Tư này?"

"Tôi chưa biết," ông Thị trưởng nói.

"Rất đơn giản. Không gian, theo các nhà toán học, được xem là có ba chiều gọi là chiều dài, chiều rộng, chiều cao. Ba chiều ấy có thể được xác định bằng ba mặt phẳng, đôi một vuông góc với nhau. Nhưng một số triết gia đã đặt câu hỏi "Tại sao lại là ba mặt phẳng, sao không thể có một mặt phẳng khác vuông góc với cả ba mặt phẳng kia",

và họ cố tạo dựng môn hình học bốn chiều. Giáo sư Simon Newcomb đã trình bày quan điểm này trước Hội toán học New York mới khoảng một tháng trước đây. Quý vị đều biết rằng trên một mặt phẳng, chỉ có hai chiều, chúng ta có thể biểu diễn một vật thể ba chiều mà không làm mất bất cứ đặc tính nào của nó. Tương tự, họ nghĩ rằng với ba chiều, họ có thể biểu diễn các vật thể có bốn chiều, nếu họ nắm vững mọi quy luật cần thiết. Thấy không?"

"Tôi cũng nghĩ vậy," ông Thị trưởng lẩm bẩm. Đôi lông mày nhíu lại, ông chìm vào cõi suy tư, cặp môi ông di động như người đang lặp đi lặp lại một câu thần chú. "Phải, giờ tôi đã hiểu rồi," ông thốt lên sau một lúc lâu, với một nét vui mừng không lấy gì làm chắc chắn.

"Được. Tôi không ngại cho quý vị biết rằng tôi đã nghiên cứu môn hình học bốn chiều khá lâu rồi. Một số thành quả của tôi khá lạ lùng. Thí dụ, đây là tấm hình của một nam giới lúc tám tuổi, tấm này lúc 15 tuổi, tấm này 17 tuổi, tấm kia 23 tuổi, v.v... Tất cả đều có thể gọi là những lát cắt hiển hiện, hình biểu diễn Ba Chiều của một sinh vật Bốn Chiều, cố định và bất di bất dịch.

"Giới khoa học," gã du hành xuyên thời gian ngưng nói một chút để chúng tôi có đủ thời giờ tiếp thu, rồi tiếp tục, "họ biết rất rõ Thời gian chỉ là một loại Không gian. Đây là một biểu đồ quen thuộc, biểu đồ thời tiết. Đường mà tôi đang chỉ này biểu diễn những thay đổi của khí áp kế. Hôm qua ở mức cao, tối đến thấp hơn, rồi sáng nay lại tăng dần đến đây. Chắc chắn mực thủy ngân làm sao có

thể đi theo đường biểu diễn này nếu chỉ có ba chiều không gian quen thuộc? Nhưng hiển nhiên nó đã vẽ ra đường này, và bởi vậy, ta phải được kết luận đường này là đường của Chiều Thời gian."

"Nhưng," ông Bác sĩ nói, mắt đăm đăm nhìn một khối than đá trong lò sưởi, "nếu Thời gian chỉ là chiều thứ tư của Không gian, tại sao lại thế, và tại sao từ trước đến nay nó được coi là một chiều khác biệt? Tại sao chúng ta không thể di chuyển trong Thời gian như trong ba chiều kia của Không gian?"

Gã du hành xuyên thời gian mỉm cười. "Ông có chắc là chúng ta có thể di chuyển tự do trong Không gian chăng? Chúng ta có thể đi về phía trái, phía phải, phía trước, phía sau, và con người đã luôn luôn làm thế. Tôi công nhận chúng ta tự do di chuyển trong hai chiều đó. Nhưng chiều lên và xuống thì sao? Chúng ta bị ngăn cản bởi sức hút trái đất kia mà."

"Không hẳn," ông Bác sĩ nói. "Có khinh khí cầu."

"Nhưng trước thời của khinh khí cầu, trừ những chuyện nhảy lên nhảy xuống và sự chênh lệch độ cao của mặt đất, con người không thể tự do di chuyển theo chiều thẳng đứng."

"Nhưng họ vẫn có thể di chuyển lên xuống chút ít, như anh đã nói."

"Xuống, xuống dễ hơn lên rất nhiều."

“Nhưng anh không thể di chuyển trong thời gian một chút nào hết, anh không thể nào thoát khỏi phút giây hiện tại.”

“Thưa ông Bác sĩ kính mến, đó chính là điểm sai lầm của ông. Cũng chính là điểm sai lầm của cả thế giới. Chúng ta luôn luôn rời xa khoảnh khắc hiện tại. Những thực thể tâm thức của chúng ta, vốn phi vật chất và phi hình thể, chuyển động đều theo chiều Thời gian từ lúc nằm nôi cho đến khi vào huyệt mộ. Y hệt như trường hợp đi xuống thấp nếu chúng ta bắt đầu sự hiện hữu ở một nơi cao hơn mặt đất 50 dặm.”

“Điều khó khăn là,” nhà tâm lý học ngắt lời. “Anh có thể di chuyển qua lại trong cả ba chiều của Không gian, nhưng không thể làm tương tự với Thời gian.”

“Đó chính là nguyên nhân dẫn đến phát minh lớn của tôi. Nhưng ông đã lầm khi nói rằng chúng ta không thể di chuyển trong Thời gian. Thí dụ, khi tôi hồi tưởng lại từng chi tiết của một việc đã qua có nghĩa là tôi trở lại phút giây xảy ra việc đó: tôi trở nên đãng trí, như cách mọi người thường gọi. Tôi nhảy ngược lại một tích tắc. Dĩ nhiên, chẳng có cách nào để tôi ở lại mãi khoảnh khắc đó cả, không lâu hơn gã thổ dân hay con dã thú bật nhảy lên khỏi mặt đất 6 feet. Nhưng một người văn minh hơn gã thổ dân trong lĩnh vực này ở chỗ là người ấy có thể dùng khinh khí cầu để bay lên ngược chiều lực hấp dẫn, thế thì tại sao anh ta không có quyền hy vọng rằng cuối cùng cũng có thể dừng lại hoặc đi nhanh hơn theo chiều thời

gian; thậm chí quay ngược lại và du hành theo hướng khác?

"Ồ, chuyện này," Filby xen vào, "tất cả chỉ là..."

"Tại sao không được?" Gã du hành xuyên thời gian hỏi.

"Là bởi trái với lẽ thường," Filby nói.

"Lẽ thường nào?" Gã du hành xuyên thời gian vặn lại.

"Anh có thể đổi trắng thay đen bằng lập luận," Filby đáp, "nhưng anh sẽ chẳng bao giờ thuyết phục được tôi đâu."

"Có lẽ không," gã du hành xuyên thời gian nhìn nhận. "Nhưng chắc quý vị đã bắt đầu hiểu mục đích cuộc nghiên cứu của tôi về hình học bốn chiều. Từ lâu tôi đã có khái niệm mơ hồ về một cái máy..."

"Để du hành xuyên thời gian!" Chàng trai trẻ thốt lên.

"Di chuyển theo bất cứ hướng nào cả Không gian và Thời gian, đúng như ý của người lái." Filby phá lên cười.

"Nhưng những điều tôi nói đều có thí nghiệm chứng minh." Gã du hành xuyên thời gian nói.

"Nếu được vậy thì thật tiện lợi cho các sử gia," nhà tâm lý học nhận xét. "Họ có thể quay trở lại để kiểm chứng những gì đã được ghi chép về trận Hastings chẳng hạn!"

"Ông không nghĩ làm như vậy sẽ thu hút sự chú ý à?" Ông Bác sĩ nói. "Tổ tiên chúng ta chắc sẽ không nhân

nhượng với những kẻ đi lạc thời đại đâu."

"Mình có thể nghe tiếng Hy Lạp ngay từ miệng Homer hoặc Plato," chàng trai trẻ nói.

"Nếu vậy anh sẽ rớt ngay ở kỳ thi đầu tiên. Các học giả Đức đã cải tiến tiếng Hy Lạp rất nhiều."

"Và rồi còn tương lai nữa," chàng trai trẻ lại nói. "Thử nghĩ xem! Ta có thể đầu tư hết cả gia sản, để hưởng lợi tức, rồi tới sớm để mà hưởng!"

"Khám phá một xã hội," tôi nói, "xây dựng hoàn toàn trên nền tảng cộng sản."

"Nghe như một thuyết hoang đường!" Nhà tâm lý học trở lại vấn đề.

"Phải, chính tôi đã từng nghĩ thế," gã du hành xuyên thời gian trả lời, "vì vậy tôi chưa bao giờ nói về nó, cho tới khi..."

"Có thí nghiệm chứng minh!" Tôi thốt lên. "Anh sẽ xác thực điều đó thật sao?"

"Chứng minh đi!" Filby kêu thành tiếng, bởi đầu óc đã trở nên lùng bùng.

"Hãy cho chúng tôi nhìn tận mắt thí nghiệm của anh," nhà tâm lý học yêu cầu, "mặc dù, anh cũng biết thừa là chúng sặc mùi bịp bợm."

Gã du hành xuyên thời gian mỉm cười khắp lượt chúng tôi. Rồi, trong khi vẫn giữ nụ cười nhẹ, với hai tay

đút sâu trong túi quần, hắn chậm rãi bước ra khỏi phòng. Chúng tôi nghe tiếng dép lê loẹt xoẹt của hắn trên hành lang dẫn tới phòng thí nghiệm.

Nhà tâm lý học nhìn chúng tôi. "Không biết hắn định làm gì đây?"

"Một trò ảo thuật nào đó," ông Bác sĩ nói, và Filby cố tranh thủ thời gian, kể vội cho chúng tôi nghe về một ảo thuật gia mà hắn đã chứng kiến ở Burslem; nhưng chưa xong phần mở đầu thì gã du hành xuyên thời gian đã trở lại, Filby đành bỏ dở câu chuyện.

Trong tay gã du hành xuyên thời gian là chiếc khung lấp lánh ánh kim loại, không lớn hơn chiếc đồng hồ để bàn bao nhiêu được chế tác tinh xảo. Có phần làm bằng ngà, có phần bằng thứ gì trông như pha lê trong suốt. Đến đây tôi phải đi vào chi tiết vì những gì xảy ra sau đó - trừ phi quý vị đã chấp nhận những lời giải thích của gã du hành xuyên thời gian, - thật là vô cùng khó tưởng tượng. Hắn kéo một trong những chiếc bàn bát giác nhỏ xếp rải rác trong phòng đến trước lò sưởi, hai chân bàn kê trên tấm thảm trước lò. Hắn đặt "chiếc máy" trên bàn rồi kéo chiếc ghế đến ngồi bên. Trên bàn chỉ có thêm một ngọn đèn tù mù, tỏa ánh sáng leo lét vào chiếc máy. Nhưng có thêm cả tá nến đặt xung quanh, hai chân nến trên mặt lò sưởi, với một số giá gắn tường, nên trong phòng tràn ngập ánh sáng. Tôi ngồi trên một chiếc ghế bành thấp mà tôi kéo tới trước để ngồi giữa gã du hành xuyên thời gian và chiếc lò sưởi. Filby ngồi sau lưng nên nhìn mọi việc qua vai hắn.

Ông Bác sĩ và Thị trưởng ở bên phải, nhà tâm lý học ở bên trái, và đứng sau nhà tâm lý học là chàng trai trẻ. Tất cả chúng tôi đều chú tâm quan sát. Thật khó mà tin là có bất cứ trò bịp nào, dù biểu diễn khéo léo đến đâu chăng nữa, qua mắt được chúng tôi.

Gã du hành xuyên thời gian nhìn chúng tôi rồi lại nhìn chiếc máy. "Sao nữa?" Nhà tâm lý học hỏi.

"Cái món đồ nhỏ này," gã du hành xuyên thời gian nói. Hắn chống khuỷu tay lên bàn, hai bàn tay nắm vào nhau ở phía trên chiếc máy, "chỉ là một mô hình. Chủ ý của tôi là làm một chiếc máy thật, để du hành xuyên thời gian. Chắc quý vị thấy hình thù của chiếc máy hơi kỳ lạ, và cái thanh ngang này có một vẻ quái đản, như thể nó không có thật." Hắn chỉ trỏ. "Lại nữa, đây là một chiếc cần nhỏ màu trắng, và đây là một chiếc cần khác."

Ông Bác sĩ rời ghế đứng dậy nhìn chiếc máy. "Thật là công phu," ông nói.

"Mất hai năm để làm nó đấy," gã du hành xuyên thời gian tức thì đáp lại. Và, trong khi chúng tôi cùng đứng dậy, cố nhìn chiếc máy thật gần như ông Bác sĩ, hắn nói, "Tôi muốn quý vị hiểu rằng cái cần này, nếu ấn xuống, sẽ đưa chiếc máy về tương lai, và cái cần kia để làm ngược lại. Cái yên này là chỗ ngồi của nhà du hành thời gian. Bây giờ, tôi sẽ ấn cái cần này, và chiếc máy sẽ bắt đầu cuộc hành trình. Nó sẽ tan biến, chuyển đến tương lai, rồi biến mất. Hãy nhìn nó cho kỹ, và chiếc bàn nữa, để biết chắc đây không

phải là một trò bịp bợm. Tôi không muốn mất chiếc máy mà vẫn bị coi là một thằng láo khoét."

Một phút lặng lẽ trôi qua. Hình như nhà tâm lý học muốn nói với tôi một điều gì đó nhưng lại đổi ý. Gã du hành xuyên thời gian đặt ngón tay vào chiếc cần. "Không" hắn đột nhiên nói. "Giúp tôi một tay." Hắn quay sang, nắm tay nhà tâm lý học và bảo ông ta chìa ngón trỏ ra. Thế là nhà tâm lý học trở thành người đưa chiếc máy vào cuộc hành trình vô định của nó. Tất cả chúng tôi chứng kiến chiếc cần di chuyển. Tôi chắc chắn là không có trò lừa đảo nào hết. Một luồng gió thổi qua, ngọn lửa trong chiếc đèn chập chờn. Một ngọn nến trên mặt lò sưởi vụt tắt, rồi đột nhiên chiếc máy nhỏ quay tròn, thoáng trở nên mờ ảo như một bóng ma, như một vòng xoáy hình ảnh chập chờn hỗn độn của màu thau bóng và màu ngà trắng; và rồi nó không còn nữa - biến mất! Trên bàn chỉ còn ngọn đèn đứng chơ vơ.

Chúng tôi im lặng đến cả phút đồng hồ. Rồi Filby bật ra một tiếng chửi thề.

Nhà tâm lý học như bừng tỉnh, vội đưa mắt nhìn dưới chiếc bàn. Gã du hành xuyên thời gian cười lên vui vẻ. "Sao nữa?" Hắn cố ý nhắc lại lời của nhà tâm lý học lúc nãy. Rồi hắn đứng lên, đến kệ lấy thuốc lá và nhồi vào píp, lưng quay về phía chúng tôi.

Chúng tôi nhìn nhau. "Coi nào," ông Bác sĩ nói, "anh có nghiêm túc với chúng tôi không đấy? Anh thực sự tin là

chiếc máy đó đã đi vượt thời gian?"

"Dĩ nhiên," gã du hành xuyên thời gian trả lời trong khi cúi người để đốt một đoạn giấy mồi. Rồi hắn quay lại, châm píp, nhìn thẳng vào mặt nhà tâm lý học. (Nhà tâm lý học muốn chứng tỏ mình vẫn bình tĩnh cũng tự châm một điếu xì gà, nhưng lại quên cắt đầu thuốc ra trước.) "Đặc biệt hơn nữa, tôi có một chiếc máy lớn sắp hoàn thành, ở trong kia" - hắn muốn nói tới phòng thí nghiệm - "và khi làm xong chiếc máy ấy, tôi muốn tự mình làm một cuộc du hành." -

"Anh muốn nói rằng chiếc máy hồi nãy đã đi đến tương lai?" Filby hỏi.

"Tương lai hoặc quá khứ - tôi không biết chắc."

Một hồi sau, nhà tâm lý học nảy ra một kết luận. "Nếu nó có đi tới đâu thì chắc chắn phải là đi về quá khứ," ông nói.

"Tại sao?" Gã du hành xuyên thời gian hỏi.

"Vì tôi giả thiết là nó không hề di chuyển trong không gian. Nếu nó đi về tương lai thì nó phải ở trước mắt chúng ta ngay tại lúc này, vì nó phải băng qua thời điểm hiện tại của chúng ta."

"Nhưng," tôi nói, "nếu nó đi về quá khứ thì nó phải hiện hữu khi chúng ta mới bước vào phòng này chứ; và thứ Năm tuần trước khi chúng ta cũng có mặt ở đây; và thứ Năm tuần trước nữa, rồi trước đó nữa!"

“Cực lực phản đối,” ông Thị trưởng bình phẩm với một cung cách vô tư, ông quay sang gã du hành xuyên thời gian, chờ lời giải thích.

“Không đúng chút nào cả,” gã du hành xuyên thời gian lên tiếng, hắn nói với nhà tâm lý học: “Ông thử nghĩ đi. Ông có thể giải thích điều này được mà. Hình ảnh dưới mức cảm nhận, hình ảnh bị tan loãng...”

“Dĩ nhiên,” nhà tâm lý học đáp, rồi trấn an chúng tôi. “Đó là một điểm tâm lý đơn giản. Nhẽ ra tôi đã phải nghĩ về nó. Nó giản dị, và nó giải thích được mọi nghịch lý một cách toàn vẹn. Chúng ta không thể thấy chiếc máy hồi nãy, hoặc cảm nhận sự hiện diện của nó, cũng như trường hợp chiếc nan hoa trong một bánh xe quay nhanh hoặc một viên đạn bay trong không khí. Nếu nó di chuyển trong thời gian năm mươi hoặc một trăm lần nhanh hơn chúng ta, nếu nó trải qua một phút trong khi chúng ta trải qua một giây, cái cảm tưởng tạo thành dĩ nhiên sẽ chỉ là một phần năm mươi hoặc một phần trăm của trường hợp nó không di chuyển trong thời gian. Chỉ đơn giản vậy đó.” Ông quơ tay vào chỗ để chiếc máy lúc nãy. “Quý vị thấy chứ?” Ông vừa nói vừa cười.

Chúng tôi ngồi nhìn chăm chăm vào mặt bàn thật lâu, rồi gã du hành xuyên thời gian hỏi chúng tôi nghĩ gì về tất cả những việc đã xảy ra.

“Tất cả đều có vẻ rất hợp lý trong đêm nay,” ông Bác sĩ nói, “nhưng phải đợi đến ngày mai đã. Hãy đợi sự thức

tỉnh của đầu óc sẽ đến vào buổi sáng."

"Quý vị có muốn thấy Cỗ máy Thời gian không?" Gã du hành xuyên thời gian hỏi. Và tức thì, với chiếc đèn trên tay, hắn dẫn chúng tôi dọc theo hành lang dài lạnh lẽo dẫn tới phòng thí nghiệm. Tôi nhớ mồn một ánh đèn chập chờn, vẻ kỳ quặc của hắn, cái đầu to tướng hắt trên tường, cái bóng nhảy múa theo từng nhịp bước, tôi nhớ chúng tôi lẽo đẽo theo hắn, hoang mang và hoài nghi, và tôi nhớ căn phòng thí nghiệm ấy, nơi chúng tôi thấy bản phóng lớn của chiếc máy nhỏ đã biến mất ngay trước mắt chúng tôi. Có phần mạ kền, phần bằng ngà, phần chắc chắn phải là do đá pha lê được mài hoặc cưa ra mà thành. Cỗ máy hầu như đã hoàn tất, nhưng có những thanh xoắn pha lê làm chưa xong nằm trên bàn cạnh một số biểu đồ, tôi cầm một thanh lên để nhìn cho kỹ. Thạch anh, có lẽ vậy.

"Coi này," ông Bác sĩ hỏi, "Anh nghiêm túc đấy chứ? Hay đây chỉ là một trò đùa - như con ma mà anh dọa chúng tôi vào Giáng sinh năm ngoái?"

"Với chiếc máy này," gã du hành xuyên thời gian nói, tay giơ chiếc đèn lên cao, "tôi có ý định khám phá những bí mật của thời gian. Điều ấy rõ ràng với quý vị chứ? Tôi chưa bao giờ nghiêm túc hơn bây giờ cả."

Chúng tôi chẳng ai biết nên nghĩ gì cho phải.

Tôi gặp ánh mắt của Filby qua vai ông Bác sĩ, hắn nháy mắt ra dấu với tôi vẻ đầy nghiêm trọng.

CHƯƠNG 2

Lúc ấy có lẽ chẳng ai trong chúng tôi tin vào Cỗ máy Thời gian cả. Lý do chính là người chế tạo ra nó - gã du hành xuyên thời gian thuộc loại người quá khôn ngoan, khôn ngoan đến mức làm người ta phải nghi ngờ: bạn không bao giờ có cảm tưởng đã biết rõ về hắn; đằng sau vẻ thành thật, bạn luôn luôn có cảm giác như hắn đang cất giấu, che đậy một điều khó dự phòng, hoặc đang mai phục một trò quỷ quái. Nếu là Filby cùng Cỗ máy và giải thích bằng những lời lẽ của gã du hành xuyên thời gian, có lẽ chúng tôi đỡ nghi hơn. Vì chúng tôi hiểu con người của Filby - đúng hơn phải nói là ngay cả anh hàng thịt ngoài chợ cũng hiểu Filby. Ngược lại, gã du hành xuyên thời gian luôn luôn có một nét kỳ quái; chúng tôi không thể tin hắn được. Nhiều việc người ta đang phải loay hoay xoay sở thì trở nên quá dễ dàng trong tay hắn. Khiến mọi việc trở nên đơn giản cũng là một tội lỗi. Ngay cả những người nghiêm túc xem xét cũng không dám đoan chắc hắn sẽ làm gì; họ ngầm hiểu rằng nếu đặt danh dự vào việc tin tưởng hắn cũng chẳng khác nào cảnh ngàn cân treo sợi tóc. Vì vậy, tôi tin là chẳng ai trong chúng tôi nói gì nhiều về chuyện du hành xuyên thời gian giữa thứ Năm tuần đó và tuần kế

tiếp; mặc dù chắc chắn trong đầu óc mỗi người đều ngập đầy những suy nghĩ: về những tiềm năng kỳ lạ của cỗ máy, tính hợp lý, sự thực tế phi thường của nó, và tính khả thi kỳ lạ của việc đi lạc thời đại, cũng như những sự đảo lộn hoàn toàn nó có thể gây ra. Riêng tôi bị ám ảnh thật nhiều bởi trò "ảo thuật" của hắn. Đến mức tôi nhớ là có bàn chuyện này với ông Bác sĩ vào hôm thứ Sáu lúc gặp nhau ở Linnaean. Ông nói là đã tận mắt chứng kiến một trò tương tự ở Tubingen, theo ông, mấu chốt là lúc ngọn nến bị thổi tắt. Nhưng ông không giải thích nổi trò ấy được làm như thế nào.

Thứ Năm tuần kế tiếp tôi lại đến Richmond - hình như tôi là một trong những người khách thường trực nhất của gã du hành xuyên thời gian. Hơi trễ giờ, đến nơi tôi đã thấy bốn năm người ngồi sẵn ở phòng khách. Ông Bác sĩ đứng cạnh lò sưởi, một tay cầm mảnh giấy, tay kia cầm đồng hồ. Tôi nhìn quanh tìm gã du hành xuyên thời gian. "Bảy giờ rưỡi rồi," ông Bác sĩ nói, "chắc ta nên dùng bữa trước đi."

"Anh ta đâu rồi...?" Tôi có ý hỏi về gia chủ.

"Anh mới tới hả? Hơi kỳ cục. Hắn có chuyện kẹt không tránh được. Hắn có viết trong mảnh giấy này, nhờ tôi mời mọi người dùng bữa lúc bảy giờ nếu không thấy mặt hắn. Hắn nói sẽ giải thích tất cả khi trở lại."

"Để đồ ăn nguội hết thì thật uổng," chủ bút một tờ báo danh giá lên tiếng. Nghe vậy, ông Bác sĩ liền bấm chuông

ra hiệu cho dọn thức ăn lên.

Trong những người có mặt tuần trước, lần này chỉ còn ba người: tôi, nhà tâm lý học, và ông Bác sĩ. Những khuôn mặt kia gồm có Blank, anh chủ bút mà tôi đã nhắc đến, một ký giả, và một người nữa mà tôi không quen biết - anh ta im lặng, nhút nhát, để râu; và theo quan sát của tôi, hình như anh ta không hề mở miệng một lần nào suốt đêm đó. Chúng tôi vừa ăn vừa đoán mò về lý do vắng mặt của chủ nhà, mà tôi nửa đùa nửa thật nói là chắc còn bận du hành thời gian. Anh chủ bút nghe vậy sinh thắc mắc, nhà tâm lý học bèn xung phong giải thích đại khái cho anh nghe về cái "thuyết nghịch lý tài tình và xảo thuật" mà chúng tôi mục kích tuần trước. Trong khi ông còn đang giải thích dở chừng thì cánh cửa hành lang mở ra một cách chậm chạp và lặng lẽ. Tôi đang đứng quay mặt ra phía cửa nên phát hiện ra đầu tiên. "Xin chào!" Tôi nói. "Cuối cùng anh đã về!" Cánh cửa mở rộng hơn, gã du hành xuyên thời gian đứng trước mắt chúng tôi. Tôi chấm dứt câu nói bằng một tiếng kêu kinh ngạc. "Trời ơi! Chuyện gì đã xảy ra vậy?" Ông Bác sĩ thốt lên, ông là người thứ hai nhìn thấy hắn. Mọi người không hẹn mà cùng quay về phía cánh cửa.

Gã du hành xuyên thời gian ở trong một tình trạng thê thảm. Chiếc áo khoác bám bụi dơ bẩn, tay áo dính bê bết màu xanh; tóc hắn rối bù, tôi có cảm tưởng đã bạc hẳn đi - không hiểu vì bụi bám hay vì thực sự thay màu. Mặt hắn xanh rớt như tàu lá, cằm hắn có một vết đứt chưa

lành hẳn, nét mặt khốn khổ và mệt mỏi, như đã trải qua những đau đớn ghê gớm. Hắn đứng phân vân ở ngưỡng cửa một chút, như bị chói mắt bởi ánh đèn. Rồi hắn bước vào, khập khiễng như một gã hành khất thọt chân. Chúng tôi im lặng nhìn, chờ đợi hắn lên tiếng.

Hắn không nói nửa lời, chỉ tiến tới bàn như một người đang bị cơn đau hành hạ, đưa tay về phía chai rượu. Anh chủ bút liền rót champagne vào đầy một chiếc ly, đẩy về phía hắn. Hắn uống cạn, rượu hình như giúp hắn phần nào bình phục: vì hắn bắt đầu nhìn quanh, trên môi hiện ra bóng dáng của nụ cười ma quái quen thuộc. “Anh đã làm chuyện quái quỷ gì vậy?” Ông Bác sĩ hỏi. Gã du hành xuyên thời gian hình như không nghe thấy. “Xin lỗi đã làm phiền quý vị,” hắn nói bằng một giọng không mấy thông suốt. “Tôi không sao cả.” Hắn ngừng lại, đưa ly ra đòi thêm rượu, và tức thì uống cạn. “Ngon thật”, hắn nhận xét. Mắt hắn sáng lên, và một chút sinh khí trở lại trên đôi gò má. Hắn đảo cái nhìn lướt qua chúng tôi với vẻ đờ đẫn nhất định, rồi vòng một lượt quanh căn phòng ấm cúng. Và rồi lại nói, như đang cố tìm một cách diễn đạt cho thích hợp. “Tôi phải đi tắm và thay quần áo đã, rồi tôi sẽ xuống đây giải thích mọi chuyện... Nhớ phần lại cho tôi một chút thịt cừu. Tôi thèm thịt lắm rồi.”

Hắn nhìn xéo qua anh chủ bút, một người khách hiếm khi gặp, và hỏi thăm sức khỏe. Anh chủ bút liền đặt câu hỏi. “Nói thật với ông,” hắn trả lời, “bây giờ tôi chưa được ổn lắm. Nhưng cho tôi ít thời gian, tất cả rồi sẽ tốt đẹp cả

thôi."

Hắn đặt ly xuống đi về phía cửa. Một lần nữa tôi lại chú ý đến vẻ khập khiễng của hắn, tiếng chân lê bước loẹt xoẹt trên sàn, từ chỗ mình đứng, tôi nhìn thấy hai chân hắn thò ra. Đôi chân trần chỉ mang một cặp vớ rách nhuốm máu. Cánh cửa đã đóng lại sau lưng hắn. Nửa hồn tôi còn như muốn quanh quẩn theo, tôi chợt nhớ lại rằng hắn vốn ghét bị người khác chú ý quá mức. Đầu óc tôi rối như mớ bòng bong đến cả phút đồng hồ. Rồi tôi nghe anh chủ bút nói: "Thái độ kỳ quặc của một khoa học gia tên tuổi." Câu nói nghe như tít của một bài báo đã đánh thức tôi trở lại với cõi thật của chiếc bàn ăn sáng sủa trước mặt.

"Trò gì vậy?" Anh ký giả hỏi. "Hắn nhập vai Hành khất nghiệp dư à? Tôi thật không hiểu." Tôi bắt gặp ánh mắt của nhà tâm lý học, và đọc thấy ý nghĩ của tôi trên mặt ông ta. Tôi nghĩ về gã du hành xuyên thời gian đang khập khiễng đau đớn trên lầu. Tôi đang suy tư về đôi chân khập khiễng của gã du hành xuyên thời gian. Và có lẽ chẳng ai khác để ý đến vấn đề đó.

Người thứ nhất hoàn toàn hồi tỉnh là ông Bác sĩ. Ông rung chuông gọi một đĩa đồ ăn nóng - gã du hành xuyên thời gian không thích đầy tớ đứng hầu bàn trong bữa ăn. Thấy thế, anh chủ bút vừa càu nhàu vừa quay qua cầm dao nĩa lên; ông khách Im lặng tức khắc làm theo. Bữa ăn lại tiếp tục. Một vài lời cảm thán được buông ra, xen lẫn chút ngạc nhiên, và rồi anh chủ bút không còn dằn nổi tò mò nữa. "Bộ anh bạn của chúng ta thình lình đánh mất

món lợi tức khiêm nhượng của hắn rồi sao? Hay là hắn đã chìm nghỉm trong hũ rượu?" Anh hỏi. "Tôi chắc chuyện này phải dính tới cái Cỗ máy Thời gian," tôi nói, và tiếp câu chuyện nhà tâm lý học kể dở dang lúc nãy. Những người khách mới rõ ràng là không tin. Anh chủ bút phản ứng. "Du hành xuyên thời gian là cái gì? Người ta đâu thể nào dính bụi đầy áo vì lăn lộn trong sự nghịch lý, phải không quý vị?" Rồi, cơn hứng nổi lên, anh xoay qua chuyện đùa cợt. Rằng ở tương lai không có bàn chải phủi bụi quần áo sao? Anh ký giả cũng không tin một chút nào, anh hùa theo, lấy câu chuyện ra để đùa bỡn. Họ thuộc lớp nhà báo tân thời, những người trẻ tuổi, vui tính, không biết nể nang gì cả. "Đặc phái viên của chúng tôi loan tin trong ngày mốt rằng..." anh ký giả đang nói, đúng ra là đang hét lớn, giữa chừng thì gã du hành xuyên thời gian trở lại. Hắn mặc một bộ đồ buổi tối bình thường, và tất cả những nét đổi thay khiến tôi sửng sốt lúc nãy đã hoàn toàn biến mất, còn chăng là nét phờ phạc trên khuôn mặt hắn mà thôi.

Anh chủ bút đùa: "Mấy tay này nói với tôi là anh đã du hành tới giữa tuần sau! Kể cho chúng tôi biết về 'Little Rosebery[1]' đi, được không? Giá cả thế nào cũng được."

Gã du hành xuyên thời gian không nói lời nào, đi đến chiếc ghế đã dành sẵn cho hắn. Hắn nở nụ cười nhẹ nhàng quen thuộc. "Thịt cừu của tôi đâu?" hắn nói, "Lại được ghim nĩa vào thịt quả là khoan khoái!"

"Kể chuyện đi chứ!" Anh chủ báo giục.

“Không chuyện trò gì cả!” Gã du hành xuyên thời gian đáp. “Tôi muốn ăn cái đã. Tôi không nói một chữ nào hết cho đến khi bơm đủ protein vào mạch máu. Cám ơn. Xin cho một chút muối.”

“Vậy thì một chữ thôi,” tôi yêu cầu. “Anh vừa đi du hành thời gian phải không?”

“Phải,” gã du hành xuyên thời gian gật đầu trả lời với cái mồm đầy thức ăn.

“Tôi trả một shilling cho nguyên văn mỗi dòng,” anh chủ bút nói. Gã du hành xuyên thời gian đẩy cái ly về phía người Im Lặng, và gõ nhẹ móng tay vào thành ly. Người Im Lặng đang chăm chăm nhìn hắn, liền vội vàng rót rượu vào đầy ly cho hắn. Những phút kế tiếp của bữa ăn không thoải mái chút nào. Phần tôi, những câu hỏi cứ đột ngột muốn bật ra khỏi miệng, và tôi dám chắc những người khác cũng thế. Anh phóng viên cố phá tan bầu không khí nặng nề bằng cách kể vài câu chuyện về Hettie Potter. Gã du hành xuyên thời gian chăm chú ăn và thể hiện sự ngon miệng như một gã hành khất. Ông Bác sĩ châm một điếu thuốc, nhíu mày trầm tư quan sát gã du hành xuyên thời gian qua cặp kính mắt. Người Im Lặng càng tỏ ra lúng túng, ông ta uống champagne từng ngụm lớn, hết ly này sang ly khác rõ ràng chỉ vì bối rối. Cuối cùng, gã du hành xuyên thời gian đẩy chiếc đĩa qua một bên và đảo mắt nhìn chúng tôi. “Chắc tôi phải yêu cầu quý vị tha lỗi,” hắn nói. “Chỉ vì tôi đói quá. Tôi đã trải qua

những giờ phút kỳ diệu." Hắn với tay lấy một điếu xì gà và cắt đầu thuốc. "Chúng ta hãy qua phòng hút thuốc. Câu chuyện quá dài, không hợp để kể bên cạnh những chiếc đĩa đầy dầu mỡ." Vừa đi vừa rung chuông báo hiệu cho người hầu, hắn dẫn chúng tôi sang phòng bên cạnh.

"Anh đã nói cho Blank, Dash, và Chose biết về Cỗ máy?" Hắn hỏi tôi, nhắc đến tên ba người khách mới, trong khi tựa lưng trên chiếc ghế xoay.

"Nhưng câu chuyện chỉ là một nghịch lý," anh chủ bút nói.

"Tôi không thể tranh luận đêm nay. Tôi sẵn sàng kể cho quý vị nghe mọi chuyện, nhưng tôi không thể tranh luận. Tôi sẽ," hắn tiếp, "kể về những chuyện đã xảy đến cho tôi nếu quý vị muốn, nhưng tất cả phải hứa là sẽ dằn lòng không ngắt lời tôi mới được. Tôi muốn kể chuyện. Muốn kinh khủng. Gần như toàn thể câu chuyện sẽ giống như những lời nói dối. Chẳng sao cả! Tất cả là sự thật - từng chữ một, đều là sự thật. Bốn giờ chiều nay tôi có mặt trong phòng thí nghiệm, và từ lúc ấy... tôi đã trải qua tám ngày... những ngày mà chưa một người nào khác từng sống! Tôi gần như hoàn toàn kiệt lực, nhưng tôi không thể ngủ cho đến khi tôi kể hết mọi chuyện cho quý vị nghe. Rồi tôi sẽ nghỉ ngơi. Nhưng không được ngắt lời! Đồng ý chứ?"

"Đồng ý," anh chủ bút nói, và chúng tôi phụ họa, "đồng ý!" Thế là gã du hành xuyên thời gian bắt đầu câu

chuyện của hắn, chính là những điều mà tôi sắp viết ra đây. Lúc đầu, hắn tựa lưng vào ghế, kể lể như một người mệt mỏi. Sau một lát, hắn trở nên linh hoạt. Tôi biết rất rõ là với giới hạn của bút mực và tệ hơn nữa là những khiếm khuyết về ngôn từ của mình, thật không thể nào diễn tả nổi sức lôi cuốn của câu chuyện. Tôi đoán là bạn sẽ đọc với mọi sự chú tâm; nhưng bạn không được thấy khuôn mặt trắng nhợt đầy nét chân thành của người kể dưới quầng sáng của ngọn đèn nhỏ, bạn cũng không được nghe những ngữ điệu trong giọng nói của người kể chuyện. Bạn không thể thấy những biểu lộ trên nét mặt hắn tùy theo diễn biến của câu chuyện như thế nào! Hầu hết chúng tôi đều ngồi nghe trong bóng tối, vì những ngọn nến trong phòng không hề được thắp lên. Chỉ có khuôn mặt của anh phóng viên và khoảng chân từ đầu gối trở xuống của người Im Lặng là được chiếu sáng. Lúc đầu thỉnh thoảng chúng tôi còn quay sang nhìn nhau. Một lúc sau chúng tôi không nhìn nhau nữa, tất cả mọi đôi mắt đều dán vào khuôn mặt của gã du hành xuyên thời gian.

CHƯƠNG 3

"Thứ Năm tuần trước, một số trong các quý vị đã nghe tôi trình bày nguyên tắc của Cỗ máy Thời gian, và đã thấy nó - ở tình trạng chưa hoàn thiện. Bây giờ nó vẫn đang ở đó, trầy xước chút đỉnh sau chuyến đi; một cái cần bằng ngà bị nứt, và một cái đai đồng bị cong nhưng những bộ phận khác vẫn còn hoàn hảo. Tôi cứ tưởng có thể hoàn thành nó vào thứ Sáu tuần trước, nhưng đúng hôm đó, khi lắp ghép các thứ gần xong, tôi phát hiện ra một thanh niken bị ngắn mất đúng một inch, buộc lòng phải làm thanh khác, thành thử sáng hôm nay mới xong. Đúng mười giờ sáng, chiếc máy bắt đầu cuộc đời của nó. Tôi kiểm soát lại một lần cuối, vặn chắc những đinh ốc, rỏ thêm một giọt nhớt vào chỗ nối cái thanh thạch anh. Rồi tôi ngồi vào Cỗ máy. Chắc những kẻ tự tử trong phút giây kề súng vào đầu mình cũng mang những băn khoăn về điều gì sẽ xảy ra kế tiếp y hệt như tôi lúc ấy. Một tay tôi đặt trên cần số, tay kia đặt trên cần thắng, nhấn cái thứ nhất, rồi ngay lập tức cái thứ hai. Người tôi đảo lộn vì cái cảm giác như người sa vào cơn ác mộng thấy mình đang rơi; nhìn quanh, tôi vẫn thấy căn phòng thí nghiệm, tất cả y hệt như cũ. Có chuyện gì xảy ra chưa? Trong một thoáng

sau đó, tôi tưởng trí tuệ đã đánh lừa tôi. Nhưng rồi tôi nhìn lên đồng hồ. Ngay trước khi tôi kéo cần số, nó chỉ mười giờ hơn một phút gì đó, còn bấy giờ nó đã chỉ ba giờ rưỡi.

Tôi hít một hơi, nghiến răng, nắm cần số bằng cả hai tay, ấn mạnh xuống. Phòng thí nghiệm mờ đi rồi tối sầm lại. Bà Watchett vào phòng, dường như không hề trông thấy tôi, rồi ra bằng cánh cửa dẫn tới sau vườn. Tôi áng chừng mất khoảng một phút để bà bước qua căn phòng, nhưng tôi lại thấy bà bắn ngang nhanh như một chiếc hỏa tiễn. Tôi ấn cần số xuống mức tận cùng. Bóng đêm ập đến như người ta tắt một ngọn đèn, và trong chớp mắt đã là buổi sáng hôm sau. Căn phòng thí nghiệm càng lúc càng trở nên mờ ảo. Đêm hôm sau buông màu đen tới, rồi ban ngày, rồi lại đêm, lại ngày thay đổi mỗi lúc một nhanh. Những tiếng lùng bùng vang choáng ngợp trong tai tôi, và thật kỳ lạ, đầu óc tôi tràn đầy một cảm giác khủng hoảng.

Tôi e rằng mình không thể diễn tả trọn vẹn những cảm giác đặc dị mà tôi trải qua trong lúc du hành xuyên thời gian. Cực kỳ khó chịu. Cái cảm giác giống hệt như một người bất lực bị phóng nhanh về bóng tối phía trước. Tôi cũng có linh cảm sắp bị đâm vào một cái gì đó mà tan xác. Tốc độ càng tăng, ngày đêm nối nhau như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Nét mờ ảo của căn phòng thí nghiệm hình như đang rời xa tôi, tôi thấy mặt trời từ dưới phóng lên cao từng phút một, mỗi phút đánh dấu một ngày. Tôi đoán căn phòng thí nghiệm đã bị phá huỷ và tôi đã ra

ngoài không khí. Tôi lờ mờ cảm giác thấy cái giàn giáo, nhưng vì đang đi quá nhanh nên không thể nhận rõ bất cứ vật gì. Con ốc sên chậm chạp nhất cũng trở thành siêu tốc đối với tôi. Sự biến đổi chớp nhoáng giữa bóng tối và ánh sáng khiến mắt tôi đau đớn. Rồi trong những khoảng tối ẩn hiện, tôi thấy mặt trăng biến chuyển nhanh chóng từ khuyết đến tròn, và thấp thoáng những ngôi sao xoay vần trên bầu trời. Bấy giờ, tôi vẫn đang di chuyển, vận tốc gia tăng, sự hoán đổi ngày đêm đã hoà thành một màu xám liên tục; bầu trời biến ra một màu xanh đậm huy hoàng, lộng lẫy sắc màu của những buổi hoàng hôn; mặt trời trở thành một đường cong rực lửa đứng yên trên không trung; mặt trăng như một vệt màu khác, nhạt hơn và biến ảo hơn nhiều; tôi không thấy những vì sao nữa, ngoại trừ thi thoảng có đôi vòm sáng lập lòe lẫn vào giữa một vùng xanh thẳm.

Quang cảnh mờ ảo như sương phủ. Tôi vẫn ở trên sườn đồi này, trong ngôi nhà đó, đỉnh đồi ở phía trên tôi nhạt nhòa sắc xám. Tôi thấy cây cối mọc và thay đổi như những đợt hơi nước, lúc nâu, lúc xanh; chúng mọc lên, tỏa bóng, héo rũ, rồi chết. Tôi thấy những tòa nhà khổng lồ vươn cao, mờ và đẹp, rồi tan biến như ảo mộng. Mặt địa cầu hình như biến đổi - tan chảy dưới mắt tôi. Chiếc kim chỉ vận tốc quay càng lúc càng nhanh hơn. Tôi thấy vành đai mặt trời trồi lên thụt xuống, Đông chí luân phiên Hạ chí chỉ trong một phút, từ đó tôi biết cứ mỗi phút tôi vượt qua hơn một năm; mỗi phút tuyết phủ xuống địa cầu, tan

biến, rồi nhường chỗ cho màu xanh ngắn ngủi của mùa xuân.

Những cảm giác khó chịu lúc đầu bớt gay gắt. Chúng nhập vào nhau thành một cơn lạc khoái cuồng loạn. Tôi có chút ấn tượng về việc Cỗ máy đang lắc qua lắc lại, nhưng không hiểu lý do. Đầu óc tôi không còn tỉnh táo để bận tâm đến điều ấy, cùng với một sự điên dại tăng dần, tôi phóng tới tương lai không do dự. Thoạt tiên, tôi toan ngừng lại, nhưng tâm trí chỉ nghĩ tới những cảm giác mới mẻ kia. Bấy giờ, những làn sóng tò mò pha lẫn sợ hãi cuộn dâng rồi ngự trị tâm trí tôi hoàn toàn. Tôi nghĩ tới biết bao sự phát triển lạ kỳ của nhân loại, bao nhiêu tiến bộ tuyệt vời so với nền văn minh sơ khai hiện tại mà tôi không thể nào nhận biết rõ ràng qua hình ảnh của cái thế giới mờ ảo, khó phân định, đang hiện ra rồi tan biến trước mắt tôi! Tôi thấy những công trình kiến trúc tráng lệ đồ sộ mọc lên quanh mình, quy mô hơn bất cứ lâu đài nhà cửa nào của chúng ta; nhưng tất cả dường như đều mong manh, huyền ảo. Tôi thấy một màu xanh tươi đẹp bao phủ ngọn đồi, trường cửu bất chấp mùa đông tuyết giá. Và dù tâm trí đang hỗn loạn, tôi thấy trái đất thật đẹp đẽ. Tôi bèn nghĩ đến việc dừng lại.

Nguy hiểm đặc biệt chính nằm ở khả năng chiếm lĩnh không gian của một vật chất nào đó bởi tôi hoặc Cỗ máy. Một khi tôi còn du hành thật nhanh trong thời gian thì chẳng sao hết; vì tôi, tạm nói là, chỉ như một làn hơi luồn lách dễ dàng trượt qua những kẽ hở của vật chất. Nhưng

nếu ngừng lại thì sẽ liên quan đến việc xung đột của bản thân tôi ở cấp phân tử với bất kể thứ gì ngáng đường, nghĩa là mỗi một phân tử trong thân thể tôi sẽ va chạm vào bất cứ vật gì chiếm cùng chỗ với nó, rồi tạo thành một phản ứng hóa học mạnh mẽ, mà kết quả có thể là một vụ nổ, thổi bay tôi và Cỗ máy Thời gian tới một cõi vô định. Tôi từng suy đi tính lại điều này khi chế tạo Cỗ máy, và vui vẻ chấp nhận tất cả mọi rủi ro bất khả kháng như một sự liều lĩnh phải có trong đời. Nhưng lúc đối diện với rủi ro, tôi thấy mình không còn nhìn sự việc vui vẻ như thế nữa. Thực tế là vậy, sự kỳ lạ tột cùng của mọi việc, độ rung, lắc ghê gớm của chiếc máy, và nhất là cảm giác của một người đang rơi không ngừng, khiến hệ thống thần kinh của tôi đảo lộn. Tôi tự nhủ có lẽ mình chẳng thể nào ngừng lại nổi, nhưng với một cơn nóng nảy bột phát, tôi quyết định dừng lại ngay lập tức. Như một gã ngốc bộp chộp, tôi kéo giật chiếc cần, tức thì Cỗ máy lật úp, ném văng tôi ra ngoài không khí.

Có tiếng sấm rền vang bên tai tôi. Hình như tôi choáng váng mất một lúc. Quanh tôi một trận mưa đá đang đổ xuống cuồng loạn, rồi tôi nhận ra mình đang ngồi trước Cỗ máy thời gian lật úp. Vạn vật như vẫn còn mang màu xám, nhưng lúc ấy những tiếng ù trong tai tôi đã tan biến. Tôi nhìn quanh. Chỗ tôi đang ngồi hình như là một thảm cỏ trong một khu vườn, với nhiều bụi đỗ quyên bao quanh, tôi nhận thấy những đóa hoa tim tím rụng rơi lả tả trong cơn mưa đá. Những cục nước đá văng vào chiếc máy

thời gian, bật lên tung toé như một cụm mây nhỏ, rồi rớt xuống chạy dài trên đất như những làn khói. Chỉ trong nháy mắt, tôi đã ướt như chuột lột. "Hay nhỉ", tôi thốt lên, "tiếp đãi một người vượt vô tận thời gian để đến đây là thế này đây."

Lúc ấy tôi nghĩ để bị ướt như vậy thật là dại. Tôi đứng dậy, nhìn quanh. Một hình thù khổng lồ, hình như được chạm khắc bằng đá trắng, hiện ra mờ mờ trong làn mưa sau những bụi đỗ quyên trải dài liên tiếp. Đó là tất cả những gì tôi thấy.

Cảm giác của tôi lúc ấy thật khó tả. Khi lớp mưa đá thưa dần, tôi thấy cái khối màu trắng rõ hơn. Quả thực khổng lồ, vì ngọn cây bạch dương bên cạnh chỉ cao lưng chừng nó. Đó là một khối cẩm thạch, giống như các khối hình Nhân sư có cánh, nhưng đôi cánh thay vì xếp thẳng đứng dọc thân lại xòe ra tạo thành dáng điệu như đang bay bổng. Những cái bục, hiện ra trước mắt tôi, hình như bằng đồng, với lớp gỉ đồng xanh hoen ố. Gương mặt nó tình cờ hướng về phía tôi, đôi mắt vô hồn như cũng đang nhìn tôi, và một nét cười thoảng trên đôi môi nó. Nó đã bị tàn tạ bởi thời gian, và gợi lên một cảm giác bệnh hoạn. Tôi đứng nhìn nó, nửa phút, mà cũng có thể là nửa giờ đồng hồ. Nó như tiến lên, lùi xuống tùy theo lớp mưa đá mau hay thưa. Cuối cùng tôi rời mắt khỏi nó và thấy trận mưa đá đã chỉ còn những hạt nhỏ li ti, không trung sáng lên hứa hẹn sự xuất hiện của mặt trời.

Tôi lại nhìn về phía bức tượng khổng lồ, và đột nhiên

thấy chuyến đi của mình thật quá liều lĩnh. Việc gì sẽ xảy ra khi màn mưa đá mờ ảo kia hoàn toàn biến mất? Có chuyện gì không thể xảy ra cho loài người chứ? Biết đâu sự bạo tàn đã trở thành tình cảm bình thường? Biết đâu trên con đường tiến hóa, con người đã mất hẳn nhân tính, trở thành một giống loài vô cảm, với những khả năng cực kỳ ghê gớm? Biết đâu tôi sẽ bị coi như một con người tiền sử hoang dã của thời nguyên thủy, với nét tương tự về hình dáng càng gây thêm sự ghê sợ khó chịu, một con vật dơ bẩn cần bị giết ngay lập tức?

Thế rồi nhờ cơn mưa ngớt dần, tôi bắt đầu nhìn thấy những kiến trúc đồ sộ khác - những tòa nhà khổng lồ với ban công phức tạp và hàng cột cao vút, cùng vạt đồi bao phủ bởi cây cối rậm rạp. Tôi đâm ra hoảng hốt. Tôi cuống cuồng chạy tới Cỗ máy Thời gian, cố tìm cách điều chỉnh nó. Lúc ấy, ánh mặt trời chiếu sáng sau cơn giông. Màn mưa xám xịt bị cuốn sang bên, rồi tan biến như đuôi áo của một bóng ma. Trên đầu tôi là bầu trời xanh thăm thẳm của một ngày mùa hạ, vài thoáng mây nâu mờ trôi vào cõi hư vô. Những tòa nhà khổng lồ hiện rõ quanh tôi, lấp lánh ánh nước đọng lại sau cơn mưa, và nổi bật trên nền trắng tạo thành bởi những hạt mưa đá chưa kịp tan còn nằm dọc theo những hàng gạch. Tôi thấy mình như kẻ trần truồng trong một thế giới xa lạ. Tôi thấy mình như một con chim nhỏ đang bay, với dự cảm phía trên cao bọn diều hâu sắp nhào xuống. Cơn sợ hãi biến thành khủng hoảng. Tôi thở vội lấy hơi, nghiến chặt răng, vật lộn cùng

Cỗ máy Thời gian bằng cả tứ chi. Với nỗ lực tuyệt vọng của tôi, nó đã lật lại. Đập một cú trời giáng vào cằm tôi. Một tay đặt trên chỗ ngồi, tay kia trên cần số, tôi vừa thở dốc vừa cuống quýt cố leo lên Cỗ máy.

Nhưng ngay khi biết rằng mình có cơ trốn thoát, sự can đảm liền trở lại với tôi. Tôi lại nhìn, lần này tò mò nhiều hơn là sợ hãi, cái thế giới của một tương lai xa xôi. Bên ô cửa sổ tròn trên cao một tòa nhà gần đó, tôi thấy một nhóm người trong y phục mềm mại đắt tiền. Họ cũng đã thấy tôi, và tất cả đều quay mặt ra nhìn.

Rồi tôi nghe tiếng người đến gần. Lấp ló sau bụi cây gần tòa Nhân sư trắng, tôi thấy đầu và vai của những người đang chạy. Một trong số đó xuất hiện trên con đường nhỏ dẫn tới thảm cỏ chỗ tôi và Cỗ máy. Đó là một tạo vật nhỏ bé - có lẽ khoảng bốn feet, khoác áo chẽn màu tím, cùng chiếc thắt lưng bằng da. Chân hắn xỏ sandal hoặc giày mềm chi đó mà tôi không nhìn rõ, ngoài ra để trần từ gối trở xuống, và đầu hắn cũng để không. Xin lưu ý rằng đó là lần đầu tiên tôi nhận ra rằng không khí xung quanh thật nóng.

Hắn làm tôi cảm tưởng về một tạo vật xinh đẹp, dịu dàng, nhưng vô cùng yếu đuối. Nét mặt ửng hồng của hắn khiến tôi nghĩ tới cái đẹp của những người bị bệnh lao - cái đẹp cuồng nhiệt mà chúng ta từng nghe nhiều lần. Nhìn hắn, tôi đột nhiên sinh ra tự tin. Thế là tôi buông tay ra khỏi Cỗ máy.

CHƯƠNG 4

Thời khắc chúng tôi đứng đối diện nhau cũng tới, tôi và con người yêu ớt của tương lai. Hắn đi thẳng đến bên tôi và cười phá lên. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ hắn sợ hãi, điều đó đã làm tôi ngạc nhiên hết sức. Rồi hắn quay qua hai người vừa ruổi tới và nói với họ bằng một giọng lạ lùng nhưng rất ngọt ngào và uyển chuyển.

Vài người khác cũng đi tới, đây là một nhóm tám hay mười tạo vật mảnh khảnh vây quanh tôi. Một trong số họ lên tiếng hỏi. Tôi chợt nhận ra giọng của mình quá thô và trầm. Thế nên tôi lắc đầu và chỉ vào tai mình, lắc đầu lần nữa. Người đó tiến tới một bước, rụt rè, và sờ tay tôi. Rồi tôi cảm thấy những xúc tua mềm mại nhỏ xíu trên lưng và vai. Họ muốn biết chắc rằng tôi có thật. Cử chỉ của họ không có chút nào vẻ đề phòng. Quả thật, có cái gì đó trong những con người nhỏ bé đẹp đẽ này toát ra sự tự tin, nhã nhặn duyên dáng, nét ngây thơ hiển nhiên của trẻ con. Bên cạnh đó, họ trông rất yếu đuối, đến nỗi tôi tưởng tượng một mình tôi có thể quăng đổ một tá người bọn họ như chơi bowling với chín con ky. Nhưng tôi chỉ làm một cử chỉ đe dọa khi thấy những bàn tay hồng hào rờ rẫm Cỗ

máy Thời gian. Đáng mừng thay, khi chưa quá muộn, tôi đã nghĩ đến mối nguy hiểm mà tôi hầu như quên bẵng cho đến giờ, liền vươn tới những thanh ngang của Cỗ máy, tháo những cái cần số nhỏ xíu dùng để khởi động nó, rồi bỏ tọt chúng vào túi. Sau đó tôi quay lại, suy nghĩ làm cách nào để chuyện trò với họ.

Nhìn gần hơn, tôi thấy vài nét sâu xa riêng biệt trong vẻ đẹp thường thấy trên đồ sứ Dresden của họ. Tóc, uốn cong một cách đều đặn, đuôi tóc ở cổ và gò má để nhọn; không một điểm nổi bật nào trên khuôn mặt, dù là mờ nhạt nhất, tai của họ đặc biệt nhỏ xíu. Cái miệng cũng nhỏ với đôi môi mỏng đỏ thắm, còn chiếc cằm thì nhọn hoắt. Đôi mắt lớn, dịu dàng; và - có lẽ là do tính tự phụ của tôi - tôi cho rằng họ còn kém hấp dẫn hơn những gì tôi hằng mong đợi.

Họ không tỏ ý muốn trò chuyện cùng tôi, chỉ đứng chung quanh mỉm cười và nhẹ nhàng thủ thỉ cùng nhau, tôi đành mở màn câu chuyện. Tôi chỉ vào Cỗ máy Thời gian và mình. Rồi do dự tìm cách diễn tả thời gian trong một chốc, tôi chỉ lên mặt trời. Ngay lập tức một người nhỏ bé xinh đẹp trong y phục kẻ ô vuông tím và trắng làm theo điệu bộ của tôi, làm tôi hết sức ngạc nhiên bằng cách bắt chước tiếng sấm.

Trong chốc lát, tôi sửng sốt, mặc dù ngụ ý trong dáng điệu của hắn ta khá rõ ràng. Câu hỏi đến trong trí tôi một cách đột ngột: bọn này ngớ ngẩn chăng? Quý vị có lẽ khó hiểu điều đó chấn động tôi cỡ nào. Mọi người cũng thấy tôi

luôn mong đợi rằng con người của những năm tám trăm linh hai ngàn sẽ siêu việt hơn chúng ta về mặt kiến thức, nghệ thuật, tất cả... Rồi một người trong bọn đột nhiên hỏi tôi một câu cho thấy trí thông minh của anh ta ở ngang với một đứa trẻ lên năm - anh ta hỏi tôi, có thật tôi đến từ mặt trời trong một cơn bão! Việc này làm lung lay sự đánh giá mà tôi đã dựa trên những bộ áo quần của họ, những cánh tay mảnh dẻ yếu ớt, cùng những đặc điểm yếu đuối. Một cơn thất vọng xẹt ngang qua đầu tôi. Thoáng chốc, tôi có cảm tưởng mình đã chế tạo Cỗ máy Thời gian thật vô ích.

Tôi gật đầu, chỉ lên mặt trời, và tặng lại một tiếng vỗ tay vang như sấm, khiến họ giật mình. Tất cả bọn họ lui lại một bước và cúi chào. Rồi một người vừa cười vừa tiến về phía tôi, mang theo một tràng hoa tuyệt đẹp mà tôi chưa hề thấy, choàng lên cổ tôi. Ý định này được ngay một tràng pháo tay tán thưởng, bấy giờ, tất cả chạy đôn chạy đáo tìm hoa, tươi cười choàng lên người tôi đến nỗi muốn nghẹt thở. Quý vị không chứng kiến tận mắt nên khó tưởng tượng được vẻ tinh tế và tuyệt đẹp của những bông hoa được vun trồng của vô hạn năm sau. Rồi một người gợi ý rằng nên trưng bày món đồ chơi này ở tòa nhà gần đó, thế là họ dẫn tôi ngang qua Tòa Nhân sư cẩm thạch trắng tới trước một tòa nhà xây bằng đá đã bị xói mòn, tôi có cảm tưởng như đôi mắt của con Nhân sư như vẫn dõi theo, và dường như đang cười trên sự ngạc nhiên của tôi. Vừa đi tôi vừa nhớ lại niềm tin mãnh liệt của mình trước

đây về đám hậu bối trong tương lai đầy nghiêm trang và trí tuệ mà không khỏi tức cười.

Tòa nhà có cánh cổng thật lớn, và những phần khác cũng vĩ đại không kém. Theo lẽ tự nhiên, tôi nghĩ nhiều nhất đến đám người bé nhỏ càng lúc càng tụ về đông đảo, và những cánh cổng đang dần mở rộng hé lộ ra những bóng tối và bí mật. Ấn tượng chung mà tôi nhìn từ trên cao, qua đầu đám người thấp bé, về thế giới của họ, là một khoảng mênh mông đầy những bụi cây và bông hoa đẹp đẽ, một khu vườn bị bỏ quên nhưng lại không có dấu vết nào của loài cỏ dại! Tôi thấy những cái gai dài của những đóa hoa trắng lạ lùng, những cánh hoa như bằng sáp đường kính phải tới một foot. Chúng mọc rải rác, như cây dại, xen lẫn những bụi cây đủ loại, nhưng, như tôi đã nói, tôi không quan sát thật kỹ lúc đó. Cỗ máy Thời gian bị bỏ lại một mình nơi bãi đất, cạnh những bụi đỗ quyên.

Các vòm cửa được chạm trổ tỉ mỉ, dĩ nhiên tôi không xem kỹ những nét chạm, nhưng tôi nghĩ chúng gợi cho tôi nhớ tới những hoa văn Phoenician cổ khi đi ngang qua, đồng thời cũng khiến tôi chú ý là những họa tiết này đều rất cũ, và bị tàn phá bởi thời gian. Tôi gặp thêm vài người mặc y phục rực rỡ, họ nhập bọn với chúng tôi và cùng đi vào trong, với bộ quần áo tồi tàn của thế kỷ XIX, tôi như một hình ảnh đối lập thô kệch, người phủ đầy hoa, được vây quanh bởi những bộ y phục đủ màu tươi mát, những tay chân trắng muốt, và du dương những tiếng nói cười.

Qua cánh cửa lớn là một hội trường rộng mênh mang

với những bức tường nâu. Trần nhà chìm trong bóng tối, những khung cửa sổ nửa kính màu nửa trong suốt tỏa ra một thứ ánh sáng dìu dịu. Sàn nhà được tạo thành bởi những khối lớn của một thứ kim loại trắng rất cứng, không phải những mảnh, miếng mà nguyên khối, sàn đã cũ lắm rồi, chắc đã được bước qua bước lại bởi nhiều thế hệ, và hằn rõ thành vết đậm ở những lối nhiều người đi lại. Vuông góc với lối đi là vô số những chiếc bàn làm bằng những khối đá mài, cao khoảng một foot so với mặt sàn, trên có trái cây xếp thành đống. Tôi nhận ra trong đó có mâm xôi và cam, còn hầu hết là những loại quả tôi chưa từng trông thấy.

Giữa những chiếc bàn là rất nhiều các tấm nệm xếp rải rác. Đám người kia ngồi xuống nệm và ra hiệu cho tôi làm theo. Không có nghi lễ rườm rà, họ bắt đầu với tay ăn trái cây, ném vỏ, cuống, hột v.v... vào những lỗ tròn ở thành bàn. Tôi làm theo họ không chút ngại ngùng, vì đang rất đói và khát. Vừa ăn, tôi vừa thư thái quan sát căn phòng.

Điều khiến tôi chú ý nhất là vẻ điêu tàn của nó. Những ô cửa sổ kính màu - trang trí bằng các đường nét kỷ hà đơn giản - đã bị vỡ ở nhiều nơi, những tấm rèm treo bên dưới bụi phủ dày cộm. Đập vào mắt tôi là chiếc bàn đá kế bên đã bể một góc. Dẫu vậy, hình ảnh tổng quan vẫn là sang trọng và tuyệt đẹp. Có lẽ trong phòng phải có tới hai trăm người đang ăn uống, ai nấy đều cố tìm cách đến gần tôi hơn, để quan sát tôi chăm chú bằng đôi mắt tí xíu lấp lánh phản chiếu trên những trái cây mà họ đang ăn. Tất cả

đều mặc cùng một loại y phục, làm bằng một thứ giống như lụa, có vẻ mềm mại nhưng bền chắc.

Dẫu vậy, trái cây là đồ ăn duy nhất của họ. Những con người tương lai này là dân ăn chay hoàn toàn, vì vậy trong thời gian ở với họ, dù có nổi cơn thèm thịt, tôi vẫn phải chén toàn hoa quả. Sau tôi khám phá rằng ngựa, bò, lợn, cừu, chó đều đã theo bước khủng long vào cõi tuyệt chủng. Nhưng trái cây của họ cũng rất ngon, một loại, hình như đang vào đúng mùa lúc tôi ở đó, vỏ hình tứ diện, cùi bên trong như bột, cực kỳ ngon, tôi luôn luôn chọn làm món chính. Lúc đầu, tôi khá lúng túng với những những trái cây lạ lẫm, và cả những bông hoa chưa thấy bao giờ, rồi dần dà cũng quen dần với chúng.

Quý vị vừa nghe về bữa ăn trái cây của tôi trong tương lai xa vời. Khi cơn thèm ăn đã hạ nhiệt, tôi quyết định tìm cách học ngôn ngữ của những người bạn mới. Hiển nhiên đó là việc kế tiếp phải làm. Các loại trái cây có vẻ như một cách bắt đầu hợp lý, nhón lấy một trái, tôi cố làm dấu hỏi tên bằng cả âm thanh và cử chỉ. Có chút khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng của mình. Thoạt đầu, họ chỉ đáp lại tôi bằng những cái nhìn ngạc nhiên hoặc những tràng cười bất tận, nhưng rồi một người với mái tóc hoe vàng hiểu ý, bèn lặp đi lặp lại một cái tên. Họ mất khá nhiều thời giờ trao đổi, giải thích cho nhau; và nỗ lực của tôi khi thử lặp lại một cách thô thiển âm thanh líu lo vừa được dạy đã biến thành trò tiêu khiển lớn của họ. Dẫu vậy, như một ông thầy giáo giữa đám học trò nhỏ, tôi cứ tiếp tục,

một lát sau tôi thuộc một số danh từ đơn, rồi một số đại từ, và ngay cả động từ "ăn". Nhưng đó là một việc làm đòi hỏi nhiều công phu, và chẳng mấy chốc những người bạn nhỏ bé của tôi đã tỏ vẻ chán nản, và tìm cách tránh xa những câu truy hỏi, tôi đành quyết định không ép uổng nữa, cứ để họ dạy ít một khi thấy cần. Quả thực vô cùng ít ỏi, vì chẳng bao lâu sau tôi khám phá ra rằng những người bạn nhỏ bé mới quen của tôi là những người lười biếng nhất và mau mệt mỏi nhất mà tôi từng biết.

Cũng ngay sau đó, tôi khám phá rằng những vị gia chủ nhỏ bé này chẳng hề chú tâm tới bất kỳ chuyện gì cả. Họ có thể đến gần tôi, thốt lên những tiếng ngạc nhiên như trẻ nhỏ, nhưng cũng như trẻ con, họ tức thì bỏ rơi tôi để đi tìm kiếm món đồ chơi khác. Bữa ăn và cuộc đàm thoại đầu tiên chấm dứt, ghi nhận đầu tiên của tôi là đám người gặp tôi ngoài bãi đất đều đã biến mất. Mà quả thật là lạ, vì chính tôi cũng quên những người mới gặp một cách mau chóng. Cơn đói vừa hết, tôi bước ra khỏi cửa, ngoài trời đầy ánh nắng. Tôi lại gặp thêm nhiều nhóm người của tương lai, họ đều bước theo tôi một quãng, tếu táo với nhau về tôi, rồi sau khi cười nói và tỏ vài thái độ thân thiện, họ lại bỏ đi để mặc tôi muốn làm gì thì làm.

Sự tĩnh lặng của chiều tà buông xuống mặt đất khi tôi vừa thoát khỏi hội trường, khung cảnh quanh tôi được soi sáng bởi ánh nắng vẫn còn ấm áp của mặt trời sắp lặn. Thoạt tiên mọi thứ đều rất lộn xộn. Tất cả đều quá khác lạ so với thế giới của tôi, ngay cả những bông hoa. Tòa nhà

lớn mà tôi được dẫn vào lúc nãy nằm trên sườn một thung lũng ven sông rộng, nhưng dòng Thames này đã dịch chuyển khoảng một dặm từ vị trí hiện giờ của nó. Tôi quyết định đi lên một đỉnh đồi, cách nơi đang đứng khoảng một dặm rưỡi, từ đó tôi có thể phóng tầm mắt ra xa để biết rõ hơn cái hành tinh của chúng ta ở năm tám trăm linh hai ngàn bảy trăm linh một sau Công nguyên. Về con số này, cũng nên nói là tôi đọc nó từ đồng hồ chỉ năm của Cỗ máy Thời gian.

Vừa đi tôi vừa cố tìm những dấu hiệu giúp tôi giải thích sự huy hoàng đã hóa điêu tàn của thế giới, vì khung cảnh quả là điêu tàn thật. Con đường mòn dẫn lên đỉnh đồi chẳng hạn, là một đống đá nối với nhau bằng những tảng nhôm, một mê cung phức tạp tạo bởi những bức tường thẳng đứng cùng những đống phế liệu, xen lẫn vào đó là những bụi cây dại chồng chất lên nhau - có thể là cây tầm ma - nhưng là xen lẫn ánh nâu thật đẹp và hoàn toàn không có gai sắc. Chắc chắn đây là tàn tích của một công trình kiến trúc vĩ đại, dựng lên để làm gì thì tôi không thể biết. Chính nơi đó số mạng sau này đã dẫn dắt để tôi có một kinh nghiệm lạ kỳ - là bước khởi đầu của một khám phá còn lạ kỳ hơn nữa - mà lát nữa tôi sẽ kể khi đến lúc.

Nhìn từ một mô đất mà tôi đứng nghỉ tạm, đột nhiên tôi nhận ra là xung quanh không hề có một ngôi nhà nào cả. Những căn hộ cá nhân hay nhà riêng đã biến mất. Đây đó giữa khoảng xanh mênh mông là những tòa nhà trông tựa như các dinh thự nguy nga; nhưng những căn nhà

nhỏ, những mái nhà tranh đặc thù của đời sống người Anh quốc chúng ta, đều không còn nữa.

"Cộng sản." Tôi lẩm bẩm với chính mình.

Vừa nghĩ đến đó, óc tôi lại nảy thêm một điều nữa. Tôi nhìn vào nửa tá người theo sau tôi. Đột nhiên tôi nhận ra tất cả đều cùng một loại y phục, cùng dạng khuôn mặt nhẵn nhụi mềm mại, và cùng một kiểu chân tay tròn trịa nữ tính. Thật lạ kỳ, vì trước đó tôi chưa hề để ý đến sự tương tự này. Nhưng trong chuyến đi này của tôi, có gì mà không lạ kỳ đâu? Bấy giờ, tôi đã có cái nhìn chân thực đầy đủ. Từ y phục, đến tất cả những điểm để phân biệt giới tính, đều đã trở thành giống nhau ở những con người tương lai. Ngay cả những đứa trẻ, dưới mắt tôi, chỉ là những hình thu nhỏ của cha mẹ chúng. Tôi cho rằng trẻ con thời tương lai phát triển rất sớm, tối thiểu là về mặt thể chất; và sau này tôi tìm ra nhiều bằng cớ cho quan điểm này.

Nhìn thấy đời sống dễ dàng và an toàn mà những người tương lai được hưởng, tôi cảm tưởng sự tương tự giữa hai giới tính là một kết quả đoán được; sự mạnh mẽ của phái nam, sự dịu dàng của phái nữ, hệ thống gia đình, và sự khác biệt về nhiệm vụ giữa hai phái chỉ là một hiện tượng bắt buộc cho nhu cầu sinh tồn của thời đại sức mạnh vật chất. Khi dân số đã quân bình và đông đảo, việc sinh đẻ nhiều không còn là may mắn mà trở thành một bất hạnh. Khi bạo lực hiếm khi xảy ra và những đứa bé sơ sinh được bảo đảm an toàn, người ta sẽ bớt cần - thực ra là

không cần nữa - sự đùm bọc của gia đình, và sự phân công nhiệm vụ của hai phái trong việc chăm sóc trẻ sơ sinh sẽ biến mất. Chúng ta đã thấy một số dấu hiệu mở đầu cho tiến trình này ngay trong thời đại mình; ở tương lai, nó được hoàn tất. Cần nhắc cho quý vị rõ, đó chỉ là suy đoán của tôi khi ấy. Sau này tôi mới nhận thức ra sự thật lại hoàn toàn khác hẳn.

Trong khi đang đăm chiêu suy tưởng, một kiến trúc bé nhỏ tự nhiên thu hút sự chú ý của tôi. Nó có hình như một cái giếng bên dưới một mái vòm. Tôi ngờ ngợ rằng những cái giếng kỳ quái vẫn còn hiện hữu, rồi lại tiếp tục dòng suy nghĩ. Đường đi lên đồi không có dinh thự nào cả, và sức đi bộ của tôi hẳn nhiên rất phi thường, thế nên lần đầu tiên tôi chỉ còn lại một mình. Một cảm giác tự do và phiêu lưu đến kỳ lạ đã thôi thúc tôi đi lên đỉnh đồi.

Trên đó tôi thấy một chiếc ghế làm bằng một thứ kim loại màu vàng mà tôi không biết, vài chỗ đã hoen gỉ ngả sang màu hồng và lấm tấm rêu phong, tay ghế được đúc và trở thành hình đầu sư điểu. Tôi ngồi xuống quan sát quang cảnh thế giới của chúng ta dưới ánh tà dương sau một ngày dài. Khung cảnh êm đềm và diễm lệ chẳng kém bất cứ cảnh nào tôi từng được thấy. Mặt trời vừa khuất sau chân trời, phía tây lung linh một màu vàng rực pha lẫn những dải tím và đỏ thẫm. Phía dưới là thung lũng bên dòng Thames, con sông như một dải thép dài bóng loáng. Tôi đã kể về những dinh thự khổng lồ rải rác khắp nơi trong vùng đất mông mênh đầy cây cỏ, một số hoang phế,

một số vẫn còn người ở. Đó đây những công trình kiến trúc màu trắng hay bạc nổi lên trong khu vườn hoang của trái đất, đó đây, rải rác nhô lên những mái vòm hay đền đài. Không có hàng rào, không có dấu hiệu của sở hữu tài sản cá nhân, không có minh chứng gì của trồng trọt; toàn thể địa cầu đã biến thành một khu vườn vĩ đại.

Vừa quan sát tôi vừa suy đoán về những điều đã thấy, và buổi chiều hôm đó đại khái tôi nghĩ thế này, (về sau tôi hiểu là mình chỉ đúng phân nửa, chính xác hơn là mới chỉ thoáng thấy một mặt nhỏ của sự thật):

Tôi cho rằng tôi đang chứng kiến giai đoạn suy tàn của con người. Hoàng hôn rực lửa khiến tôi liên tưởng đến buổi hoàng hôn của nhân loại. Đó là lần đầu tiên tôi nhận ra hậu quả lạ thường của những nỗ lực xã hội đang được chúng ta thực hiện. Tuy nhiên, nếu xét cho kỹ, thì tất cả đều hợp lý. Sức mạnh là kết quả của nhu cầu sinh tồn; sự an toàn bao bọc cho sự yếu đuối. Công cuộc cải thiện điều kiện sống - một tiến trình văn minh tất yếu giúp cho đời sống càng lúc càng an toàn - đã tiến dần đến tột đỉnh. Con người đoàn kết tranh đấu với thiên nhiên, đạt hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Những điều chỉ là mơ mộng ở hiện tại đã trở thành kế hoạch và được triển khai. Và những gì tôi thấy chính là thành quả đó!

Sau rốt, ngành bảo vệ sức khỏe và nông nghiệp ở thời đại chúng ta vẫn còn ở trình độ sơ khai. Khoa học thời nay mới chỉ tiến công vào một phạm vi rất nhỏ trong các dịch bệnh của loài người, nhưng ngay cả như thế, nó cũng đã

mở rộng vai trò của mình một cách từ từ và bền vững. Nông nghiệp và trồng trọt, khi diệt trừ cỏ dại đây đó, trồng lên vài loại cây hữu ích, rồi bỏ mặc phần lớn còn lại tự đấu tranh sinh tồn. Chúng ta cải tiến cây cối, súc vật mà chúng ta thích - số lượng mới ít ỏi làm sao - bằng phương pháp chọn lọc giống; lúc thì một loại trái đào mới ngon hơn, khi thì một loại nho không có hạt, rồi một loại hoa lớn hơn và thơm hơn, rồi vài giống gia súc mới dễ nuôi hơn. Việc cải tiến diễn ra từ từ, vì những ý tưởng của chúng ta chỉ lờ mờ và mang nhiều tính thử nghiệm, bởi kiến thức của con người ta rất hạn chế, và cũng vì Thiên nhiên thật nhút nhát và chậm chạp trong bàn tay của chúng ta. Một ngày nào đó, tất cả sẽ được tổ chức quy củ hơn, tốt đẹp hơn nữa. Như dòng nước vẫn cứ chảy xuôi bất chấp những vũng xoáy. Cả thế giới sẽ trở thành thông minh, học thức, và có tinh thần hợp tác, tất cả sẽ vận hành càng lúc càng nhanh trong công cuộc chinh phục thiên nhiên. Cuối cùng, một cách khôn ngoan và thận trọng, chúng ta sẽ điều chỉnh sự cân bằng giữa động vật và thực vật phù hợp với nhu cầu của con người.

Những điều chỉnh này, theo tôi, đã và đang được thực hiện rất tốt trong toàn bộ thời gian, các khoảng thời gian mà Cỗ máy của tôi đã vượt qua. Trên không hết hẳn ruồi muỗi, dưới đất cỏ hoang và nấm dại không còn; chỉ có trái cây, những bông hoa tươi đẹp,và những cánh bướm sặc sỡ bay lượn. Phương cách ngừa bệnh lý tưởng đã được tìm thấy. Bệnh tật hoàn toàn biến mất. Tôi không thấy bất cứ

dấu hiệu nào của bệnh truyền nhiễm trong suốt thời gian ở đây. Và tôi cần nói thêm rằng cả các quá trình thối rữa và phân hủy cũng bị ảnh hưởng sâu sắc bởi những thay đổi này.

Một thành quả nữa là sự chiến thắng của đời sống xã hội. Tôi thấy nhân loại sống trong những ngôi nhà nguy nga, y phục lộng lẫy, vậy mà không ai làm việc vất vả. Không có dấu hiệu gì của đấu tranh, cả về phương diện xã hội cũng như kinh tế. Những cửa hàng, quảng cáo, vận chuyển, tất cả những thứ liên quan đến thương mại được coi là một phần căn bản của đời sống chúng ta, đều đã biến mất. Và trong buổi chiều hoàng kim đó, ý tưởng về một thiên đường xã hội đã đến với tôi một cách tự nhiên. Tôi đoán là nạn nhân mãn đã được giải quyết, và tổng số nhân loại không tăng thêm nữa.

Nhưng với điều kiện sống thay đổi, con người cũng phải thay đổi cho thích hợp. Và nếu ngành sinh vật học không phải một chuỗi sai lầm thì nguyên nhân gì dẫn đến sự suy thoái về trí tuệ và thể chất của loài người? Hoàn cảnh khắc nghiệt nhưng tự do là điều kiện để những người năng động mạnh mẽ và khôn ngoan tồn tại trong khi những kẻ yếu bị dồn vào chân tường; đó cũng là điều kiện cho sự trung thành, sự tự chế, kiên nhẫn, và khả năng quyết định được ca ngợi. Tổ chức gia đình và những tình cảm từ đó sinh ra, tính ghen tuông tàn khốc, niềm từ ái với con cái, sự hy sinh của cha mẹ, tất cả đều từ nhu cầu bảo vệ những sinh mệnh non nớt mà ra. Nhưng giờ đây

nào còn mối nguy hiểm đâu? Ở đó, có một thứ tình cảm nảy sinh và tăng trưởng, chống lại những ghen tuông giữa vợ chồng, những tình mẫu tử cuồng nhiệt, cũng như tất cả mọi loại tình cảm khác, bởi tất cả những tình cảm đó không còn cần thiết nữa, chỉ còn là đầu mối gây ra những khó chịu, tính hoang dã, bất hòa trong một đời sống tiến bộ vui tươi.

Tôi nghĩ đến vóc dáng yếu đuối và sự thiếu thông minh của những người tương lai, đến những tàn tích đầy rẫy xung quanh, càng củng cố niềm tin của tôi rằng con người đã hoàn toàn chiến thắng thiên nhiên. Vì sau trận đánh là sự im lặng. Con người đã mạnh mẽ, tràn đầy năng lượng, thông minh, và đã sử dụng năng lực phong phú của mình để thay đổi điều kiện sống. Và bây giờ là những phản ứng của sự đổi thay đó.

Trong hoàn cảnh mới, tuyệt đối thoải mái và tuyệt đối an toàn, nguồn năng lực bất tận mà chúng ta gọi là sức mạnh giờ trở thành yếu đuối. Ngay cả trong thời đại của chúng ta, một số khuynh hướng và ham muốn, rất cần thiết cho sự tồn tại, đã trở thành căn do của thất bại. Sự mạnh mẽ về thể chất và tính hiếu chiến, chẳng hạn, không còn hữu ích, thậm chí còn biến thành trở ngại cho con người văn minh. Trong một môi trường cân bằng về thể chất và an ninh, sức mạnh, trí tuệ cũng như thể xác, chẳng còn chỗ đứng nào nữa. Vô hạn năm đã trôi qua, tôi đoán thế giới không bị đe dọa bởi chiến tranh cũng như tội ác cá nhân, không bị đe dọa bởi thú dữ, không có bệnh

tật hiểm nghèo đòi hỏi sức mạnh để tồn tại, và không có nhu cầu lao động. Trong một đời sống như vậy, kẻ mà chúng ta gọi là yếu cũng thích ứng y hệt như kẻ mạnh, nên không thể gọi họ là yếu nữa. Họ mới chính là người thích ứng tốt hơn, vì kẻ mạnh sẽ bị bứt rứt bởi năng lượng không có chỗ phát tiết. Hẳn nhiên nét đẹp thanh thoát của những tòa nhà mà tôi thấy chính là phút lóe sáng cuối cùng của cái năng lượng nhân sinh đã mất đi mục đích ấy, trước khi nó lắng mình hòa hợp hoàn toàn vào đời sống mới - đoạn kết của chiến thắng, và khởi điểm của nền hòa bình sau cuối. Đây là số phận của năng lượng sau khi đã có sự an toàn; nó chuyển hóa thành nghệ thuật, dục tính, rồi trở nên trễ nải và lụi tàn.

Ngay cả khuynh hướng nghệ thuật cuối cùng cũng phải chết - nó gần như đã chết hẳn trong cái tương lai tôi đến. Người ta khoác hoa lên mình, nhảy múa, ca hát dưới ánh mặt trời: chừng đó là những gì còn sót lại và không gì hơn nữa. Nhưng rồi chúng cũng nhạt nhòa vào hư vô để nhường chỗ cho một trạng thái thụ động viên mãn. Sự sắc bén của loài người có được là do mài dũa trên hòn đá tạc từ khổ đau và sự cần thiết, với tôi khi ấy hòn đá mài đó đã vỡ tan tành!

Tôi đứng đó trong màn đêm buông xuống ngày càng dày đặc, cho rằng với những lập luận đơn giản trên, tôi đã nắm được vấn đề của thế giới, nắm được cái bí mật của những con người dễ thương này. Có thể phương pháp giới hạn dân số của họ quá hiệu quả, nên dân số thế giới đã

giảm sút thay vì chững lại. Cũng là lý do dẫn tới sự hoang phế của những tàn tích. Lập luận của tôi thật đơn giản, và thật hợp lý, như phần lớn mọi lý thuyết sai lầm.

CHƯƠNG 5

Trong khi tôi đứng đó mộng lung về cái chiến thắng toàn vẹn của loài người thì vầng trăng vàng tròn trịa đã nhô lên từ quầng sáng bàng bạc phía đông bắc. Những chấm người nhỏ bé dưới chân đồi đã ngừng di chuyển, một con cú lặng lẽ bay qua, tôi thấy mình tê tái trong cái lạnh của đêm. Tôi bèn quyết định trở xuống đồi tìm chỗ ngủ.

Tôi tìm kiếm ngôi nhà quen thuộc. Mắt tôi chạm vào tòa Nhân sư trắng với những cái bục bằng đồng, nổi bật dưới ánh trăng. Tôi thấy cây bạch dương bên cạnh. Những bụi đỗ quyên thẫm đen trong màn đêm nhàn nhạt, cùng thảm cỏ nho nhỏ. Nhìn lại thảm cỏ lần nữa. Nỗi ngờ vực tràn ngập trong tôi. “Không,” tôi tự nói với mình, “không phải là thảm cỏ cũ.”

“Nhưng đó chính là thảm cỏ cũ, vì khuôn mặt trắng bệch của con Nhân sư đá vẫn nhìn thẳng về phía nó. Quý vị có thể tưởng tượng nổi những ý nghĩ chạy qua đầu tôi lúc ấy không? Hẳn là không rồi! Cỗ máy Thời gian đã biến mất!

Tức thì, như bị đập thẳng vào mặt, tôi nghĩ đến việc bị lạc mất thời đại của mình, bất lực trong cái thế giới lạ lẫm này. Ý nghĩ đó gây cho tôi một cảm giác thực tế. Tôi cảm thấy nó mắc ngang cổ họng khiến tôi nghẹn thở. Trong chớp mắt sự sợ hãi khiến tôi chạy như bay xuống đồi. Tôi ngã bổ nhào, xây xước hết mặt mũi. Nhưng tôi không tốn thời gian lau chùi những vết máu đang chảy thành dòng xuống má và cằm mình, nhảy dựng lên, chạy tiếp. Vừa chạy tôi vừa tự nhủ: "Họ đã đẩy nó vào một bụi cây ven đường ở quanh đâu đó thôi." Dẫu vậy, tôi vẫn chạy nhanh hết sức. Bởi cùng lúc, với một sự chắc chắn thường đi theo cảm giác quá đỗi sợ hãi, tôi biết là sự tự tin đó thật điên rồ, bản năng mách bảo Cỗ máy đã bị rời đến một nơi nào đó ngoài tầm với của tôi. Hơi thở của tôi bắt đầu khó nhọc. Áng chừng tôi đã chạy từ đỉnh đồi đến thảm cỏ có lẽ phải đến hai dặm, trong mười phút, mà tôi cũng chẳng còn trẻ trung gì. Vừa chạy tôi vừa phí sức rủa ầm lên, thầm trách sự tự tin ngu xuẩn đã khiến tôi để lại Cỗ máy một mình. Tôi lớn tiếng la hét, nhưng không ai trả lời. Vạn vật im lìm trên mặt đất phủ đầy ánh trăng.

Vừa tới thảm cỏ, nỗi sợ hãi tồi tệ nhất của tôi đã trở thành sự thật. Không một dấu vết gì còn lại. Tôi bải hoải và lạnh cóng giữa không gian trống rỗng bao quanh bởi những bụi cây đen đúa. Tôi phát cuồng chạy quanh thảm cỏ, hy vọng Cỗ máy ẩn mình trong một góc đâu đó, rồi đứng phắt lại, vò tai bứt tóc. Ở trên cao, chiếc đầu Nhân sư trên cái bục bằng đồng, trắng toát, loang loáng tỏa sáng

dưới ánh trăng. Dường như nó mỉm cười mỉa mai trước vẻ cuống quít của tôi.

Tôi đành tự trấn an rằng có lẽ những con người nhỏ bé kia đã đưa Cỗ máy đến một nơi an toàn giúp tôi, nhưng tôi chẳng tin vào sự yếu đuối và ngu ngốc của họ. Và đó chính là lý do khiến tôi cuống quít: bởi như vậy tức là có một thế lực nào khác đã lấy mất phát minh của tôi, và tôi không hề biết gì về thế lực ấy. Dẫu vậy, một điều khiến tôi tạm yên tâm: trừ phi một thời đại nào đó có phát minh y hệt, Cỗ máy chắc chắn chưa bị dịch chuyển vào thời gian. Bởi việc gắn những chiếc cần số - mà lát nữa tôi sẽ trình bày phương thức với quý vị - khiến chuyện ấy không xảy ra được khi chúng bị gỡ ra. Như vậy chiếc máy chỉ bị dời chỗ và đem giấu trong không gian thôi. Nhưng nó bị giấu ở đâu cơ chứ?

Tôi nghĩ lúc đó mình đã phát cuồng lên. Tôi nhớ mình đã lồng lộn chạy từ bụi cây này đến bụi cây nọ dưới ánh trăng chung quanh tòa Nhân sư, dọa phát khiếp vài con vật màu trắng dưới ánh sáng lờ mờ, mà tôi cho là một loài hươu nhỏ. Tôi cũng nhớ rằng, khuya đêm đó, tôi liên tục đấm vào những lùm cây, cho tới khi các khớp ngón tay trầy xước và chảy máu bởi những cành gẫy đâm vào. Rồi, vừa khóc lóc vừa hoảng loạn trong nỗi đớn đau sâu thẳm, tôi trở lại tòa nhà bằng đá. Hội trường tối đen, im lìm, và vắng vẻ. Tôi trượt chân trên mặt sàn mấp mô, ngã nhào vào một chiếc bàn, tưởng muốn gẫy ống quyển. Tôi bật một que diêm soi đường qua những tấm màn cửa phủ đầy

bụi đã kể trước cho quý vị.

Tôi thấy một đại nghị trường khác, trải kín nệm và có thật nhiều những người bé nhỏ đang ngủ. Tôi tin rằng họ thấy cách xuất hiện lần thứ hai của tôi thật là lạ lùng: vọt ra từ bóng tối tĩnh lặng, miệng ú ớ kêu la, tay cầm một que diêm đang cháy. Bởi họ đã hoàn toàn quên mất những que diêm. "Cỗ máy Thời gian của tôi đâu?" Tôi vừa gào lên như một đứa trẻ giận dữ vừa lay hết người này đến người khác. Hẳn nhiên, họ cho rằng tôi quái đản lắm. Vài người cười rộ, nhưng hầu hết chỉ nhìn tôi thảng thốt. Khi họ đứng lên vây quanh tôi, đầu tôi nảy ra ý nghĩ mình đã làm một việc hoàn toàn ngớ ngẩn, những gì tôi gây ra trong tình huống này gợi lại sự sợ hãi trong họ. Bởi xét theo những biểu hiện ban sáng, tôi cho rằng họ đã quên mất sợ hãi là gì rồi.

Tôi vứt toẹt que diêm xuống, đẩy một người đang đứng cản đường sang bên, loạng choạng trở lại gian phòng ăn lớn, và bước ra ngoài ánh trăng. Tôi nghe những tiếng kêu thảng thốt, những bước chân vội vàng vấp ngã của họ vọng theo. Tôi không nhớ hết những gì tôi làm trong suốt khoảng thời gian mặt trăng lướt ngang bầu trời. Có lẽ sự mất mát quá bất ngờ đã làm tôi phát điên. Tôi tuyệt vọng vì đã bị cắt đứt khỏi thời đại của mình - một con thú lạc trong một thế giới lạ lùng. Tôi biết là tôi đã chạy qua chạy lại, kêu la khóc lóc cùng Thượng đế và Số mệnh. Tôi còn nhớ là cùng màn đêm dần qua, tôi mệt mỏi kinh khủng vì lục tìm khắp mọi nơi, xem xét từng đống đổ nát dưới ánh trăng soi, đụng phải những sinh vật lạ trong bóng tối; cuối

cùng, tôi nằm vật trên mặt đất gần tòa Nhân sư khóc nức lên trong niềm bi thống tận cùng. Tôi chẳng còn gì ngoài đau khổ. Rồi tôi thiếp đi, và tỉnh dậy khi đã sang một ngày mới, tôi thấy một đôi chim sẻ nhảy nhót xung quanh trong tầm tay mình.

Tôi ngồi dậy trong không khí trong lành của buổi bình minh, cố nhớ lại tại sao mình ở chỗ này, và tại sao mình lại có cảm giác bị ruồng bỏ và tuyệt vọng đến thế. Rồi đầu óc tôi sáng sủa trở lại. Với sự giản dị và phù hợp của ánh sáng ban ngày, tôi có thể bình tĩnh để đối diện với hoàn cảnh. Tôi thấy rõ sự rồ dại của mình đêm hôm trước, và tự lý giải cho chính mình. "Giả như điều tệ nhất xảy đến?" Tôi tự nhủ. "Giả như chiếc máy đã mất hẳn, hoặc bị phá huỷ? Cách hay nhất là mình phải bình tĩnh và kiên nhẫn, làm quen với lề lối của những người dân ở đây, nhớ lại cách chế tạo, tìm cách kiếm vật liệu và công cụ; như vậy biết đâu mình có thể làm ra một Cỗ máy khác." Có lẽ đó là hy vọng duy nhất của tôi; nhưng vẫn hơn là tuyệt vọng. Sau rốt, đây là một thế giới đẹp đẽ và lạ kỳ.

Nhưng có lẽ Cỗ máy chỉ bị mang đi đâu đó mà thôi. Dù sao, tôi vẫn phải bình tĩnh và kiên nhẫn để tìm chỗ người ta giấu nó, rồi lấy lại bằng sức mạnh hoặc sự khôn ngoan. Nghĩ thế rồi tôi nhổm dậy nhìn quanh, tìm chỗ tắm rửa. Tôi đang mệt mỏi, xơ cứng, và nhớp nháp. Không khí trong lành của buổi bình minh khiến tôi muốn hưởng một sự tươi mát tương tự. Tôi đã cạn kiệt cảm xúc. Quả vậy, nhìn lại toàn bộ sự việc, tôi không hiểu tại sao mình

có thể bi phẫn, quá khích đến vậy. Tôi xem xét xung quanh bãi đất và thảm cỏ. Lãng phí thời giờ vô ích hỏi han bất cứ người nào đi ngang. Không ai hiểu ý nghĩa những cử chỉ làm dấu của tôi; có người bàng quan, có người tưởng tôi đùa bèn cười đáp lại. Phải cố gắng lắm tôi mới dằn nổi ý muốn tát vài cái vào mặt họ. Đó là một ý muốn tệ hại, nhưng ma quỷ sinh ra từ sự sợ hãi và nỗi giận dữ mù lòa vẫn muốn bành trướng trong tâm trí hoang mang của tôi. Bãi đất giúp tôi bình tĩnh lại. Tôi nhìn thấy trên đó một vết lõm, khoảng giữa cái bục của tòa Nhân sư và nơi hằn những dấu chân do chính tôi tạo ra khi vật lộn với Cỗ máy bị lật ngược lúc vừa tới chốn này. Có những dấu hiệu khác chứng tỏ sự dịch chuyển, cùng với vài vết chân lạ nhỏ bé khiến tôi liên tưởng đến một con lười. Những điều này khiến tôi chú ý đến cái bục của tòa Nhân sư. Như tôi đã nói, nó được làm bằng đồng. Không phải là một khối liền, mà chỉ là những tấm ghép được trang trí tỉ mỉ ở mọi phía. Tôi chạy đến và gõ vào nó. Cái bục rỗng bên trong. Xem xét những tấm đồng một cách kỹ lưỡng, tôi thấy chúng không được đúc liền vào khung. Không có nắm đấm cửa hoặc lỗ khóa, nhưng có lẽ những tấm đồng này là một dạng cánh cửa, và có thể mở từ phía trong. Mọi việc trở thành sáng sủa trong óc tôi. Không cần phải suy nghĩ sâu xa gì, tôi biết ngay Cỗ máy Thời gian đang ở bên trong cái bục. Nhưng vì sao nó lại ở đó lại là chuyện khác.

Tôi thấy hai người mặc áo màu cam đi giữa những bụi cây, tới phía dưới những cây táo đang trổ bông, rồi hướng

về phía tôi. Tôi quay người, cười với họ và ra dấu cho họ tới gần. Khi họ đến, tôi chỉ tay về phía cái bục đồng, cố hiệu rằng ý muốn của tôi là mở nó ra. Nhưng chỉ một cử chỉ đầu tiên của tôi đã đủ khiến họ có phản ứng hết sức kỳ cục. Tôi không biết phải làm sao để diễn tả thái độ của họ. Giả sử quý vị làm một cử chỉ vô cùng bất lịch sự với một người phụ nữ trí thức, có lẽ người ấy cũng phản ứng như vậy. Hai người ấy bỏ đi, như thể vừa bị sỉ nhục đến mức không thể chịu đựng nổi. Kế tiếp tôi thử một anh chàng đẹp đẽ mặc đồ trắng, và kết quả cũng y hệt. Cách xử sự của hắn khiến tôi đâm ra hổ thẹn với chính mình. Nhưng, như quý vị biết đấy, tôi cần tìm Cỗ máy Thời gian, nên tôi lại thử một lần nữa cùng hắn. Khi hắn quay lưng đi như hai người lúc nãy, cơn nóng giận trào lên trong tôi. Chạy vài ba bước tôi đã bắt kịp, chụp tay vào cổ áo kéo hắn xềnh xệch về phía toà Nhân sư. Nhưng rồi tôi thấy trên mặt hắn nét kinh hoàng và ghê tởm, tôi sững sờ buông tay, để mặc hắn chạy đi.

Vẫn chưa chịu thua. Tôi đấm tay ầm ầm vào các tấm đồng. Bên trong hình như có tiếng động, hay đúng hơn, hình như có tiếng cười khúc khích vọng ra; nhưng có lẽ là tôi nghe lầm. Tôi xuống sông lấy một cục đá lớn, đập liên tục vào cái bục cho đến khi một vòng tròn khắc nổi trên đó bị đập phẳng và những gỉ đồng vụn lả tả rơi ra. Những người tương lai thanh tú bé nhỏ ở xa hàng dặm chắc còn nghe thấy tiếng đập của tôi, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Tôi thấy một đám đông đứng trên sườn đồi, len lén nhìn

tôi. Cuối cùng, vì nóng và vì mệt, tôi đành ngồi xuống và quan sát. Nhưng tâm trí bứt rứt khiến tôi không thể nhìn lâu, ngồi thiền không phải lối dành cho tuýp người phương Tây như tôi. Tôi có thể suy nghĩ về một vấn đề nhiều năm trời, nhưng ngồi không chờ đợi trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ lại là chuyện hoàn toàn khác.

Một lát sau tôi đứng dậy, đi một cách vô định giữa những bụi cây về phía sườn đồi. "Phải kiên nhẫn," tôi tự nhủ. "Nếu mày muốn tìm lại Cỗ máy thì mày phải bỏ qua tòa Nhân sư này. Nếu người ta muốn cướp Cỗ máy của mày, thì việc phá nát những tấm đồng này sẽ chẳng ý nghĩa gì mấy, nếu ngược lại, mày sẽ nhận về Cỗ máy khi hỏi xin lại. Loay hoay với một đống dữ kiện chưa xác định trong một bài toán khó thế này thật là vô vọng. Nó chỉ khiến mày phát điên thôi. Hãy đối diện với thế giới này. Học đường lối của nó; quan sát nó, hãy cẩn trọng đừng kết luận vội vàng. Rồi cuối cùng mày sẽ khám phá ra mọi điều cần thiết." Đột nhiên tôi nghĩ đến sự hài hước của hoàn cảnh lúc đó: bao nhiêu năm trời nghiên cứu và làm việc vất vả chỉ cốt để đi đến tương lai, rồi giờ đây lại phải lo lắng tìm cách thoát khỏi nó. Tôi đã tự quàng vào mình cái bẫy phức tạp nhất và khó thoát nhất mà loài người từng chế tạo. Mặc dù nạn nhân là chính mình, tôi cũng không khỏi thấy buồn cười. Thế là tôi bật cười lớn.

Trở về tòa nhà lớn, hình như những người nhỏ bé kia đều tránh né tôi. Có thể là tôi tưởng tượng ra, hoặc cũng có thể đây là hậu quả của việc tôi đập vào cánh cửa bằng

đồng lúc nãy. Dù sao, tôi khá chắc chắn về sự lảng tránh đó. Rất cẩn trọng, thế nhưng tôi cũng làm bộ như không để ý đến họ, qua một hai ngày sau thì mọi việc trở lại bình thường. Về ngôn ngữ, tôi đã tiến bộ hết mức có thể; ngoài ra tôi cũng làm việc dò xét đây đó đôi chút. Không biết do tôi thiếu nhạy cảm hay do tiếng nói của những người tương lai này quá đơn giản, gần như chỉ gồm những danh từ cụ thể và động từ. Có rất ít, nếu không muốn nói là hoàn toàn không có, những thuật ngữ trừu tượng, hay cách dùng nghĩa bóng. Hầu hết những câu nói của họ đều đơn giản chỉ gồm hai chữ, nhưng tôi lại không thể truyền tải hoặc hiểu những mệnh đề đơn giản nhất này. Tôi đã quyết định tạm quên đi Cỗ máy Thời gian, cánh cửa bí ẩn bằng đồng dưới tòa Nhân sư, cho đến khi sự hiểu biết của tôi khá lên, đưa tôi trở lại với chúng một cách tự nhiên. Nhưng, chắc quý vị hiểu, như có trực giác mách bảo, tôi chỉ lẩn quẩn trong một chu vi vài dặm tính từ chỗ lần đầu đến đây.

Dựa theo những gì tôi thấy, có lẽ toàn thể địa cầu đều có nét đẹp phong phú như thung lũng sông Thames. Từ bất cứ đỉnh đồi nào, nhìn ra xa tôi đều thấy cùng những tòa nhà lộng lẫy với nhiều kiểu kiến trúc và xây từ các vật liệu khác nhau, cùng những bụi cây thường xanh mát mẻ, cùng những tán cây đầy hoa và đám dương xỉ. Đây đó những dòng nước lấp lánh ánh bạc, và xa xa nhấp nhô những ngọn đồi xanh mượt, trải dài mờ lẫn vào chân trời bình yên. Một trong những thứ thu hút chú ý của tôi là sự

hiện diện của một số giếng tròn, tôi đếm được vài cái, có lẽ khá sâu. Một cái nằm ở trên đường dẫn lên đồi mà tôi đã thấy trong chuyến đi bộ đầu tiên. Như tất cả những cái khác, miệng giếng này được bọc một lớp đồng, đúc khá lạ mắt, và có một mái vòm che mưa. Ngồi bên thành giếng, nhìn xuống chỉ một màu đen thăm thẳm, tôi chẳng thấy ánh nước lấp loáng, cũng không có gì phản chiếu lại khi đốt diêm soi xuống. Nhưng tôi lại nghe một thứ tiếng động ầm ầm như tiếng nổ của một loại động cơ cỡ lớn; dựa theo chiều của ánh lửa que diêm, tôi khám phá rằng không khí liên tục được hút xuống giếng một cách đều đặn. Tôi thử thả một mẩu giấy nhỏ xuống miệng giếng, thay vì rơi từ từ, nó tức thì bị hút mất dạng.

Một thời gian sau, tôi tìm ra sự liên quan giữa những chiếc giếng và vài cái tháp cao rải rác trên sườn đồi, bởi trên những ngọn tháp này thỉnh thoảng lại hiện ra một gợn không khí như chúng ta thường thấy trên các bãi biển vào những ngày nắng chói chang. Gộp tất cả mọi dữ kiện, tôi đi đến kết luận đây là một hệ thống thông hơi dưới lòng đất vô cùng phức tạp, mà mục đích của nó là gì thì quả là khó đoán. Lúc đầu tôi tưởng đó là hệ thống vệ sinh cống ngầm của những con người nơi đây. Một kết luận khá hiển nhiên, nhưng là một kết luận sai hoàn toàn.

Phải thú nhận là tôi gần như chẳng học được gì về cống rãnh, phương tiện giao thông, hoặc những tiện nghi tương tự khi còn ở thế giới đó. Trong những cuốn sách giả tưởng hoặc viễn tưởng tôi từng đọc, có rất nhiều chi tiết

về kiến trúc xây dựng, về tổ chức xã hội, vân vân. Những chi tiết đó người ta có thể dễ dàng tưởng tượng ra, nhưng họ không thể sờ tận tay day tận mắt như tôi hiện giờ. Cũng giống như một người da đen từ Trung Phi ghé sang Luân Đôn rồi trở lại, kể cho bộ lạc của anh về nơi mình vừa đến! Anh ta biết gì về các hãng xe lửa, các phong trào xã hội, về điện thoại, điện tín, về các hãng vận tải chuyển phát, về bưu điện cùng những thứ tương tự? Đó là chúng ta đã sẵn lòng giải thích mọi việc cho anh ta nghe! Và với những gì anh ta học được, thì cũng chắc gì đã giải thích nổi cho những người bạn chưa du lịch cùng hiểu hoặc tin vào những gì anh nói? Còn nữa, hãy nghĩ về cái khoảng cách giữa anh da đen và người da trắng ở thời đại chúng ta, và cái khoảng cách vô cùng lớn giữa tôi và những người ở thời đại Hoàng Kim kia! Tôi cảm nhận được rất nhiều điều không thể nhìn thấy, và điều đó khiến tôi phần nào thoải mái; nhưng trừ cái ấn tượng chung của một xã hội tự động, tôi e rằng tôi không thể diễn tả cho quý vị hiểu sự khác biệt này.

Chuyện chôn cất chẳng hạn, tôi không hề thấy nơi hỏa táng, cũng như những dấu hiệu mộ phần. Nhưng tôi lại nghĩ, rất có thể các nghĩa trang (hoặc nơi hỏa táng) đều nằm ngoài khu vực mà tôi biết tới. Đây lại là một câu hỏi tôi tự đặt ra với chính mình, và tôi đành dùng cách lý giải trên để thỏa mãn sự tò mò của mình. Điều làm tôi bối rối, rồi cuốn tôi đi xa hơn, để rồi ngạc nhiên thêm nữa là nơi đây không hề có người già hay người bệnh.

Tôi đành thú nhận rằng thuyết ban đầu của tôi về một nền văn minh tự động và quá trình nhân loại thoái hóa chẳng đứng vững được bao lâu. Nhưng tôi không tìm ra cách giải thích nào khác. Tôi xin được nêu vài khúc mắc. Những cung điện hoành tráng mà tôi đã vào chỉ là nơi sinh hoạt chung, phòng ăn lớn và khu phòng ngủ. Tôi không thấy máy móc cũng như bất kỳ công cụ nào. Vậy mà những người tương lai này lại có những y phục bằng vải vóc đẹp đẽ và bền chắc; những đôi sandal của họ, dù giản dị nhưng vẫn là có những chi tiết chế từ kim loại phức tạp. Dẫu thế nào thì cũng phải có ai đó làm ra nó. Còn những con người bé nhỏ này chẳng tỏ ra có một khả năng sáng tạo nào hết. Không có hàng quán, không công xưởng, không cả những dấu hiệu xuất nhập khẩu. Dân chúng cả ngày chỉ rong chơi, tắm gội dưới sông, làm tình, đùa giỡn, ăn trái cây, và ngủ. Tôi chẳng thể hiểu sao mọi việc có thể diễn ra như vậy.

Rồi lại còn Cỗ máy Thời gian: có gì đó mà tôi không biết, đem nó giấu bên trong cái bục rỗng của tòa Nhân sư trắng. Tại sao? Cả đời tôi cũng không tưởng tượng nổi. Những chiếc giếng cạn nước nữa, những cột bập bùng. Tôi cảm thấy mình còn thiếu một đầu mối nào đó. Tôi có cảm tưởng - nói thế nào nhỉ? Giả sử quý vị gặp một văn bản, trên đó có những câu cú thuần tiếng Anh, rồi lại được thêm thắt vào, những từ, thậm chí những chữ cái ai đó tự tạo ra, mà bạn hoàn toàn không biết. Vâng, trong ngày thứ ba trong chuyến du hành của tôi, đó là cảm tưởng của tôi

về cái thế giới năm Tám trăm linh hai ngàn bảy trăm linh một.

Cũng ngày đó tôi làm quen với một người bạn, tạm gọi như thế. Việc xảy ra khi tôi đang quan sát vài người bé nhỏ đang tắm ở một vũng nước, một người trong bọn họ bị nước cuốn trôi vì chuột rút. Dòng nước chảy khá nhanh, nhưng không quá xiết, ngay cả đối với người bơi lội bình bình. Quý vị có thể hình dung được phần nào sự kém cỏi của những người này, khi tôi kể cho quý vị nghe rằng chẳng một ai mảy may hành động để cứu hộ kẻ sắp chết đuối đang la lên cầu cứu ngay trước mắt họ. Thấy vậy, tôi vội cởi quần áo ngoài ra, lội xuống nước, rồi kéo cô gái bị nạn vào bờ. Chỉ xoa bóp chân tay một chút là cô hồi phục, tôi hài lòng thấy cô đã ổn nên tôi đi đến chỗ khác. Vì khá coi thường chủng tộc của cô, tôi không mong chờ cô biết ngỏ lời cám ơn. Nhưng, riêng chuyện này, tôi đã lầm.

Việc xảy ra buổi sáng thì buổi chiều tôi gặp lại "cô nàng" bé nhỏ của tôi - tôi tin rằng vậy - khi tôi trở về khu trung tâm từ một chuyến thám hiểm, và cô chào tôi bằng những tiếng reo sung sướng, rồi trao cho tôi một vòng hoa, rõ ràng nó đã được kết cho tôi và chỉ tôi mà thôi. Hành động của cô nằm ngoài khả năng tưởng tượng của tôi. Rất có thể tôi đang quá chơi vơi? Bằng mọi giá, tôi cố hết sức tỏ cho cô biết rằng tôi rất thích món quà tặng này. Một thoáng sau, chúng tôi đã ngồi bên nhau trên một tảng đá dưới lùm cây, bắt đầu cuộc trò chuyện, mà chủ yếu là những nụ cười. Sự thân thiện của cô gái cho tôi những

cảm tưởng y hệt như với một đứa trẻ. Chúng tôi trao nhau những đóa hoa, cô hôn lên tay tôi. Và tôi cũng vậy. Tôi cố diễn tả bằng lời, và biết được tên cô là Weena, dù không hiểu cái tên đó có ý nghĩa gì, nhưng có lẽ nó phù hợp với cô. Đó là điểm khởi đầu cho một tình bạn lạ lùng kéo dài một tuần lễ và rồi chấm dứt, như tôi sẽ kể cho quý vị nghe.

Cô y hệt như một đứa bé. Cô luôn luôn muốn ở cạnh tôi. Cô bám theo tôi bất cứ nơi đâu, trong chuyến đi tiếp đó, thâm tâm tôi phát nản với cô, tôi bèn bỏ mặc cô lại, cô quá mệt chỉ biết ai oán kêu tôi từ phía sau. Nhưng còn quá nhiều vấn đề phải giải quyết. Tôi tự nhủ, đâu phải mình đến tương lai để làm chuyện tán tỉnh. Tuy thế, sự đau khổ của cô khi bị tôi bỏ rơi thật kinh khủng, những hành động của cô lúc chia tay như điên dại, vả lại tôi nghĩ, sự quyến luyến của cô vừa là phiền toái vừa an ủi tôi thật nhiều. Thoạt đầu cô nàng là nguồn an ủi lớn với tôi. Tôi cho rằng một thứ tình cảm con nít khiến cô bám lấy tôi. Nhưng tất cả đã quá muộn, tôi không rõ mình đã khiến cô đau khổ thế nào khi chia tay. Cũng quá muộn để biết cô quan trọng với tôi đến thế nào. Bởi cái nét ngây thơ của cô, vẻ yếu đuối của cô, những ân cần phù phiếm cô dành cho tôi, cô nàng búp bê bé bỏng này đã khiến mỗi lần tôi lại gần tòa Nhân sư trắng lại cảm thấy như mình đang trở về một mái nhà thân yêu; và vì thế, mỗi lần trèo lên đỉnh đồi tôi đều dõi mắt tìm kiếm bóng dáng nhỏ bé quen thuộc trong trang phục hai màu trắng vàng của cô.

Cũng chính từ cô mà tôi biết là nỗi sợ hãi chưa biến

mất khỏi thế giới này. Ban ngày cô rất bạo dạn, và nàng tin tưởng tôi tuyệt đối; có lần trong một thoáng ngu ngốc, tôi nhăn mặt dọa cô, và cô chỉ cười phá lên đáp lại. Nhưng cô sợ đêm tối, sợ những cái bóng, sợ những vật màu đen. Bóng đêm với nàng là cả một nỗi kinh hãi. Đó là một cảm xúc ám ảnh đặc biệt khiến tôi phải suy nghĩ và quan sát. Sau đó tôi khám phá ra rằng, hàng đêm, những con người nhỏ bé đều tụ lại ngủ chung thành nhóm trong những dinh thự lớn. Chỉ cần bước vào thình lình, không đèn đóm gì là đủ gây cho họ một cảnh hỗn loạn đầy sợ hãi. Tôi không hề thấy một người nào ngủ ngoài trời, hoặc ngủ một mình trong nhà khi đêm xuống. Nhưng tôi quá ngốc để hiểu ra bài học về sự sợ hãi, và mặc dầu Weena tỏ ra rất khổ sở, tôi vẫn nhất định không ngủ cùng với những đám đông này.

Điều đó làm cô bối rối vô cùng, nhưng tình cảm kỳ lạ mà cô dành cho tôi đã chiến thắng, và trong năm đêm chúng tôi quen nhau, kể cả đêm cuối cùng, cô gối đầu ngủ trên tay tôi. Nhưng, mải kể về cô tôi đã lạc đề mất rồi. Đó là ngay cái đêm trước ngày tôi cứu Weena thì phải, tôi tỉnh dậy trước lúc bình minh. Đêm đó tôi khá bồn chồn, và chìm trong giấc mơ đáng sợ nhất, thấy mình chết đuối, mặt bị phủ đầy bởi những xúc tu của hải quỳ. Giật mình tỉnh dậy, tôi như mơ hồ thấy một con vật màu xam xám vừa chạy khỏi phòng. Tôi cố ngủ lại, nhưng thấy người bứt rứt, trăn trở không yên. Lúc ấy trời bắt đầu tờ mờ sáng, vạn vật đều nhàn nhạt, mơ hồ và mờ ảo. Tôi đứng

dậy, đi qua căn phòng lớn, trèo lên tảng đá phía trước tòa lâu đài. Tôi nghĩ đó là việc nên làm và ngắm mặt trời mọc.

Trăng trên cao, ánh trăng tà hòa cùng ánh sáng yếu ớt của bình minh sắp ló tạo thành một sắc màu ma quái. Những bụi cây đen như mực, mặt đất xám thảm đạm, bầu trời vô sắc u ám. Phía trên đồi hình như tôi thấy vài hồn ma. Đảo mắt qua lại vài lần sườn đồi; quả thật có những bóng trắng. Hai lần, tôi ngờ rằng mình đã thấy một con vật màu trắng, trông tựa như khỉ chạy khá nhanh lên đồi, và một lần, gần đống phế tích, tôi thấy một đám những con vật tương tự đang khiêng một vật màu đen. Chúng di chuyển vội vàng. Tôi không biết chúng đi về đâu. Dường như chúng biến mất giữa những lùm cây. Quý vị phải hiểu lúc ấy trời còn tranh tối tranh sáng. Tôi vẫn còn có cái cảm giác mơ màng của một người ngái ngủ. Tôi không dám tin ở mắt mình nữa.

Chân trời phía đông bắt đầu ửng sáng, ánh sáng ban ngày một lần nữa đem lại màu sắc sống động cho thế giới, tôi quan sát kỹ thêm. Nhưng không còn dấu vết gì của những bóng trắng lúc nãy. Chúng chỉ là những sinh vật buổi chạng vạng. "Chắc là ma rồi," tôi tự nhủ "không hiểu họ chết từ bao giờ." Một ý tưởng ngộ nghĩnh của Grant Allen[2] lướt qua đầu khiến tôi thích thú. Ông ta lập luận rằng nếu mọi thế hệ khi chết đi đều biến thành ma, thì cuối cùng thế giới sẽ tràn ngập những bóng ma. Theo luận thuyết đó, thì hơn tám trăm ngàn năm nữa tính từ thời chúng ta, sẽ có hằng hà sa số hồn ma trên thế giới này, vậy

nếu thấy bốn con ma một lúc cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng sự hài hước đó dĩ nhiên không làm tôi thỏa mãn, tôi nghĩ mãi về những bóng trắng suốt buổi sáng, mãi đến khi vụ cứu Weena mới khiến tôi quên chúng đi. Tôi đoán chúng có liên quan đến con vật bị tôi làm cho kinh hãi trong cái đêm tôi điên cuồng tìm Cỗ máy Thời gian. Nhưng Weena đã thay thế chúng trong tâm hồn tôi. Dẫu vậy số mệnh phán rằng những bóng trắng đó sẽ sớm trở lại choán hết tâm trí tôi.

Hình như tôi đã cho quý vị biết là khí hậu của thời Hoàng Kim đó nóng bức hơn thời chúng ta rất nhiều. Tôi không thể lý giải hiện tượng này. Có thể là mặt trời nóng hơn, có thể là trái đất tiến đến gần mặt trời hơn. Theo lẽ thường thì phải đoán là mặt trời sẽ nguội dần trong tương lai. Nhưng người ta, vì không biết tới những thuyết của Darwin-con[3], quên rằng cuối cùng tất cả mọi tiểu hành tinh sau rốt sẽ rơi trở về ngôi sao mẹ của chúng. Mỗi lần như vậy, mặt trời sẽ tăng thêm năng lượng, rất có thể một hành tinh nào đó trong Thái dương hệ đã phải chịu số phận này. Nhưng bất kể vì lý do gì, sự thật vẫn là mặt trời tương lai nóng hơn mặt trời hiện tại của chúng ta.

Một buổi sáng rất nóng - ngày thứ tư của tôi, tôi nghĩ thế, trong khi đang tìm nơi tránh nóng và tránh nắng tại khu phế tích khổng lồ gần tòa nhà nơi tôi ăn ngủ, tôi gặp một chuyện lạ lùng: Lần theo những đống gạch đá vụn, tôi khám phá một phòng triển lãm nhỏ, với tất cả mọi cửa sổ, bên hông cũng như ở trước sau, bị chắn bởi những

tảng đá từ trên cao rơi xuống. Bị ngược sáng bởi ánh nắng chói chang bên ngoài, thoạt nhìn căn phòng đó thật tối tăm. Tôi lần mò tiến vào, việc di chuyển từ ánh sáng vào bóng tối khiến tôi như thấy vô vàn các chấm màu bay nhảy. Đột nhiên, tôi sửng sốt đứng lại. Một đôi mắt, lấp lánh bởi ánh sáng bên ngoài phản chiếu, đang theo dõi tôi trong bóng tối.

Nỗi sợ hãi bản năng rằng có loài thú hoang trào lên trong tôi. Tôi nắm chặt tay nhìn thẳng vào đôi mắt ấy. Tôi sợ không dám xoay người. Tôi nghĩ đến tình trạng an toàn tuyệt đối mà những người tương lai đang sống. Rồi tôi lại nhớ đến sự sợ hãi kỳ lạ của họ đối với bóng đêm. Vượt qua phần nào nỗi kinh khiếp, tôi bước lên một bước và cất tiếng. Tôi phải thú nhận là giọng tôi lúc ấy rất khàn và run rẩy. Đưa tay ra phía trước tôi chạm phải một vật mềm mềm. Tức thì đôi mắt sáng kia chuyển sang hướng khác, và một vật gì trăng trắng chạy ngang qua tôi. Tôi sợ đến vỡ tim, thấy một thân hình nhỏ bé hơi giống khỉ, đầu nó cúi thấp một cách đặc biệt, chạy xuyên qua vùng ánh sáng sau lưng tôi. Nó vấp phải một khối đá hoa cương, loạng choạng, nhưng chỉ trong nháy mắt đã lẩn vào khoảng tối bên dưới một đống gạch đá.

Ấn tượng của tôi về nó, dĩ nhiên, không hoàn hảo; nhưng tôi biết đó là một con vật màu trắng xỉn, hai mắt lớn lạ kỳ màu xám pha đỏ, trên đầu nó còn có túm lông dài màu vàng hoe chạy dài xuống lưng. Nhưng, như tôi đã kể, nó chạy nhanh quá nên tôi không nhìn rõ được. Thậm

chí tôi cũng không dám chắc là nó chạy bằng cả tứ chi hay là hai chi trước chỉ thòng xuống thấp. Sau một thoáng lưỡng lự, tôi theo nó đến đống gạch đá thứ nhì. Thoạt tiên tôi bị mất dấu; nhưng lần mò trong bóng tối hồi lâu, tôi đến bên một cái giếng tròn mà tôi có kể tới trước đó, nó bị chèn phân nửa bởi một cái cột sập đổ lên. Một ý nghĩ đột ngột đến với tôi. Có khi nào con vật đó đã biến xuống giếng không? Tôi châm một que diêm, nhìn xuống, tôi thấy một thân hình nhỏ, màu trắng, đang chuyển động, với đôi mắt to và sáng vừa chằm chằm nhìn tôi vừa tuột xuống. Tôi rùng mình. Trông nó quá giống một con nhện hình người. Nó bám vào tường mà tụt xuống, đó là lần đầu tiên tôi thấy những chỗ bám tay đặt chân bằng kim loại tạo thành một cái thang xuôi xuống lòng giếng. Ngọn lửa diêm cháy vào tay khiến tôi buông nó ra, tắt ngúm, khi tôi bật que diêm khác, con quái vật nhỏ bé đã biến mất dạng.

Tôi không nhớ mình đã ngồi nhìn chăm chăm xuống lòng giếng đó bao lâu nữa. Phải mất khá nhiều thời gian tôi mới thuyết phục được bản thân rằng con vật mình thấy chính là một con người. Nhưng sự thật dần trở nên sáng tỏ: Nhân loại không còn là một, mà đã tách thành hai loài khác nhau: Những em bé đẹp đẽ của tôi ở Thế giới bên trên không phải là hậu duệ duy nhất của thế hệ chúng ta, mà con vật trắng bệch, gớm ghiếc, sống về đêm, vừa xẹt qua tôi cũng là truyền nhân của bao nhiêu niên kỷ.

Tôi nghĩ tới những cây cột bập bùng và giả thuyết của

tôi về một hệ thống thông hơi ngầm dưới đất. Tôi bắt đầu nghi ngờ ý nghĩa đích thực của chúng. Tôi tự hỏi, loài khỉ vượn kia đóng vai trò gì trong giả thuyết của tôi về một hệ thống xã hội tuyệt đối cân bằng? Chúng liên quan thế nào với những con người xinh đẹp, biếng nhác, bình thản sống ở Thế giới trên mặt đất? Và những gì được ẩn giấu dưới kia, nơi đáy giếng? Tôi ngồi bên thành giếng tự nhủ rằng dù sao đi nữa, chẳng có gì phải sợ hãi, rằng tôi phải xuống đáy giếng để tìm ra cách giải quyết tình trạng khó khăn của mình. Nói thì nói vậy thôi, chứ tôi sợ phát khiếp đi được. Trong khi tôi đang chần chừ, hai người xinh đẹp của Thế giới trên mặt đất chạy ngang qua, đang đuổi nhau trong một trò chơi tình ái từ ngoài ánh sáng vào nơi bóng tối. Người nam vừa đuổi theo vừa ném những bông hoa về phía người nữ đằng trước.

Họ tỏ ra sợ sệt khi thấy tôi, tay tôi đang vịn lên cây cột đổ ngang miệng giếng, chăm chăm nhìn xuống dưới. Rõ ràng việc xem xét những chiếc giếng này bị coi là việc xấu xa được đối với thế giới này, vì khi tôi chỉ vào cái giếng và cố đặt câu hỏi bằng ngôn ngữ của họ, cả hai tỏ ra càng sợ sệt hơn, và quay đi. Nhưng họ thích những que diêm, tôi bèn châm vài que diêm nữa để níu chân họ. Tôi tìm cách hỏi họ một lần nữa về cái giếng, nhưng vẫn vô ích. Tôi đành để họ đi, định bụng sẽ hỏi Weena, xem cô có thể cho tôi biết thêm chút nào không. Dù sao, tôi đang trải qua một cuộc cách mạng suy tư, với những ước đoán và cảm tưởng đang trượt dần khác hẳn lúc đầu. Tôi đã tìm ra

manh mối về ý nghĩa của những miệng giếng, của những cột thông hơi, của những hồn ma bí mật, đó là chưa kể đến những cánh cửa bằng đồng và số phận của Cỗ máy Thời gian! Tôi cũng bắt đầu mường tượng ra lời giải của vấn đề về kinh tế đã từng khiến tôi phải điên đầu.

Đây là quan điểm mới của tôi. Hiển nhiên, loài người thứ hai sống dưới lòng đất. Có ba chi tiết đặc biệt khiến tôi cho rằng việc họ hiếm khi xuất hiện trên mặt đất là hậu quả của thói quen sống dưới lòng đất. Đầu tiên là vẻ trắng bệch phổ biến ở các loài sống chủ yếu trong bóng tối - loài cá trắng ở những hang động vùng Kentucky là một ví dụ. Tiếp theo, đôi mắt lớn, với khả năng phản chiếu ánh sáng, là đặc điểm của những loài sinh hoạt trong đêm - như chim cú hoặc mèo. Cuối cùng, sự hoảng hốt dưới ánh mặt trời, sự vụng về và vội vàng lẩn vào chỗ tối, và cách chúi đầu kỳ lạ khi ở ngoài sáng - tất cả đều là biểu hiện của một sinh vật có võng mạc cực kỳ nhạy cảm với ánh sáng.

Như vậy dưới chân tôi, lòng đất có vô số địa đạo, và những địa đạo này là nơi sinh sống của một loài người mới. Sự hiện diện của những hầm thông hơi và những chiếc giếng dọc theo sườn đồi - tất cả các nơi, trừ vùng thung lũng của dòng sông - thể hiện sự phân bố đó. Phải chăng ta có thể giả thiết rằng những phương tiện phục vụ cho của loài người trên mặt đất là công trình được thực hiện bởi cái thế giới nhân tạo dưới lòng đất kia? Quan điểm này quá hợp lý, đến nỗi tôi phải chấp nhận tức thì, và tiếp theo đó mà giả định về quá trình tách đôi của nhân

loại. Tôi dám chắc quý vị có thể đoán trước giả thuyết của tôi đại khái như thế nào, dẫu rằng về phần tôi, chẳng bao lâu sau tôi lại khám phá mình còn cách quá xa sự thật.

Trước hết, theo những vấn đề của thời đại chúng ta, tôi thấy rõ như ban ngày rằng sự cách biệt và khác biệt tăng dần giữa giai cấp tư bản và giới lao động là nguyên nhân gây ra tất cả. Hẳn là quý vị thấy thật kỳ cục, và kinh ngạc, nhưng hoàn cảnh hiện tại của chúng ta cũng chỉ ra những điều đó. Chúng ta đang có khuynh hướng sử dụng lòng đất cho những phương tiện văn minh không đòi hỏi bề ngoài đẹp đẽ; đường tàu điện ngầm tại Luân Đôn chẳng hạn, với tàu điện và đường ray ngầm, và cả những công sở và nhà hàng dưới lòng đất, với số lượng ngày càng tăng chóng mặt. Hiển nhiên, tôi nghĩ, khuynh hướng này sẽ phát triển mãi cho đến khi kỹ nghệ mất hẳn chỗ đứng của nó dưới ánh mặt trời. Ý tôi muốn nói rằng, rồi cuối cùng các công xưởng ngầm ngày sẽ càng xuống sâu hơn, ngày sẽ càng to lớn hơn dưới lòng đất, giờ làm việc ở đó càng lúc càng nhiều...! Mà ngay bây giờ, chẳng phải là công nhân ở phía đông thành phố đang sống trong những điều kiện nhân tạo khiến anh ta coi như đã bị tách rời hẳn khỏi thế giới tự nhiên trên mặt đất rồi đó sao?

Lại nữa, thêm khuynh hướng đặc quyền đặc lợi của giai cấp giàu có - kết quả của nền giáo dục càng ngày càng hoàn hảo mà họ được hưởng và khoảng cách càng ngày càng tăng với những người nghèo khó thô kệch - hiện đã dẫn đến tình trạng, phần lớn đất đai thuộc quyền sở hữu

riêng của đám nhà giàu. Ở Luân Đôn chẳng hạn, có lẽ phân nửa những vùng đất tốt đã bị rào kín lại để chống xâm nhập. Khoảng cách giai cấp ngày càng được nới rộng, khoảng cách này được tạo nên từ những hao tổn thời gian và tiền bạc cho tiến trình giáo dục cao cấp, cộng thêm sự gia tăng của những phương tiện thuận lợi và những cám dỗ hướng tới các thú vui sành điệu của người giàu - khiến cho sự trao đổi giữa các giai cấp, thể hiện qua các cuộc hôn nhân không môn đăng hộ đối hôn nhân liên giai cấp (vốn có tác dụng ngăn ngừa sự phân chia nhân loại theo tiêu chuẩn xã hội) trở nên ngày càng ít đi. Rồi cuối cùng, trên mặt đất sẽ là những nhà Tư sản, theo đuổi lạc thú và thẩm mỹ, dưới lòng đất sẽ là những người Vô sản, những người lao động bị buộc phải thích nghi dần với hoàn cảnh lao động. Một khi ở đó, họ phải trả tiền mướn chỗ ở, và trả một khoản tiền không nhỏ cho nhu cầu thông hơi; nếu chống đối họ sẽ bị bỏ cho chết đói hoặc chết ngạt. Những thành phần bẩm sinh yếu đuối hoặc nổi loạn sẽ bị tiêu diệt, và cuối cùng, sự cân bằng giai cấp sẽ trường tồn, những kẻ còn lại sẽ phải thích nghi với đời sống dưới mặt đất, và cũng hạnh phúc theo cách riêng của họ, tương tự như những người sống trên mặt đất. Với tôi, vẻ đẹp tinh khiết và nét trắng bệch nhợt nhạt chỉ là những kết quả đương nhiên.

Chiến thắng vĩ đại của loài người mà tôi mơ tưởng đã thay đổi trong tâm trí tôi. Đó không phải là chiến thắng của giáo dục luân lý và hợp tác toàn diện như tôi tưởng

tượng. Thay vào đó, tôi thấy một tầng lớp quý tộc thực thụ, được trang bị bằng khoa học hoàn hảo để đưa hệ thống kỹ nghệ hiện tại của chúng ta đến một đoạn kết tất yếu. Chiến thắng của họ không phải chỉ là chiến thắng Thiên nhiên, mà là chiến thắng Thiên nhiên và Đồng loại. Điều này, cần nhắc với quý vị, là giả thuyết của tôi lúc ấy. Lập luận của tôi trái ngược với những cuốn sách khoa học giả tưởng. Giả thuyết của tôi có thể hoàn toàn sai. Nhưng tôi vẫn cho nó là giả thuyết hợp lý nhất. Ngay cả với giả thuyết này, nền văn minh cân bằng đó hẳn đã vượt quá đỉnh điểm và đi sâu vào giai đoạn suy thoái. Sự an toàn quá hoàn hảo của Thế giới trên mặt đất đã khiến họ dần thoái hóa, giảm thiểu cả về hình dáng, sức mạnh và trí tuệ. Điều ấy tôi đã thấy rõ ràng. Những gì đã xảy ra cho Thế giới dưới lòng đất thì tôi chưa biết, nhưng dựa theo những gì tôi thấy về giống Morlock - đó là tên của họ - tôi đoán những thay đổi của loài người dưới đất có lẽ còn ghê gớm hơn giống "Eloi", giống người xinh đẹp mà tôi đã biết.

Vẫn còn những điều đáng ngờ. Tại sao người Morlock lại lấy Cỗ máy Thời gian của tôi? Tôi đoán chắc họ đã làm việc ấy. Lại nữa, nếu những người Eloi là chủ nhân, tại sao họ không thể lấy lại Cỗ máy cho tôi? Tại sao họ quá sợ hãi bóng tối? Như đã dự định, tôi hỏi Weena về Thế giới dưới lòng đất, nhưng một lần nữa tôi đã thất vọng. Thoạt đầu, cô không hiểu tôi nói gì, về sau cô nhất định không trả lời. Cô run rẩy như thể chủ đề đó thật khó chịu. Khi tôi cố ép, có lẽ hơi quá đáng, cô bật khóc nức nở. Đó là những giọt

nước mắt duy nhất, ngoài nước mắt của chính tôi, mà tôi thấy tại Thời đại Hoàng Kim. Những giọt nước mắt ấy khiến tôi ngừng hẳn những thắc mắc về người Morlock, mà chỉ cố tìm mọi cách xua tan cái di sản buồn bã của nhân loại trên đôi mắt nàng. Ngay lập tức nàng đã vỗ tay cười thích thú nhìn tôi trịnh trọng đốt một que diêm.

CHƯƠNG 6

Quý vị có thể thấy lạ lùng, nhưng phải hai ngày sau tôi mới tiếp tục theo đuổi những manh mối mới một cách rõ ràng hợp lý. Tôi cảm thấy đặc biệt ghê tởm những thân hình trắng bệch kia. Họ trắng bờn bợt như những loài giun hay vài loại thảo mộc được lưu giữ trong viện bảo tàng sinh vật. Và đụng vào thì lạnh đến rợn cả tay. Lý do khiến tôi ghê tởm người Morlock có lẽ một phần do cảm tình tự nhiên của tôi với người Eloi, tôi bắt đầu cảm thông nỗi kinh sợ của họ.

Đêm sau đó tôi ngủ không yên. Có lẽ vì sức khỏe của tôi bị ảnh hưởng ít nhiều. Lòng tôi tràn đầy hoang mang và nghi ngờ. Một đôi lần tôi có cảm giác sợ hãi khủng khiếp mà không rõ lý do. Tôi nhớ lúc im lặng lẩn vào căn phòng lớn nơi những người nhỏ bé đang ngủ dưới ánh trăng - đêm đó Weena ngủ chung với họ - và cảm thấy an tâm hơn vì sự hiện diện của họ. Lúc ấy tôi đã nghĩ chỉ vài ngày nữa khi trăng hạ tuần sẽ lặn hẳn, khi đêm sẽ tối đen, sự xuất hiện những sinh vật ghê sợ từ thế giới phía dưới, lũ khỉ vượn trắng bệch, thay chỗ những loài phá hại cũ, có khi còn nhiều hơn. Và trong suốt hai ngày đó tôi liên tục

có mặc cảm là mình đang trốn tránh bổn phận trách nhiệm. Tôi biết chắc rằng muốn lấy lại Cỗ máy Thời gian thì tôi phải can đảm khám phá những bí mật dưới lòng đất. Nhưng tôi lại không dám đối diện với những bí mật đó. Giá có thêm một người đồng hành thì đã khác hẳn. Đằng này tôi chỉ có độc một mình, nên việc leo xuống trong bóng tối của cái giếng đủ làm tôi ghê rợn. Không biết quý vị có hiểu cảm giác của tôi không, nhưng tôi luôn cảm thấy như có một cái gì đe dọa ở phía sau lưng.

Đó là cảm giác bồn chồn và bất an, nó thúc đẩy tôi dò xét càng nhiều địa điểm hơn nữa. Đi về phía tây nam, vùng đất cao hiện nay là Rừng Combe, tôi nhìn về phương xa, phía vùng Banstead của thế kỷ XIX, tôi thấy một công trình xanh thẳm, khác hẳn những kiến trúc khác từng thấy. Nó lớn hơn tất cả những tòa lâu đài hay phế tích mà tôi biết, mặt tiền nhìn có vẻ phương Đông: bề mặt bóng loáng một màu xanh lá cây nhạt, kiểu màu xanh thường thấy trên đồ sứ Trung Hoa. Sự khác biệt bề ngoài cho thấy công năng của nó cũng khác, nên tôi định đến tận nơi xem xét. Nhưng trời chiều đã ngả tối; tôi lại vừa trải qua một ngày mệt nhọc; tôi bèn quyết định hoãn cuộc thám hiểm lại đến hôm sau, rồi trở về trong sự chào mừng và âu yếm của Weena bé bỏng. Nhưng sáng hôm sau, tôi nhận ra rằng sự tò mò của tôi đối với Tòa lâu đài sứ xanh chỉ là một cách tự lừa dối, nhằm tránh né thêm một ngày nữa cái việc mà tôi sợ phải làm. Tôi quyết định sẽ không lãng phí thời gian thêm nữa, tôi liền ra đi từ sớm, trực chỉ một

cái giếng gần những đống đá và nhôm đổ nát.

Weena bé bỏng chạy theo. Cô nhảy nhót bên cạnh tôi cho đến miệng giếng, nhưng khi thấy tôi tì vào thành nhìn xuống dưới, nàng tỏ ra thảng thốt lạ kỳ. "Tạm biệt Weena bé bỏng," tôi nói, tôi hôn cô, rồi đặt cô xuống, và bắt đầu leo qua thành giếng, chạm vào các bậc thang. Tất cả đều xảy ra khá nhanh, tôi có thể thú nhận thế, bởi sợ sự can đảm sẽ rời bỏ mình mà đi! Thoạt tiên, Weena nhìn tôi sửng sốt. Rồi cô kêu lên một tiếng vô cùng thảm thiết, chạy đến bên, cô níu tôi lại bằng đôi tay nhỏ bé. Tôi nghĩ có lẽ chính phản ứng của cô đã tiếp thêm động lực để tôi hành động. Tôi đẩy cô ra, hình như có hơi thô bạo, và chỉ trong giây lát tôi đã lọt vào phía trong miệng giếng. Tôi thấy khuôn mặt đau khổ của cô trên thành giếng, bèn cười để trấn an nàng. Rồi tôi phải nhìn xuống bởi những thanh ngang không chắc chắn lắm mà tôi đang bám vào.

Tôi leo xuống có lẽ phải đến 200 thước Anh. Những bậc thang được chế tác bằng các thanh kim loại cắm vào thành giếng, thích hợp cho những cơ thể nhỏ và nhẹ hơn tôi nhiều, nên chẳng được mấy chốc tôi đã thấy khó xoay trở và vô cùng mệt mỏi. Mà chẳng phải chỉ mệt thôi! Một thanh kim loại đột ngột cong lại dưới sức nặng của tôi, suýt nữa khiến tôi rớt xuống vùng tối đen bên dưới. Trong giây lát, cả người tôi treo lơ lửng chỉ bằng một tay, và sau trải nghiệm đó, tôi không dám ngừng lại nữa. Dẫu cho tay và lưng đau đớn khủng khiếp, tôi tiếp tục tụt xuống nhanh nhất có thể. Ngước nhìn lên, tôi thấy miệng giếng,

một cái đĩa nhỏ màu xanh, giữa có một ngôi sao lấp lánh, cái đầu của Weena bé bỏng chỉ còn là một chấm màu đen. Tiếng ầm ầm của máy móc phía dưới ngày càng lớn và khó chịu hơn. Tất cả mọi vật, trừ chiếc đĩa trên cao, đều đen kịt, khi nhìn lên lần nữa, Weena đã bỏ đi.

Tôi thấy khó chịu một cách ghê gớm. Tôi có thoáng nghĩ đến việc trèo lên lại và mặc kệ Thế giới dưới lòng đất. Nhưng ngay khi nghĩ như vậy tôi vẫn tiếp tục leo xuống. Cuối cùng, với tất cả nỗ lực, tôi lờ mờ nhận thấy phía bên phải của mình, cách khoảng một bước chân, có một hốc nhỏ sâu vào thành giếng. Tôi nhào người qua, đây là miệng của một đường hầm nhỏ nằm ngang, tôi bèn nằm xuống để nghỉ mệt. Không thể vội được. Tay tôi đau nhức, lưng thì cứng đơ, và tôi vẫn chưa hết run rẩy vì nỗi ám ảnh bị tuột tay rớt xuống. Và nữa, bóng tối như mực khiến mắt tôi khó chịu. Không gian ngột ngạt những tiếng ồn, tiếng rung của máy móc đang bơm không khí xuống lòng giếng.

Tôi không biết mình đã nằm đó bao lâu nữa. Một bàn tay mềm chạm vào mặt đánh thức tôi. Ngồi nhổm dậy trong bóng tối, tôi rút hộp diêm và đánh vội một que, tôi thấy ba sinh vật màu trắng lưng còng tương tự như con vật tôi gặp cạnh những đống gạch đá đổ nát trước đây, chúng vội vã bỏ chạy vì ánh sáng. Sống như họ trong bóng tối triền miên, mắt họ lớn bất thường và vô cùng nhạy cảm với ánh sáng, như mắt các loại cá sống dưới tầng đáy biển sâu, và cũng phản chiếu ánh sáng y hệt. Tôi chắc

chắn họ nhìn thấy tôi rất rõ trong bóng tối, và dường như chẳng hề sợ gì tôi khi không có ánh sáng. Nhưng, ngay khi tôi vừa bật diêm lên, họ tức thì bỏ chạy, lẩn vào trong những rãnh nước hay đường hầm, rồi từ đó soi mói nhìn tôi bằng một kiểu cách cực kỳ quái đản.

Tôi cố gọi họ, nhưng chắc ngôn ngữ của họ khác với những người Trên mặt đất, nên đành buông xuôi mọi nỗ lực vô ích của mình, và ý nghĩ về việc rút lui trước khi bắt đầu cuộc thám hiểm thoáng qua trong đầu. Nhưng tôi tự nhủ "Mày đã tới tận đây rồi", dò dẫm dọc theo đường hầm, tôi thấy tiếng máy móc mỗi lúc một lớn. Tôi đã rời khá xa thành giếng, tiến vào một khoảng không rộng lớn, tôi châm một que diêm khác, và thấy mình đứng trong một cái động mái vòm rộng mông mênh, trải dài từ quầng sáng chỗ tôi đứng tới cả bóng tối thăm thẳm. Những gì tôi thấy chỉ là phạm vi được ánh sáng của que diêm chiếu tới mà thôi.

Tôi chỉ có thể nhớ một cách mơ hồ. Những hình thù khổng lồ của những máy móc lớn nổi bật, soi thành những bóng đen ghê rợn, trong không gian lờ mờ đó những bóng ma Morlock đang cố lẩn trốn ánh sáng. Bầu không khí vô cùng ngột ngạt bức bí, có vương mùi máu tươi. Đâu đó ở phía trực diện tôi là một cái bàn kim loại màu trắng, hình như đang bày đồ ăn. Thì ra người Morlock là giống ăn thịt! Khi ấy tôi nhớ mình đã tự hỏi con vật nào chưa tuyệt chủng lại đủ lớn để cho họ miếng thịt đỏ mà tôi thấy. Tất cả đều mờ ảo: cái mùi nồng nặc, những

hình thù khổng lồ vô nghĩa, những sinh vật xấu xí ẩn núp trong bóng tối, chỉ chờ ánh sáng vụt tắt là vồ lấy tôi. Rồi que diêm cháy hết, làm bỏng ngón tay tôi, rơi xuống, rồi chỉ còn là một đốm đỏ chập chờn trong màn đen.

Lúc ấy tôi mới thấy mình quả đã chuẩn bị quá sơ sài cho cuộc thám hiểm này. Khi bắt đầu chế Cỗ máy Thời gian, tôi đã khởi đầu giả thuyết sai lầm rằng con người ở tương lai chắc chắn vượt xa chúng ta về tất cả mọi mặt. Tôi đến không mang theo vũ khí, thuốc men, không mang bất cứ thứ gì để hút - nhiều khi tôi thèm một điếu thuốc kinh khủng - ngay cả diêm cũng không mang đủ. Phải chi tôi mang theo một máy ảnh Kodak! Tôi đã có thể chụp một tấm của Thế giới dưới lòng đất trong nháy mắt, tha hồ nghiên cứu sau này. Nhưng, thực tế là tôi đứng đó chỉ với những vũ khí và khả năng mà tạo hóa đã ban cho - tay, chân, răng; bấy nhiêu, cộng với bốn que diêm còn lại.

Tôi không dám tiến vào giữa đống máy móc trong bóng tối, và chỉ ngay trước khi ánh lửa lúc nãy tắt đi, tôi nhận ra mình còn rất ít diêm. Tôi chưa từng nghĩ đến chuyện tiết kiệm, tôi đã phí hơn nửa hộp diêm để gây ngạc nhiên cho những người Thế giới trên mặt đất, vì họ coi lửa là một vật lạ. Giờ đây, như đã nói, tôi chỉ còn lại bốn que diêm, trong khi đang đứng trong bóng tối, tay tôi bị một bàn tay chạm vào, những ngón tay gầy guộc sờ soạng trên mặt, và tôi ngửi thấy một mùi cực kỳ hôi hám. Tôi tưởng như nghe thấy tiếng thở của đám người nhỏ bé ghê rợn ở xung quanh. Tôi cảm thấy hộp diêm trên tay bị kéo nhẹ,

và có những bàn tay khác đang kéo lưng áo mình. Bị những sinh vật mà tôi không nhìn thấy lục soát thật là một cảm giác hết sức khó chịu. Đột nhiên trong bóng tối, tôi nhận ra thật rõ ràng rằng mình chẳng biết gì về lối suy nghĩ cũng như hành động của họ. Tôi hét lên thật lớn hết mức. Họ lùi lại, và rồi tôi lại nghe họ lại tiến về phía tôi. Họ nắm vào tôi một cách bạo dạn hơn, thầm thì với nhau những tiếng quái lạ. Tôi vùng vẫy dữ dội, tiếp tục hét lên, khá chói tai. Lần này, họ không hoảng hốt như trước nữa, họ vừa cười những tiếng cười kỳ cục vừa tóm lấy tôi. Phải thú nhận là tôi sợ hãi tột độ. Tôi quyết định đốt một que diêm nữa và mượn ánh sáng của nó để tẩu thoát. Que diêm được bật lên, tôi châm nó vào một mẩu giấy lấy trong túi, và an toàn rút lui vào con đường hầm nhỏ. Nhưng vừa vào tới nơi thì ngọn lửa tắt ngúm, trong bóng tối tôi nghe thấy tiếng xào xạc như gió cuốn lá khô, lộp bộp như mưa trên mặt đất của những người Morlock đang đuổi theo.

Trong nháy mắt tôi bị mấy bàn tay tóm lấy, rõ là họ muốn kéo tôi lại. Tôi bật một que diêm nữa và đưa qua đưa lại trước những khuôn mặt hoảng hốt vì lóa mắt của họ. Quý vị khó lòng tưởng tượng cái vẻ kinh tởm vô nhân tính của họ - nhợt nhạt, không có cằm, những đôi mắt lớn không mí hồng hồng xam xám! - Khi cố giương mắt nhìn lúc mù lòa và hoang mang. Nhưng bảo đảm với quý vị là tôi không đứng đó chỉ để nhìn: Tôi lại lùi bước, khi que diêm thứ hai tắt, tôi đốt que thứ ba. Nó gần tắt thì tôi ra

tới lòng giếng. Tôi nằm bên rìa đường hầm, tiếng kêu của cái bơm lớn phía dưới làm tôi choáng váng. Rồi tôi vươn tay ra tìm được thanh ngang của chiếc thang, ngay lúc ấy, chân tôi bị túm lại, và cả người tôi bị kéo một cách thô bạo từ phía sau. Tôi đốt que diêm cuối... Nó tắt tức thì. Nhưng tôi đã nắm được vào chiếc thang, và đạp một cú thật mạnh, tôi thoát khỏi đám người Morlock và leo nhanh lên thành giếng, trong khi chúng dừng lại nhướng mắt lên nhìn theo tôi: chỉ có một tên cố đuổi theo một đoạn, hắn suýt chụp được chiếc giày của tôi làm chiến lợi phẩm.

Tôi có cảm tưởng đường leo lên như dài vô tận. Còn khoảng hai ba chục feet sau cùng, tôi chợt buồn nôn không chịu nổi. Tôi phải ghì tay vào thang một cách hết sức khó khăn. Và thước cuối cùng là cả một cuộc chiến quyết liệt chống lại cơn choáng váng. Đầu óc tôi mấy lần bồng bềnh, tôi có cảm giác như mình đang rớt xuống. Cuối cùng, không hiểu bằng cách nào, tôi leo lên tới miệng giếng, bước loạng choạng từ khu phế tích ra ngoài ánh mặt trời chói chang. Tôi đổ nhào sấp xuống. Ngay cả mặt đất tôi cũng thấy thật thơm tho và sạch sẽ. Tôi thấy Weena hôn lên tay và tai tôi, tôi nghe tiếng nói của những người Eloi khác. Rồi, tôi bất tỉnh nhân sự.

CHƯƠNG 7

Hoàn cảnh của tôi có phần tồi tệ hơn trước. Cho tới nay, ngoại trừ nỗi lo lắng hàng đêm về tình trạng của Cỗ máy Thời gian, tôi đã hy vọng là cuối cùng mình sẽ thoát hiểm, nhưng niềm hy vọng ấy lung lay sau khám phá mới của tôi. Cho tới nay, tôi đã tưởng nguyên nhân sự rắc rối của tôi là do tính nghịch phá trẻ con của đám người nhỏ bé, và bởi một lực lượng bí mật nào đó mà tôi chỉ cần nghiên cứu là vượt qua được; nhưng giờ đã có thêm yếu tố mới là bọn bệnh hoạn Morlock vô nhân tính và tàn bạo. Theo bản năng, tôi ghê tởm họ. Trước đó, tôi có cảm giác của một người bị rơi vào một cái hố, nên mọi mối quan tâm chỉ là cái hố và làm sao để leo ra. Giờ tôi có cảm giác của một con thú sập bẫy, sắp rơi vào nanh vuốt kẻ thù.

Quý vị có thể ngạc nhiên khi biết kẻ thù ấy của tôi. Chính là bóng tối của kỳ trăng thượng huyền. Weena đã nhồi vào đầu tôi những lưu ý thoạt tiên rất khó hiểu về Đêm Đen. Bấy giờ cũng không khó để đoán được Đêm Đen mang ý nghĩa gì. Mặt trăng mỗi ngày thêm khuyết, bóng tối mỗi đêm càng dày. Và tôi bắt đầu loáng thoáng hiểu nỗi sợ bóng đêm của loài người Thế giới trên mặt đất. Tôi

mông lung tự hỏi không hiểu người Morlock làm những điều xấu xa gì trong kỳ trăng thượng huyền. Tôi khá chắc chắn là giả thuyết thứ hai của mình hoàn toàn sai. Những cư dân của Thế giới trên mặt đất trước kia hẳn là lớp quý tộc được ưu đãi, và người Morlock là nô lệ chạy máy móc của họ: nhưng thời ấy đã qua từ lâu. Hai chủng người sinh ra từ đà tiến hóa của nhân loại đã lùi về, hoặc đạt tới một tương lai hoàn toàn mới. Người Eloi, như những ông vua Carolingian, đã thoái hóa đến độ chỉ còn là những hình ảnh vô dụng đẹp đẽ. Họ vẫn mặc nhiên là chủ nhân bề mặt trái đất, bởi người Morlock sống dưới lòng đất quá nhiều thế hệ, đã không còn chịu nổi ánh sáng ban ngày. Việc người Morlock may quần áo cũng như cung cấp các nhu cầu khác cho người Eloi, tôi cho rằng chỉ là thói quen phục dịch cũ rơi rớt lại. Họ làm vậy như một con ngựa dùng vó bới đất, hoặc con người hiện tại thích giết thú rừng khi săn bắn: đều bởi những nhu cầu cấp thiết cổ xưa đã hằn dấu trong tâm tưởng. Nhưng hẳn nhiên thứ tự cũ đã phần nào đảo lộn. Kẻ thù của giống người thanh tú đã chiếm thế thượng phong. Thuở xa xưa, bao nhiêu ngàn thế hệ trước, con người đã đẩy những người anh em ra khỏi cuộc sống tiện nghi và ánh sáng. Bây giờ người anh em đó trở về - hoàn toàn khác! Người Eloi đã bắt đầu học lại một bài học cũ. Họ bắt đầu làm quen trở lại với nỗi Sợ hãi. Và đột nhiên trong đầu hiện ra hình ảnh của miếng thịt tôi thấy ở Thế giới dưới lòng đất. Thật lạ kỳ, hình ảnh ấy chập chờn trong tâm trí tôi: khi thì chìm lắng trong lúc trầm tư, lúc lại tự mình vọt ra như một câu hỏi từ ngoài.

Tôi cố hồi tưởng lại. Có chút cảm tưởng mơ hồ về một cái gì đó quen thuộc, nhưng lúc ấy không sao nhận chính xác ra được.

Nhưng không cần biết những con người nhỏ bé bất lực như thế nào trước nỗi Sợ hãi bí ẩn của họ, tôi là một trường hợp khác. Tôi đến từ thời đại của chúng ta, thời đại trưởng thành của nhân loại, khi mà nỗi Sợ hãi không còn làm người ta tê liệt và sự bí ẩn đã mất đi ý nghĩa kinh hoàng. Chí ít tôi có thể tự bảo vệ mình. Không chần chừ nữa, tôi quyết định tìm cho mình vũ khí và một chỗ ngủ an toàn. Với một nơi ẩn náu làm căn bản, tôi có thể đương đầu thế giới xa lạ này với một chút yên tâm mà tôi đã đánh mất bởi những sinh vật kia, mỗi khi phơi mình nằm xuống hàng đêm. Tôi cảm thấy mình không thể nào ngủ nổi nữa cho đến khi có nơi trú ẩn an toàn. Tôi rùng mình sợ hãi khi nghĩ đến việc mình từng bị những người Morlock khám xét.

Tôi lang thang dọc theo thung lũng dòng Thames suốt buổi trưa, nhưng không tìm ra chỗ nào gợi lên sự an toàn trong tâm trí tôi. Tất cả những dinh thự và cây cối đều quá dễ dàng đối với những kẻ leo trèo thiện nghệ như giống Morlock; dựa theo cách cấu tạo của những chiếc giếng, thì hẳn là vậy. Rồi những ngọn tháp cao của tòa lâu đài sứ màu xanh với những bức tường bóng loáng hiện ra trong đầu tôi, chiều hôm ấy, để Weena ngồi trên vai như một đứa bé, tôi đi lên những ngọn đồi hướng về phía tây nam. Tôi cứ tưởng chỉ phải đi bảy hoặc tám dặm, không ngờ đến

gần mười tám dặm. Thì ra lần trước tôi đã thấy tòa lâu đài này vào một buổi chiều ẩm ướt nên đoán sai khoảng cách. Không những vậy, một chiếc giày của tôi lại tuột đế, nên bàn chân bị đinh đâm vào - đây là đôi giày cũ rất êm tôi thường đi trong nhà - khiến chân tôi thành khập khiễng. Vì vậy khi mặt trời đã khuất nẻo khá lâu tôi mới gần tới nơi, xa xa tòa lâu đài như một bóng đen tương phản với sắc trời vàng vọt.

Lúc đầu, Weena rất vui sướng khi được đặt ngồi trên vai tôi, nhưng một lát sau cô đòi tôi đặt xuống để cô chạy theo bên cạnh, thi thoảng lại nhanh thoăn thoắt ngắt những đóa hoa bỏ vào túi áo tôi. Những chiếc túi áo luôn luôn khiến Weena thắc mắc, nhưng sau cùng cô kết luận rằng chúng là một loại bình hoa kỳ cục. Cô bèn sử dụng chúng đúng với mục đích đó. À nói vậy tôi mới nhớ! Khi thay áo khoác, tôi đã tìm thấy..."

Gã du hành vượt thời gian ngừng nói, đưa tay vào túi áo, lặng lẽ lấy ra hai đóa hoa khô đặt lên chiếc bàn nhỏ, chúng giống như hoa cẩm quỳ nhưng rất lớn. Rồi hắn lại tiếp tục câu chuyện.

"Khi sự tĩnh lặng của buổi chiều tà phủ xuống mà chúng tôi vẫn đi lên ngọn đồi về phía Wimbledon, Weena có vẻ mệt và tỏ ý muốn trở về tòa nhà bằng đá xám. Nhưng tôi chỉ cho cô thấy những tháp cao của tòa lâu đài bằng sứ xanh và cố giải thích cho cô hiểu rằng cả hai đang đi tìm nơi ẩn náu khỏi nỗi Sợ Hãi của cô. Quý vị cũng biết sự tĩnh lặng ghê gớm ngay lúc trời sắp tối chứ? Ngay cả các

làn gió cũng ngưng lại trên ngọn cây. Đối với tôi, bao giờ cũng có một bầu không khí chờ mong trong cái vắng lặng của buổi hoàng hôn. Bầu trời trong vắt, xa xăm và trống rỗng ngoại trừ chút ráng chiều phía chân trời. Vâng, đêm ấy cảm giác chờ mong nhuốm thêm màu sợ hãi trong tôi. Giữa cái yên tĩnh thăm thẳm đó mọi giác quan của tôi đều trở nên sắc bén. Tôi tưởng như cảm được cả khoảng trống trong lòng đất dưới chân; đến nỗi, gần như nhìn xuyên nó để thấy những người Morlock rảo quanh chỗ nọ chỗ kia như tổ kiến của họ trong bóng tối. Trong cơn kích động, tôi tưởng tượng ra việc họ nhận thấy cuộc xâm nhập vào hang ổ này như một lời tuyên chiến. Tại sao họ lại lấy Cỗ máy Thời gian của tôi?

Chúng tôi lặng lẽ đi tiếp, bóng chiều chạng vạng đã chuyển thành màn đêm. Thinh không trong xanh đã nhạt nhòa, trên trời cao các ngôi sao tiếp nối nhau mọc. Mặt đất trở nên lờ mờ, bóng cây cối đen thẫm. Sự sợ hãi và mệt mỏi của Weena tăng lên. Tôi ôm cô trong vòng tay, chuyện trò âu yếm cùng cô. Rồi khi bóng đêm càng dày, cô quàng tay ôm chặt cổ tôi, nhắm nghiền đôi mắt, dúi sát đầu vào vai tôi. Cứ thế chúng tôi đi xuống dưới thung lũng, trời tối quá, suýt nữa tôi dẫm chân xuống một dòng sông nhỏ. Lội qua sông, tôi leo tiếp triền bên kia của thung lũng, qua những ngôi nhà đang say trong giấc ngủ, và một cái tượng thần Faun, hoặc những tượng giống như vậy, cụt mất cái đầu. Chỗ này cũng nhiều cây keo mọc. Chưa có dấu hiệu gì của người Morlock, nhưng mới chớm vào đêm, lát nữa mới

là những giờ phút đen tối trước khi mảnh trăng hạ tuần ló dạng.

Từ đỉnh ngọn đồi kế tiếp, tôi thấy một khu rừng rậm trải thành một vùng tối đen trước mặt. Tôi phân vân lưỡng lự. Tôi thấy nó trải dài đến vô tận, cả phía bên phải cũng như phía bên trái. Mệt mỏi, đặt biệt là lại đau chân, tôi cẩn thận đặt Weena từ trên vai xuống rồi ngồi nghỉ trên thảm cỏ. Tôi không còn thấy tòa lâu đài sứ màu xanh đâu nữa, và bắt đầu nghi là mình bị lạc. Nhìn vào khu rừng rậm, tôi thầm hỏi bên trong ấy ẩn giấu những gì. Không thể nào nhìn thấy những ngôi sao trên trời dưới những tán cây rậm rạp. Dẫu không có hiểm nguy nào ẩn chứa - tôi không muốn nghĩ thêm về sự nguy hiểm - thì vẫn có những rễ cây dễ vấp ngã và những thân cây dễ đâm vào.

Quá mệt mỏi sau một ngày náo nhiệt, tôi quyết định không đi trực diện vào rừng nữa, mà sẽ nghỉ lại ở trên đồi.

Tôi rất mừng khi thấy Weena nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Tôi cẩn thận cuốn chiếc áo choàng của tôi quanh người cô và ngồi chờ trăng lên. Triền đồi yên tĩnh và hoang vắng, nhưng trong bóng đen của khu rừng đây đó vẫn có âm thanh của sự sống. Trên bầu trời quang đãng, những ngôi sao tỏa sáng. Lòng tôi trào dâng một cảm giác gần gũi với những vì sao lấp lánh. Những chòm sao quen thuộc không còn nữa, sự chuyển động, dù chậm chạp đến nỗi không thể nhận ra trong hàng trăm kiếp người, đã sắp xếp chúng thành các chòm sao xa lạ. Nhưng tôi vẫn thấy

dải ngân hà như một dòng của những bụi sao như cũ. Phía nam (tôi đoán thế), có một ngôi sao màu đỏ sáng rực, hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Nó rực rỡ hơn cả ngôi sao xanh Sirius của chúng ta. Và giữa muôn ngàn điểm sáng này là một hành tinh tỏa ánh sáng êm dịu, như khuôn mặt của một cố nhân.

Nhìn những ngôi sao ấy, đột nhiên tôi thấy những khó khăn của riêng mình cũng như gánh nặng cuộc đời đều trở thành nhỏ bé. Tôi nghĩ đến khoảng cách không thể đo lường của những ngôi sao, những chuyển động chậm chạp tất yếu của chúng từ một quá khứ vô thủy tới tương lai vô chung. Tôi nghĩ đến sự thay đổi độ nghiêng trục quay trái đất biểu hiện ở các cực. Vòng quay âm thầm đó chỉ diễn ra bốn mươi lần trong suốt khoảng thời gian tôi đã vượt qua. Và sau số lần ít ỏi này, mọi sinh hoạt, mọi truyền thống, những hệ thống phức tạp, những quốc gia, ngôn ngữ, văn chương, khát vọng, ngay cả ký ức về loài người như tôi biết, tất cả đều đã bị cuốn trôi. Thay vào đó là những sinh vật yếu đuối quên mất nguồn gốc cao quý của họ, và những sinh vật trắng bệch khiến tôi rùng rợn. Rồi tôi nghĩ đến nỗi Sợ Hãi Khủng Khiếp giữa hai chủng người, và lần đầu tiên, với một cơn rùng mình bất ngờ, tôi chợt minh bạch nguồn gốc của miếng thịt đã từng nhìn thấy. Thật quá khủng khiếp! Nhìn Weena đang ngủ bên cạnh, khuôn mặt trắng trẻo của cô sáng như một vì sao dưới ánh sao, tôi liền xua đuổi ý nghĩ ấy đi.

Suốt đêm dài đó tôi cố hết sức không nghĩ đến người

Morlock, và giết thời giờ bằng cách tưởng tượng về dấu tích của những chòm sao cũ trong trật tự mới. Bầu trời rất trong, chỉ thỉnh thoảng có vài cụm mây loáng thoáng. Dĩ nhiên tôi có ngủ gật vài lần. Nhưng cuối cùng từ phía đông xuất hiện một vùng hừng sáng, như ánh phản chiếu của một ngọn lửa không màu; rồi trăng hạ huyền xuất hiện, khuyết nhọn và trắng. Theo ngay sau và vượt lên lấn át nó là ánh bình minh, thoạt nhiên còn nhàn nhạt rồi ửng hồng và ấm áp. Không có người Morlock nào tìm đến chúng tôi. Đúng hơn, cả đêm tôi không thấy bóng một người Morlock nào trên đồi. Trong sự tự tin của một ngày mới, tôi gần như cảm thấy nỗi sợ hãi hôm trước của mình là vô căn cứ. Tôi đứng dậy, nhận ra cái chân bên chiếc giày sút đế sưng vù ở mắt cá và rất đau dưới gót, tôi lại ngồi xuống, tháo cả hai chiếc giày ra và quẳng chúng đi.

Tôi đánh thức Weena, chúng tôi trở xuống khu rừng, bây giờ xanh tươi, gần gụi thay vì tối đen, cấm đoán. Chúng tôi hái vài trái cây làm bữa sáng. Chẳng bao lâu sau, chúng tôi gặp một số người Eloi đang cười đùa nhảy nhót dưới ánh mặt trời như không hề biết trên đời còn có bóng đêm. Thế là tôi lại nghĩ đến miếng thịt tôi đã từng thấy. Tôi đã khá chắc chắn về nguồn gốc của nó, và sâu thẳm đáy lòng tôi thấy tội nghiệp cho cái con suối nhỏ bé yếu ớt tận cùng của dòng sông nhân loại vĩ đại. Rõ ràng, ở một quá khứ xa xưa nào đó trong diễn trình thoái hóa của loài người, giống Morlock đã cạn kiệt nguồn thực phẩm. Có lẽ họ phải sống bằng thịt chuột hoặc các loài sâu bọ tương

tự. Ngay trong thời đại chúng ta, loài người đã bớt chọn lọc các món ăn hơn xưa - ít chọn lọc hơn hẳn loài khỉ. Cái thành kiến về việc ăn thịt đồng loại không phải là bản năng sâu xa. Vì vậy những đứa con vô nhân tính này của loài người đã...! Tôi cố nhìn sự việc trên khía cạnh khoa học. Dù sao, phải nhìn nhận là họ có ít tính người hơn và về thời gian cũng xa xôi hơn những tổ tiên ăn thịt người của chúng ta ba bốn ngàn năm trước. Vả lại, cái trí năng khiến họ bị dằn vặt bởi hành động này đã biến mất từ lâu. Tại sao phải tự làm khổ mình? Những người Eloi chỉ đơn thuần là gia súc, còn những người Morlock sống như loài kiến vỗ béo và làm thịt - nhiều khi còn gây giống theo ý muốn. Và Weena vẫn đang nhảy múa bên cạnh tôi!

Tôi cố dằn lòng để khỏi bị sự hãi hùng ngự trị, bằng cách nghĩ rằng đây là một hình phạt đích đáng cho sự ích kỷ của loài người. Con người đã bằng lòng sống thoải mái và vui vẻ trên sức lao động của những người anh em, đã sử dụng hai chữ "Nhu cầu" như khẩu hiệu và lời biện minh, và cuối cùng thời gian đã trả lại cho họ hai chữ "Nhu cầu" đó. Tôi cố thử mỉa mai kiểu Carlyle[4] về tầng lớp quý tộc đã thoái hóa này. Nhưng tâm trí tôi không làm được. Bất kể trí tuệ đã suy thoái đến đâu, giống Eloi vẫn mang quá nhiều hình dáng của con người, làm tôi không tránh khỏi thương cảm, cũng đương nhiên khiến tôi đồng cảm với sự suy thoái cũng như Nỗi sợ hãi của họ.

Lúc ấy tôi chỉ có khái niệm rất mơ hồ về các việc phải làm. Đầu tiên tôi phải tìm một nơi ẩn náu an toàn, và phải

vũ trang bản thân bằng vũ khí kim loại hoặc bằng đá mà tôi có thể xoay xở được. Đó là việc cần thiết trước nhất. Kế đến, tôi hy vọng tạo ra lửa, để có một khí giới là ngọn đuốc trong tay; vì tôi biết lửa là thứ chống lại người Morlock hữu hiệu nhất. Tiếp nữa, tôi muốn tìm cách phá cánh cửa đồng dưới tòa Nhân sư trắng. Thâm tâm tôi nghĩ đến một cái búa tạ. Tôi cho rằng nếu tôi có thể lọt qua cánh cửa với một ngọn lửa rực sáng, tôi sẽ tìm thấy Cỗ máy Thời gian và trốn thoát. Tôi không tin những người Morlock có đủ sức mạnh để mang nó đi xa. Về phần Weena, tôi quyết định sẽ đưa cô về thời đại của chúng ta. Vừa suy nghĩ về những kế hoạch như vậy, tôi vừa tìm đường đến tòa lâu đài mà tôi đã chọn làm nơi trú ẩn.

CHƯƠNG 8

Tôi tới tòa lâu đài bằng sứ xanh, khi đó là giữa trưa, nó đã hoàn toàn hoang phế và đổ nát. Những cửa sổ chỉ còn mảnh kính vỡ bám lại, cửa chớp màu xanh đã rụng khỏi khung kim loại han gỉ. Tòa lâu đài ở một nền đất rất cao đầy cỏ, nhìn về phía đông bắc trước khi tiến vào, tôi ngạc nhiên nhận ra một cửa sông lớn - có thể là cả một khúc sông - đã hoàn toàn khô cạn ở chỗ hiện nay là Wandsworth và Battersea. Thấy vậy, tôi chợt nảy ra ý nghĩ, chỉ nảy ra rồi để đó thôi, không hiểu những gì đã hoặc đang xảy ra cho các sinh vật ngoài biển.

Xem xét kỹ, tôi thấy tòa lâu đài quả nhiên được làm bằng sứ, dọc theo mặt tiền có khắc một số ký tự lạ. Tôi nghĩ - một cách khá ngây ngô - rằng Weena có thể giúp tôi hiểu ý nghĩa của những chữ viết đó, rồi chợt nhớ là trong đầu cô không hề có một khái niệm gì về văn tự. Tôi thường huyễn hoặc rằng cô "con người" hơn thực tế, có lẽ cũng bởi tình cảm của cô cũng giống như con người.

Đằng sau cánh cửa đã bể và mở sẵn, không phải là một đại nghị trường mà là một khu triển lãm được chiếu sáng bằng nhiều cửa sổ phụ. Nhìn thoáng qua, tôi liên tưởng

tới một viện bảo tàng. Sàn gạch đóng một lớp bụi dày, cũng như vô số các đồ vật linh tinh khác đều phủ bụi. Sau đó tôi nhận thấy đứng trơ vơ cằn cỗi giữa phòng rõ ràng là phần dưới của một bộ xương lớn. Dựa theo cái chân xiên xẹo, tôi nhận ra đó là một giống vật tiền sử đã tuyệt chủng thuộc họ Megatherium. Hộp sọ và phần xương trên nằm ngay bên cạnh thân, dưới lớp bụi dày; và ở một chỗ bị nước mưa rơi xuống vì mái dột, phần xương cốt đã bị xói mòn. Xa hơn trong phòng triển lãm là một bộ xương khổng lồ của loài Thằn lằn sấm. Giả thuyết về viện bảo tàng của tôi đã được xác nhận. Tiến về trước, tôi thấy những khối nằm nghiêng như những chiếc kệ, phủi đi lớp bụi dày, tôi thấy những hộp kính quen thuộc của thời đại chúng ta. Chúng đều được đóng chân không để bảo quản tốt những vật chứa bên trong.

Hiển nhiên tôi đang đứng trước tàn tích của một thời đại sau này của bảo tàng Nam Kensington! Nơi tôi đang đứng có lẽ là khu Cổ sinh vật học, với phần hoành tráng những hóa thạch của nó, mặc dù được ngăn chặn trong một thời gian, cũng bởi sự tuyệt chủng của vi khuẩn và nấm mốc khiến nó suy giảm đến chín mươi phần trăm, thì sự phân hủy vẫn tiến hành một cách vô cùng chậm chạp nhưng tuyệt đối chắc chắn. Tuy thế, dựa trên những gì còn lại vẫn có thể đoán đây đã là một công trình thu thập vô cùng vĩ đại. Đây đó tôi thấy dấu vết của chủng người bé nhỏ dưới dạng những mảnh vỡ thạch tích hoặc ghép với nhau. Vài hộp đã bị di chuyển toàn bộ - tôi đoán thủ phạm

là người Morlock. Khung cảnh thật yên ắng. Lớp bụi êm giảm nhẹ tiếng bước chân chúng tôi. Weena, nãy giờ chơi đùa bằng cách để một con nhím biển lăn theo một hộp kính nghiêng, đi đến gần trong khi tôi vẫn còn chăm chú nhìn quanh, cô lặng lẽ nắm tay và đứng cạnh bên tôi.

Đó là lần đầu tiên tôi quá ngạc nhiên bởi di chỉ cổ của thời đại văn minh này, đến mức tôi chẳng quan tâm đến tình trạng hiện tại. Ngay cả mối bận tâm tới Cỗ máy Thời gian cũng nhạt đi chút xíu trong lòng.

Về mặt kích thước, tòa lâu đài bằng sứ xanh có không gian còn rộng lớn hơn hẳn một nơi triển lãm Cổ sinh vật học, có thể là tập hợp của nhiều khu triển lãm lịch sử hoặc một thư viện! Với tôi, tối thiểu trong hoàn cảnh hiện tại, điều đó đáng chú ý hơn là cảnh tượng cổ địa chất đã phân hủy. Xem xét thêm, tôi tìm thấy một phòng triển lãm nhỏ nằm vuông góc với phòng đầu tiên. Phòng này dường như dành cho khoáng vật, nhìn thấy một khối sulfur, tôi nghĩ ngay đến thuốc súng. Nhưng tôi không thấy diêm tiêu; đúng nhất, chẳng có bất cứ thứ gì thuộc họ Nitrat. Hẳn nhiên chúng đã biến mất từ lâu. Riêng khối sulfur vẫn vẩn vơ trong đầu khiến tôi bận tâm. Những thứ khác trong phòng triển lãm đó, mặc dù được gìn giữ cẩn thận hơn tất cả những gì tôi thấy, lại không thu hút tôi mấy. Tôi vốn không phải là một chuyên gia khoáng chất, thế là tôi đi tiếp vào một hành lang đổ nát chạy song song với căn phòng thứ nhất. Rõ ràng khu này dành cho ngành Lịch sử tự nhiên, nhưng tất cả đều đã quá xa xưa không nhận ra

nổi. Vài mảnh nhăn nheo và đen đúa còn lại của những con thú nhồi, vài xác ướp khô trong những bình từng chứa cồn, một lớp bụi nâu nhờ còn sót lại của thực vật rã nát: tất cả chỉ có vậy! Tôi thấy tiếc nuối, vì nếu lần được theo tiến trình điều chỉnh của công cuộc chinh phục thiên nhiên hẳn là một điều thú vị. Tiếp đó chúng tôi tới một phòng triển lãm có thể nói đơn giản là hết sức khổng lồ, nhưng khá thiếu ánh sáng, mặt sàn hơi dốc về góc xa tính từ lối vào. Trên trần có những quả cầu treo đều nhau, nhiều cái đã nứt hoặc bể nhưng cũng đủ là dấu hiệu cho thấy lúc đầu phòng này đã được giữ sáng bằng phương pháp nhân tạo. Nó tương đối hợp với tôi hơn các phòng trước, vì cả hai bên là những máy móc khổng lồ, hầu hết đều gỉ sét, nhiều cái đã đổ vỡ, nhưng vài cái vẫn còn khá hoàn chỉnh. Quý vị cũng biết tôi có tật mê máy móc, nên lẩn quẩn ở đó một lúc khá lâu, phần nhiều cũng bởi hầu hết những máy móc đó đều rất lạ lùng, tôi chỉ có thể phỏng đoán một cách rất mơ hồ về công năng của chúng. Tôi thoáng nghĩ nếu giải được bí mật này, tôi sẽ có thêm quyền lực để đối phó với người Morlock.

Bất ngờ, Weena nép sát vào người tôi. Bất ngờ đến nỗi làm tôi giật mình. Nhưng nếu không vậy thì tôi đã không hề để ý rằng sàn của phòng triển lãm này bị dốc. (Chú thích trong nguyên bản của biên tập viên: Dĩ nhiên có thể sàn nhà không dốc, mà do toàn bộ khu bảo tàng được dựng trên triền đồi.) Chỗ cuối cùng tôi vào khá cao so với mặt đất, và được soi sáng nhờ những lỗ châu mai hiếm

hoi. Khi tiến vào, mặt đất dâng cao che lấp dần những cửa sổ này, cuối cùng tới chỗ sâu chỉ còn một khoanh nhỏ như lối vào tầng hầm những ngôi nhà ở London, với một lằn ánh sáng nhỏ trên cao chiếu xuống. Tôi vừa chầm chậm bước, vừa suy nghĩ về những cái máy, quá chìm đắm trong thế giới của đầu óc nên hoàn toàn không để ý ánh sáng càng lúc càng ít đi, cho tới khi nhận thấy sự sợ hãi của Weena tăng dần. Rồi tôi phát hiện căn phòng triển lãm trải dài đến một vùng bóng tối. Lưỡng lự đôi chút, tôi nhìn quanh, và nhận ra lớp bụi phủ trên sàn có phần mỏng hơn và kém đều đặn hơn. Xa xa phía bóng tối, một số chỗ bị ngắt đoạn bởi một số vết chân nhỏ và hẹp. Cảm giác về sự hiện diện của người Morlock tức thì sống dậy trong tôi. Tôi thấy mình đã lãng phí thời giờ vào môn học máy móc kia. Tôi chợt nhận ra lúc ấy đã ngả về chiều, và tôi vẫn chưa có vũ khí, chưa có nơi ẩn náu, chưa có phương tiện để tạo ra lửa. Rồi từ trong vùng bóng tối sâu thẳm của phòng triển lãm, tôi nghe những tiếng xì xào lạ kỳ, y hệt như những tiếng tôi đã nghe ở dưới chiếc giếng kia.

Tôi nắm tay Weena. Rồi chợt nảy ra một ý tưởng, tôi bỏ cô đứng đó chạy đến một chiếc máy có gắn một cái cần trông hơi giống các trạm tín hiệu hỏa xa. Trèo lên trên Cỗ máy, tôi nắm cái cần bằng hai tay, vặn ngang bằng hết cả sức nặng của mình. Bỗng nhiên Weena, đang đứng một mình ở lối đi, bắt đầu cất tiếng thút thít. Tôi đã ước lượng sức chịu đựng của cái cần khá chính xác, quả nhiên nó gãy

sau khoảng một phút, thế là tôi trở về bên cạnh Weena với một cây gậy chắc chắn dư sức đập bể bất cứ chiếc sọ Morlock nào tôi gặp. Tôi quả rất nóng lòng được tiêu diệt một con Morlock hoặc loài tương tự. Quý vị có thể cho là tôi bất nhân, ai lại muốn giết con cháu mình! Nhưng chẳng hiểu sao tôi không thể cảm thấy một dấu vết gì của con người ở chúng. Nếu không vì phải trông chừng Weena và vì sợ sự thèm khát giết chóc có thể gây họa cho Cỗ máy Thời gian, tôi đã chạy thẳng xuống dưới khu triển lãm, giết sạch bọn thú vật đang xì xào kia.

Một tay nắm cây gậy, một tay giữ Weena, tôi rời phòng triển lãm đó để đến một phòng khác rộng lớn hơn, thoạt nhìn giống như một nhà thờ quân đội treo đầy những mảnh cờ rách vụn. Rồi tôi nhận ra những mảnh màu nâu hay cháy đen treo hai bên chính là dấu tích của những quyển sách. Chúng đã rời ra từng tờ từ lâu, và mọi dấu vết của in ấn đều không còn nữa. Nhưng những mẩu giấy cứng cong queo, và những miếng gài bằng kim loại rạn nứt đã nói lên tất cả. Giá tôi là người mê văn chương, hẳn tôi đã suy ngẫm về sự vô ích của mọi tham vọng. Nhưng điều khiến tôi cảm nhận sâu sắc nhất là sự uổng phí công lao của loài người, hiển hiện qua những mẩu giấy mục nát thảm đạm kia. Khi ấy, phải thú nhận là tôi nghĩ nhiều nhất đến tạp chí Kỷ yếu triết học và mười bảy bài nghiên cứu quang học của tôi.

Đi lên một cầu thang rộng, chúng tôi đến một căn phòng có lẽ một thời là khu triển lãm công nghệ hóa học.

Tôi không hy vọng tìm được thứ gì hữu ích ở đây. Ngoại trừ một góc trần bị sụp xuống, căn phòng còn khá toàn vẹn. Tôi nôn nóng xem xét từng tủ kính chưa bị bể. Cuối cùng, trong một tủ kính vẫn giữ được môi trường chân không, tôi tìm thấy một hộp diêm. Tôi vội vàng thử ngay. Nó vẫn còn hoàn hảo. Thậm chí không hề bị ẩm ướt. Tôi quay về phía Weena, nói bằng ngôn ngữ của cô: "Nhảy múa thôi". Giờ tôi đã có trong tay đủ vũ khí để chống lại đám sinh vật đáng sợ kia. Thế là giữa viện bảo tàng hoang phế đó, trên lớp thảm bụi dày, trong niềm hân hoan vô hạn của Weena, tôi trang trọng nhảy theo một vũ điệu hỗn hợp, vừa sung sướng huýt sáo bài The Land of the Leal. Có lúc tôi theo một điệu cancan đơn giản, có lúc là điệu step, có lúc là điệu xòe váy (tôi dùng đuôi của chiếc áo ngoài), có lúc là điệu do tôi tự nghĩ ra, như quý vị cũng biết, tôi vốn có nhiều sáng kiến.

Giờ nghĩ lại, một hộp diêm hoàn toàn không bị thời gian tàn phá trong từng ấy năm quả là chuyện kỳ lạ bậc nhất trên đời, và là một điều cực kỳ may mắn cho tôi. Vậy mà, tôi còn tìm ra một chất lạ kỳ hơn nữa: băng phiến. Khối băng phiến này ở trong một cái bình kín - tôi đoán có lẽ nhờ một sự tình cờ, mà nó kín tuyệt đối. Tôi cứ tưởng nó là parafin, nên đập bể luôn cái bình. Nhưng mùi băng phiến không lẫn đi đâu được. Trong khi mọi vật chung quanh đều mục nát, chất dễ bay hơi này lại tồn tại, có lẽ đến cả hàng ngàn thế kỷ! Nó khiến tôi nhớ lại bức tranh màu hung được vẽ bằng mực làm từ động vật hóa thạch

đã chết và hóa đá từ hàng triệu năm về. Tôi định vứt khối băng phiến đi, nhưng sực nhớ băng phiến là chất dẫn cháy với ngọn lửa rất sáng, tức là có thể dùng như một cây nến tuyệt hảo; tôi bèn bỏ nó vào túi áo. Tôi không tìm thấy thuốc nổ, cũng không thấy bất cứ thứ gì khác có thể phá cánh cửa bằng đồng. Thế nên, thanh gậy sắt vẫn là vật hữu dụng nhất tôi tình cờ kiếm được. Tuy vậy, tôi rời phòng triển lãm đó lòng ngập tràn vui sướng.

Tôi không thể kể cho quý vị nghe tất cả những chuyện xảy ra trong buổi chiều hôm ấy. Bởi trí nhớ của tôi không thể hồi tưởng lại mọi chi tiết của cuộc thám hiểm theo đúng trình tự thời gian. Tôi nhớ có một căn phòng với những giá dài gỉ sét, và tôi đã phân vân giữa thanh gậy sắt trong tay, một cái rìu, và một thanh kiếm. Tôi không thể mang theo tất cả, và thanh gậy sắt hứa hẹn là hiệu quả nhất trong việc phá cánh cửa đồng kia. Tôi cũng thấy một số súng trường và súng lục. Hầu hết chỉ còn là những khối thép gỉ, nhưng nhiều khẩu súng được chế bằng một loại kim loại mới thì coi vẫn còn khá tốt. Rất tiếc những thứ từng là băng đạn hoặc thuốc súng đều đã tan thành cát bụi. Một góc phòng bị vỡ và có nhiều vết cháy, tôi đoán là hậu quả của một mẫu vật nào đó phát nổ. Một chỗ khác thì xếp đầy những tượng - Polynesia, Mêhicô, Hy Lạp, Phoenicia, có lẽ tất cả mọi nước trên thế giới. Ở đó, không dằn nổi ý muốn thúc đẩy, tôi viết tên tôi lên mũi một pho tượng quái vật Nam Mỹ mà tôi đặc biệt chú ý.

Chiều dần ngả bóng, niềm hứng khởi của tôi cũng

giảm dần. Tôi đã qua hết phòng triển lãm này đến phòng triển lãm khác, phòng nào cũng đầy bụi bặm, cũng im lìm, thường đều đổ nát, những vật triển lãm có chỗ chỉ còn là những đống gỉ sét hoặc những vụn than non, có chỗ đỡ hơn một chút. Ở một chỗ tôi đột nhiên thấy mình đang đứng gần mô hình của một mỏ thiếc, và rồi do một sự tuyệt đối tình cờ, tôi tìm được, trong một cái hộp chân không, hai quả mìn! Tôi kêu lớn lên "Eureka!" và sung sướng đập vỡ cái hộp ra. Rồi một sự nghi ngờ. Tôi hơi lưỡng lự. Tôi chọn một phòng triển lãm nhỏ bên cạnh để thực hiện cuộc thử nghiệm. Chưa bao giờ tôi thất vọng đến như vậy, năm, mười, mười lăm phút để chờ đợi một tiếng nổ không bao giờ xảy ra. Dĩ nhiên hai khối mìn đó chỉ là đồ giả, nhẽ ra tôi phải đoán trước nó chỉ là đồ trưng bày. Giá như không phải vậy, rất có thể là tôi đã vội vàng chạy đi thổi bay tất cả, Tòa Nhân sư, cánh cửa đồng, và (như sự kiện sau này chứng minh) luôn cả cơ hội tìm ra Cỗ máy Thời gian.

Hình như ngay sau đó chúng tôi đến một khoảnh sân trống nhỏ trong tòa lâu đài. Cỏ mọc um tùm với ba cây ăn quả. Chúng tôi bèn nghỉ ngơi cho lại sức. Khi mặt trời sắp lặn, tôi đánh giá lại tình hình của mình. Màn đêm đang buông xuống, và tôi vẫn chưa tìm ra một nơi ẩn náu để không ai xâm phạm được. Nhưng điều đó chẳng còn khiến tôi lo ngại mấy. Trong tay tôi có thứ vũ khí mà tôi cho rằng hữu hiệu nhất để chống lại người Morlock - những que diêm! Ngoài ra, tôi còn có một miếng băng phiến

trong túi áo, để đốt lên một ngọn lửa sáng chói nếu cần. Tôi nghĩ cách hay nhất để trải qua đêm ngoài trời, là một ngọn lửa phòng thân. Sáng hôm sau phải tìm cách lấy lại Cỗ máy Thời gian. Để đạt mục đích, tôi vẫn chẳng có gì hơn là cái gậy sắt. Nhưng bấy giờ, nhờ hiểu biết nhiều hơn, suy nghĩ của tôi về những cánh cổng bằng đồng đã thay đổi. Cho đến lúc ấy tôi còn cố dằn lòng chưa tìm cách nạy chúng bật ra, chủ yếu vì những bí ẩn đằng sau đó. Với tôi, chúng không còn kiên cố như trước nữa, và tôi hy vọng thanh sắt của tôi đủ cứng để làm nó mở ra.

CHƯƠNG 9

Chúng tôi ra khỏi tòa lâu đài khi mặt trời chưa hẳn khuất núi. Tôi đã nhất định đến tòa Nhân sư trắng sáng sớm hôm sau, và bất chấp trời tối, tôi sẽ vượt qua khu rừng đã cản bước tôi trong chuyến đi trước. Kế hoạch của tôi là cố đi càng xa càng tốt trong đêm, sau đó nổi một đống lửa, và ngủ với sự bảo vệ của nó. Đã định như vậy, tôi nhặt những cành cây và cỏ khô dọc đường, chẳng mấy chốc đã đầy tay. Nhưng chính vì thế mà chúng tôi đi chậm hơn dự tính; thêm nữa Weena tỏ ra thấm mệt. Với tôi thì cơn buồn ngủ ập đến, thế nên khi chúng tôi tới khu rừng, đêm đã hoàn toàn buông xuống. Weena dừng lại ngay đám bụi cây ven bìa rừng, cô kinh hãi bóng tối trước mặt; nhưng một dự cảm về hiểm nguy - mà lẽ ra tôi phải coi là một lời cảnh báo - giục tôi đi tới. Hai ngày một đêm chưa ngủ khiến người tôi ngây ngấy sốt và bực bội. Tôi cảm thấy giấc ngủ đang ùa tới, và kéo theo là những người Morlock.

Trong khi chúng tôi còn phân vân, giữa những bụi cây đen đúa phía sau, tôi thấy ba chiếc bóng đang bò. Vì quanh chúng tôi có nhiều bụi cây và cỏ mọc cao, tôi không

cảm thấy an toàn với kiểu âm thầm tiếp cận này. Tôi ước lượng chỉ cần đi chưa tới một dặm là qua khỏi khu rừng. Sau đó, chúng tôi sẽ đến một sườn đồi trọc, có vẻ đó là chỗ nghỉ ngơi an toàn hơn nhiều; tôi nghĩ với những que diêm và cục băng phiến, tôi sẽ có đủ ánh sáng để vượt qua khu rừng. Nhưng hiển nhiên là muốn đốt que diêm thì phải dùng cả hai tay, tôi sẽ không mang củi theo được. Không có cách nào hơn, tôi đành bỏ chúng xuống. Và rồi tôi chợt nghĩ tại sao không đốt chúng lên để gây sự ngạc nhiên cho những "người bạn" đằng sau? Tôi cho rằng đây là một ý tưởng mưu mẹo để bảo vệ đường rút lui; không ngờ nó trở thành một sự dại dột tai hại.

Không hiểu quý vị có bao giờ nghĩ đến sự hiếm hoi của lửa ở những nơi khí hậu ôn đới không có người sống hay chưa? Sức nóng mặt trời ít khi đủ sức đốt cháy, ngay cả khi được hội tụ bởi những giọt sương, như thỉnh thoảng xảy ra ở những vùng khí hậu nhiệt đới. Sét có thể đánh gãy cây và cháy xém, nhưng ít khi nào tạo thành những ngọn lửa lan rộng. Thảm thực vật khi mục nát thỉnh thoảng cháy âm ỉ bởi sức nóng của quá trình lên men, nhưng hầu như chẳng bao giờ tạo thành lửa. Trong thời đại suy đồi này, nghệ thuật tạo ra lửa đã hoàn toàn bị lãng quên trên mặt đất. Chiếc lưỡi đỏ liếm dần lên đống củi là một hình ảnh hoàn toàn mới lạ đối với Weena.

Cô muốn nhào tới chơi đùa với ngọn lửa. Tôi tin rằng cô sẽ nhào vào nó nếu tôi không kịp cản. Nên tôi vội kéo lại mặc cho cô giãy giụa. Thế rồi cô chẳng hề sợ hãi, phóng

vào khu rừng ngay trước mặt tôi. Nhờ ánh lửa, một khoảng đường ngắn được soi sáng. Nhìn lại phía sau, xuyên qua cành lá, tôi thấy ngọn lửa từ đống củi đã lan qua một số bụi cây gần đó, và một đường cong bằng lửa đã bén vào vạt cỏ cháy dần lên ngọn đồi. Tôi bật cười, và quay đầu lại với rừng cây âm u trước mặt. Màu đen dày đặc, khiến Weena ôm chặt lấy tôi, nhưng chỉ lát sau, mắt đã quen dần với bóng đêm, và nhờ ánh lửa từ xa hắt tới giúp tôi tránh được những thân cây. Riêng trên đầu thì chỉ thuần một màu đen, ngoại trừ thỉnh thoảng có một khoảnh trời xanh xa xôi chiếu. Tôi không đốt diêm được vì cả hai tay đều bận cả. Tay trái bế Weena, tay phải cầm thanh sắt.

Suốt một hồi, tôi chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng lá xào xạc dưới chân, tiếng gió lao xao trên cao, tiếng thở của chính tôi và tiếng đập của mạch máu trong tai. Rồi tôi chợt nghe thấy tiếng lạo xạo hướng về phía mình. Tôi đề cao cảnh giác. Tiếng lạo xạo rõ ràng hơn, rồi tôi nhận ra những âm thanh kỳ lạ đã nghe ở Thế giới dưới lòng đất. Hiển nhiên là có vài người Morlock đâu đó, và họ đang tiến về phía tôi. Quả nhiên, chưa đầy một phút đồng hồ sau, đã có những bàn tay níu vạt áo và nắm vào tay tôi. Weena run lên bần bật, rồi trở nên bất động.

Đã đến lúc phải đốt diêm lên. Nhưng muốn vậy tôi phải bỏ Weena xuống. Xong, trong khi tôi mò mẫm lục túi áo, một cuộc giằng co xảy ra dưới chân tôi, Weena hoàn toàn im lặng trong khi những người Morlock gầm gừ với

âm điệu đặc trưng. Những bàn tay nhỏ và mềm cũng chạm khắp áo và lưng tôi, thọc cả vào cổ tôi nữa. Que diêm xòe lửa. Tôi cầm trên tay, nhìn thấy những cái lưng trắng của người Morlock chạy như bay giữa những hàng cây. Tôi vội lấy miếng băng phiến từ túi áo, chuẩn bị sẵn sàng cho lúc que diêm sắp tắt. Rồi tôi ngó qua Weena. Cô nằm ôm chặt chân tôi, nhưng hoàn toàn bất động, mặt cô úp xuống đất. Hoảng hốt, tôi vội cúi người xuống xem xét tình trạng. Cô có vẻ đang nghẹn thở. Tôi đốt miếng băng phiến quăng xuống đất, nó văng ra, bừng sáng, đẩy lùi đám người Morlock và cả bóng tối, tôi quỳ xuống ôm Weena lên. Khu rừng phía sau đầy những tiếng động và âm thanh lạo xạo như có một đám người vô cùng đông đảo.

Hình như Weena đã ngất. Tôi thận trọng đặt cô lên vai, đứng dậy tiếp tục đi, nhưng rồi bàng hoàng nhận ra một điều khủng khiếp. Trong lúc loay hoay với những que diêm và Weena, tôi xoay người nhiều lần, và bây giờ tôi không còn nhận ra chút nào phương hướng nữa. Rất có thể, tôi đang quay trở lại phía tòa lâu đài sứ màu xanh. Tôi đổ mồ hôi lạnh. Tôi phải suy tính hành động thật nhanh. Cuối cùng quyết định châm một đống lửa, và dừng chân tại đấy. Tôi đặt Weena, vẫn chưa tỉnh lại, dựa vào một thân cây trên thảm cỏ, rồi vội vã vì miếng băng phiến đang cháy gần hết, tôi gom củi và lá khô. Đâu đó trong bóng tối xung quanh, những cặp mắt Morlock lấp lánh như những viên ngọc.

Miếng băng phiến chập chờn rồi tắt. Tôi đốt một que diêm, ngay lập tức hai bóng trắng đang tiến tới phía Weena vội vàng bỏ chạy. Một gã quáng mắt vì ánh sáng chạy lầm về phía tôi, tôi bèn giáng cho một cú đấm và nghe rõ tiếng xương gãy. Gã kêu lên khiếp đảm, loạng choạng mấy bước, rồi ngã vật xuống. Tôi đốt một miếng băng phiến khác rồi gầy cho đống lửa lớn lên. Giờ tôi mới để ý trên đầu tôi toàn các tán lá khô, cũng bởi từ ngày tôi tới bằng Cỗ máy Thời gian, phải một tuần nay rồi, trời không hề mưa. Thế là thay vì gom lá rụng dưới chân, tôi nhảy lên chụp bẻ cành làm củi. Chỉ phút chốc tôi đã có một ngọn lửa đầy khói đến nghẹt thở được nuôi bằng cả củi khô và cành tươi, để dành lại chỗ băng phiến. Rồi tôi quay qua phía Weena đang nằm bên thanh gậy sắt. Tôi gắng dùng mọi phương pháp sơ cứu, nhưng cô vẫn nằm im như chết. Tôi cũng không dám chắc là cô còn thở hay không.

Khói từ ngọn lửa bay về phía tôi, khiến đầu tôi đột nhiên nặng chình chịch. Lại thêm mùi băng phiến tràn ngập không khí. Đống lửa còn cháy được khoảng một giờ nữa mới cần thêm củi. Mệt mỏi vì kiệt sức, tôi ngồi xuống. Khu rừng vẫn đầy những tiếng xì xà xì xào mà tôi không hiểu. Tôi nhớ là mình chỉ gục đầu xuống rồi mở mắt. Nhưng xung quanh đã hoàn toàn là bóng tối, và người tôi đầy những bàn tay Morlock. Tôi gạt chúng ra và vội vàng lục tìm hộp diêm, nhưng nó đã biến đâu mất! Những bàn tay Morlock lại sờ, nắm vào tôi. Trong một thoáng giây, tôi

hiểu ngay mọi sự. Tôi đã ngủ gật và đống lửa đã tắt, một cảm giác chết chóc bao phủ hồn tôi. Khu rừng đầy mùi gỗ cháy. Tôi bị nắm cổ, tóc, tay, và kéo xuống. Thật là khủng khiếp đến mức không thể diễn tả nổi cái cảm giác trong bóng tối bị những sinh vật mềm nhũn đó bu quanh. Tôi có cảm giác như mình đang sa vào tấm lưới nhện khổng lồ. Không gượng nổi, tôi ngã xuống. Cổ tôi bị một hàm răng cắn nhẹ vào. Tôi lăn mình, tay chạm vào một vật, chính là thanh sắt. Nó giúp tôi mạnh mẽ thêm. Tôi vùng vẫy ngồi dậy, gạt văng bọn chuột nhắt ra, cầm một đầu gậy, tôi phang thẳng vào những chỗ tôi đoán là mặt của chúng. Tôi cảm nhận được xương thịt văng tứ tung vì những cú quất của tôi. Trong nháy mắt, tôi không còn vướng víu gì nữa.

Cơn say máu như thường xuất hiện ở những trận chiến cam go đến với tôi. Tôi biết mình và Weena đã bại trận, nhưng tôi nhất định bắt bọn Morlock phải trả giá thật đắt cho bữa tiệc thịt người. Tôi dựa vào một thân cây, khua cây gậy sắt trước mặt. Khu rừng đầy những tiếng động và tiếng kêu la. Một phút trôi qua. Tiếng kêu của bọn Morlock chói tai hơn chứng tỏ một tình trạng cấp bách hơn, chúng di chuyển cũng nhanh hơn. Nhưng không có tên nào đến gần tôi cả. Tôi đứng nhìn trừng trừng vào bóng tối. Rồi một tia y vọng nảy ra. Biết đâu bọn Morlock đang sợ hãi? Ngay lúc ấy, một hiện tượng bất ngờ xảy tới. Bóng đêm nhạt dần, trở nên mờ ảo. Tôi bắt đầu lờ mờ thấy bọn Morlock xung quanh - ba tên gục dưới chân tôi - rồi

tôi chợt nhận ra, với sự ngạc nhiên cùng tột, rằng những tên còn lại đang bỏ chạy thành một hàng dài, từ sau lưng tôi về khoảng rừng phía trước. Lưng của chúng không còn trắng mà có ửng đỏ. Trong khi còn há hốc miệng, tôi thấy một vệt đỏ vọt lên khoảng trời có ánh sao giữa các cành cây rồi biến mất. Tức thì tôi hiểu nguyên nhân của mùi gỗ cháy, của tiếng thì thào nay đã trở thành tiếng gầm dữ dội, của sự ửng đỏ, và cuộc rút chạy của bọn Morlock.

Tránh khỏi thân cây và nhìn về phía sau, xuyên qua thân cây đen đúa ở gần, tôi thấy ngọn lửa của trận cháy rừng. Đây là kết quả của đống lửa tôi đốt lúc đầu. Tôi tìm kiếm Weena, nhưng không thấy cô đâu nữa. Tiếng rì rào, lách tách sau lưng tôi, tiếng nổ lép bép của những thân cây bén lửa không cho tôi thời gian để suy nghĩ. Tay vẫn nắm thanh sắt, tôi chạy theo lối của bọn Morlock. Tình trạng thật cấp bách. Có một lúc ngọn lửa lan quá nhanh phía bên phải, tôi phải chuyển hướng chạy sang trái. Nhưng rồi cuối cùng tôi thoát đến một khoảnh trống nhỏ, vừa đến đó, tôi thấy một tên Morlock mò mẫm đi về phía tôi, ngang qua tôi, rồi đâm thẳng vào đám lửa!

Thế rồi sau đó có lẽ là cảnh quái đản và khủng khiếp nhất mà tôi được biết ở thế giới tương lai. Cả một không gian rộng lớn trở thành sáng rực như ban ngày vì ánh phản chiếu của đám cháy rừng. Ở trung tâm là một gò đất hoặc nấm mộ, chỗ cao nhất có một cây táo gai cháy xém. Bên ngoài là một nhánh khác của đám cháy rừng, với chiếc lưỡi vàng quằn quại, tạo thành một hàng rào lửa bao

quanh ngọn đồi. Trên lưng đồi có khoảng ba mươi hoặc bốn mươi tên Morlock, mắt lóa bởi ánh sáng và sức nóng, loạng quạng đâm sầm vào nhau trong cơn hoảng hốt. Thoạt đầu, không biết chúng đang mù lòa, tôi quật túi bụi vào những kẻ đến gần, với phản ứng của một kẻ sợ hãi, khiến một tên chết và vài tên khác bị thương. Nhưng khi nhìn thấy một tên sờ soạng khoảng trống trước mặt dưới cây táo gai giữa khung trời đỏ rực, và nghe những tiếng rên rỉ, tôi biết chắc chúng chỉ còn là những nạn nhân bất lực của ánh sáng, tôi bèn dừng không quất nữa.

Nhưng thỉnh thoảng vẫn có tên chạy thẳng về phía tôi, khiến tôi rùng mình ghê rợn phải tránh né vội vàng. Có thời điểm ngọn lửa yếu đi chút ít, khiến tôi sợ bọn sinh vật dơ bẩn kia sẽ nhìn thấy tôi. Tôi đã định bắt đầu lại cuộc chiến bằng cách giết vài tên trước, nhưng rồi ngọn lửa lại bùng lên chói lóa, thế là tôi tạm ngưng. Tôi đi lên đồi giữa đám Morlock, tránh né chúng, và cố tìm dấu vết Weena. Nhưng vẫn không thấy cô.

Cuối cùng tôi ngồi xuống trên đỉnh một gò đất, nhìn đám đông quái dị gồm những kẻ mù lòa mò mẫm tới lui, kêu gào nhau bằng những âm thanh ma quái, khi những tia sáng bắn tới chúng. Những cột khói cuồn cuộn ngút trời, và giữa những lỗ hổng hiếm hoi của chiếc dù đỏ ấy, vẫn có những ngôi sao nhỏ, sáng lấp lánh như thuộc về một vũ trụ khác. Hai hoặc ba tên Morlock loạng quạng đâm vào tôi, tôi đấm văng chúng ra, vừa đấm vừa thấy mình run rẩy.

Gần như suốt đêm ấy, tôi cố tự kỷ ám thị rằng mình đang trong cơn ác mộng. Tôi tự cắn vào môi và kêu thét lên để mong tỉnh giấc. Tôi đấm tay xuống mặt đất, đứng lên ngồi xuống, đi qua đi lại, và rồi lại ngồi xuống. Rồi tôi dụi mắt và cầu xin Chúa cho tôi tỉnh dậy. Ba lần tôi thấy những tên Morlock cúi gầm đầu trong cơn đau đớn lao thẳng vào đám cháy. Nhưng cuối cùng, trên màu đỏ yếu dần của lửa, trên những luồng khói đen khổng lồ, trên những thân cây loang lổ đen trắng, và số lượng đám sinh vật dật dờ càng lúc càng giảm, ánh trắng ban ngày xuất hiện.

Tôi lại tìm dấu vết của Weena, nhưng vô ích. Hẳn nhiên bọn Morlock đã bỏ lại tấm thân tội nghiệp của cô trong rừng. Tôi không biết diễn tả thế nào về cái cảm giác nhẹ nhõm của tôi khi biết đã thoát khỏi cái số phận nghiệt ngã tưởng đã an bài. Nghĩ đến chuyện ấy, tôi suýt nổi cơn muốn giết sạch bọn khốn nạn đang kêu gào tuyệt vọng chung quanh, nhưng tôi kiềm chế lại. Gò đất, như tôi đã kể, giống một ốc đảo giữa rừng. Từ trên đỉnh, qua lớp khói mờ, tôi có thể nhận ra tòa lâu đài sứ xanh, và từ đó định hướng tòa Nhân sư trắng. Để mặc những linh hồn tội lỗi còn lại loạng quạng kêu gào, khi trời đã sáng hơn, tôi bó một mớ cỏ vào chân, khập khiễng đi giữa những tro bụi và những thân cây đen đúa còn âm ỉ cháy bên trong, về nơi giấu Cỗ máy Thời gian. Tôi bước rất chậm, bởi kiệt sức, lại gần như què, và vì bị ám ảnh ghê gớm bởi cái chết rùng rợn của Weena. Cái chết của cô là một tai họa không chịu

đựng nổi. Giờ trong căn phòng quen thuộc này, chỉ còn như nỗi buồn vương vấn sau cơn mơ hơn là một mất mát đã thực sự xảy ra. Nhưng buổi sáng đó, nó đẩy tôi trở về với cảm giác của một kẻ cô đơn - cô đơn tột đỉnh. Tôi bắt đầu nhớ đến ngôi nhà này, đến lò sưởi ấm, đến anh em bạn bè, và những nỗi nhớ đó kèm theo nỗi khát khao đến cháy bỏng.

Nhưng, trong khi đi trên lớp tro tàn ngút khói dưới bầu trời ban mai rực rỡ, tôi phát hiện ra một điều. Trong túi áo khoác tôi vẫn còn vài que diêm lẻ. Chắc hộp diêm trước khi mất đã bị hở ra.

CHƯƠNG 10

Vào khoảng tám hoặc chín giờ sáng, tôi tới chỗ chiếc ghế kim loại màu vàng nơi tôi đã ngồi nhìn trái đất buổi chiều hôm mới đến. Nhớ lại những kết luận vội vàng chiều hôm ấy, tôi không khỏi cười chua chát cho sự chủ quan của mình. Vẫn phong cảnh đẹp đẽ này, vẫn tán cây rậm rạp, vẫn những lâu đài nguy nga và những phế tích điêu tàn, vẫn dòng sông bạc chảy giữa đôi bờ phì nhiêu. Những y phục rực rỡ của những con người đẹp đẽ thấp thoáng giữa lùm cây. Vài người tắm ở đúng ngay nơi tôi đã cứu Weena, khiến tim tôi như thắt lại. Và như những vết nhơ trong bức tranh sơn thủy trên những mái vòm dẫn đường đi xuống Thế giới dưới lòng đất. Giờ tôi đã hiểu ý nghĩa của sự đẹp đẽ của những con người Thế giới trên mặt đất. Ngày tháng của họ thật dễ chịu, dễ chịu như ngày tháng của trâu bò trên đồng cỏ. Như trâu bò, họ không căm thù ai và không chống lại ý muốn của bất cứ ai. Và kết cục của họ cũng tương tự.

Tôi xót xa khi nghĩ đến giấc mơ quá ngắn ngủi của trí tuệ loài người. Trí tuệ đó đã tự tìm cái chết. Nó tự đề ra những bước vững vàng đến sự thoải mái và an nhàn, đến

một xã hội cân bằng mà an toàn và vĩnh cửu là hai khẩu hiệu, nó đã đạt mục đích - để cuối cùng rơi vào tình trạng này. Một thuở nào đó, đời sống và tài sản hẳn đã đạt mức an toàn tuyệt đối. Người giàu được bảo đảm về sự giàu sang và hưởng thụ, người lao động được bảo đảm về cuộc sống và có việc làm. Hẳn trong thế giới hoàn hảo đó không còn nạn thất nghiệp, không còn vấn đề xã hội nào cần giải quyết. Và một giai đoạn yên tĩnh lâu dài nối tiếp theo sau.

Nhưng chúng ta đã bỏ qua quy luật tự nhiên, rằng trí tuệ là sự đền bù của bất ổn, hiểm nguy, và phiền lụy. Một con vật hoàn toàn hòa hợp với khung cảnh sống chỉ là một Cỗ máy hoàn hảo. Tự nhiên không bao giờ đòi hỏi trí tuệ cho tới khi thói quen và bản năng đã trở thành vô dụng. Sẽ không có trí tuệ khi không có đổi thay và không có nhu cầu đổi thay. Loài vật chỉ nảy sinh trí tuệ để đối phó với hàng loạt nhu cầu và hiểm nguy.

Nên, như tôi thấy, con người Thế giới trên mặt đất đã dạt theo chiều của cái đẹp yếu đuối, và con người Thế giới dưới lòng đất lại theo chiều của kỹ nghệ cơ khí. Nhưng trạng thái hoàn hảo đó thiếu một điều kiện, kể cả với nền cơ khí hoàn hảo - tính vĩnh cửu tuyệt đối. Rõ ràng cùng với thời gian trôi đi, nguồn thực phẩm của Thế giới dưới lòng đất, vì lý do nào đó đã bị gián đoạn. Nữ thần Nhu cầu, từng khuất nẻo suốt mấy ngàn năm, đã trở lại, và bắt đầu từ dưới lòng đất. Người dưới lòng đất quen thuộc với máy móc, dẫu máy móc hoàn hảo bao nhiêu, vẫn đòi hỏi một chút suy nghĩ bên ngoài thói quen, có thể vì vậy mà họ

còn giữ được nhiều tính tích cực hơn những người Thế giới trên mặt đất, mặc dù kém nhân bản hơn. Và khi những nguồn thịt khác không còn, họ trở về với một thói quen cũ bị cấm đoán từ lâu. Đó là quan điểm cuối cùng của tôi về thế giới ở năm Tám trăm linh hai ngàn bảy trăm linh một. Nó có thể sai lầm như tất cả mọi phát minh khác sinh ra từ trí tuệ loài người. Nhưng đó là điều tôi cho là đúng, và đó là điều tôi kể với quý vị.

Sau những mệt mỏi, những kích thích, và những diễn biến khủng khiếp trong những ngày qua, dẫu trong lòng buồn rầu, thì khung cảnh yên tĩnh cùng ánh mặt trời ấm áp khiến tôi thấy hết sức dễ chịu. Tôi đang vô cùng mệt mỏi và buồn ngủ, tôi chuyển từ suy nghĩ sang trạng thái gà gà gật gật. Thấy thế, tôi bèn chiều theo nhu cầu của cơ thể, trải người trên thảm cỏ và ngủ một giấc dài cho lại sức.

Tôi tỉnh dậy ngay trước hoàng hôn. Giờ tôi không còn sợ bị người Morlock bắt trong khi ngủ gật, tôi vươn vai rồi đi xuống đồi về phía tòa Nhân sư trắng. Tôi có cây gậy sắt bên tay này, tay kia đùa nghịch những que diêm trong túi áo.

Một cảnh bất ngờ không thể tưởng tượng đã hiện ra. Khi tôi đến gần cái bục Nhân sư, những cánh cửa bằng đồng đều mở rộng. Chúng trượt theo rãnh xuống bên dưới.

Thấy thế tôi dừng lại chốc lát, do dự trước khi bước

vào.

Bên trong là một căn phòng nhỏ, và ở một góc cao là Cỗ máy Thời gian. Những chiếc cần số vẫn nằm yên trong túi áo tôi. Thế đấy, tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng cho cuộc tấn công vào tòa Nhân sư trắng, đâu ngờ kẻ địch lại đầu hàng quá dễ dàng. Tôi quẳng thanh sắt trong tay đi, hầu như tiếc rẻ vì không có cơ hội dùng đến nó.

Một ý nghĩ bất ngờ nảy ra trong đầu khi tôi thấy người người bước qua cổng. Tối thiểu lần này tôi hiểu mưu toan của bọn Morlock. Cố nhịn một trận cười, tôi đi qua khung cửa bằng đồng tới chỗ để Cỗ máy Thời gian. Tôi ngạc nhiên khi thấy rằng nó đã được tra dầu và lau chùi kỹ lưỡng. Sau, tôi nghi bọn Morlock có thể đã tháo nó ra từng mảnh để cố mò tìm công năng của nó.

Trong khi tôi đứng xem xét và thấy lòng lâng lâng chỉ vì được sờ vào Cỗ máy, việc tôi mong chờ đã xảy ra. Những cánh cửa đồng đột ngột trượt lên, đập vào thành trên vang một tiếng "keng". Tôi ở trong bóng tối - sập bẫy. Bọn Morlock hẳn nghĩ vậy. Điều đó khiến tôi không khỏi tức cười.

Tôi nghe rõ tiếng cười lào xào của chúng đang tiến lại gần. Rất điềm tĩnh, tôi bật que diêm. Tôi chỉ cần gắn cần số vào máy rồi biến mất như một bóng ma. Nhưng tôi quên mất một điều. Những que diêm này thuộc loại chỉ cháy khi được quẹt vào hộp mà thôi.

Quý vị có thể hiểu mọi sự bình tĩnh của tôi đều biến

mất. Những con dã thú nhỏ bé nhào tới. Một tên đụng vào tôi. Tôi cầm những chiếc cần số quạt ngang vào bóng tối, trong khi chật vật leo lên chỗ ngồi của Cỗ máy. Thêm một bàn tay chạm vào tôi, rồi một bàn tay nữa. Kế đó, tôi vừa phải cản những ngón tay ngoan cố của chúng không cho giật những chiếc cần, vừa phải lần mò tìm lỗ ráp. Một chiếc cần suýt nữa bị chúng kéo mất. Trong khi nó đang trượt ra khỏi tay tôi, tôi phải húc đầu tới - và nghe thấy tiếng cụng vào sọ tên Morlock - để giữ nó lại. Cuộc đụng độ cuối cùng này còn nguy hiểm hơn cả lần đánh nhau trong khu rừng cháy.

Nhưng cuối cùng những chiếc cần số được lắp vào đúng chỗ và được kéo lên. Những bàn tay đang nắm vào tôi trượt ra. Bóng tối trong mắt dần biến mất. Tôi thấy mình ngập trong màu xám và những chấn động mà tôi đã diễn tả trước đây.

CHƯƠNG 11

Tôi đã kể cho quý vị nghe về cảm giác khó chịu và hỗn độn đi kèm với việc du hành vượt thời gian. Lần này tôi lại không ngồi đúng chỗ trên yên, mà ở một chỗ bên cạnh, không vững vàng chút nào cả. Trong một khoảng thời gian vô tận, tôi bíu vào Cỗ máy trong khi nó vừa rung vừa lắc mà không biết mình sẽ đi về đâu, khi đủ bình tĩnh để nhìn đồng hồ, tôi không khỏi sửng sốt nhận thấy nơi mình sẽ đến. Một đồng hồ chỉ ngày, một đồng hồ chỉ một ngàn ngày, một đồng hồ chỉ triệu ngày, một đồng hồ chỉ tỉ ngày. Thay vì kéo ngược cần số, tôi đã đẩy chúng đi tới. Và tôi thấy kim chỉ ngàn đang quay nhanh như kim chỉ giây của một chiếc đồng hồ đeo tay - tiến vào tương lai.

Tiếp tục đi tới, một đổi thay kỳ lạ bao phủ lên vạn vật. Màu xám thấp thoáng trở nên sẫm hơn; rồi - mặc dù tôi vẫn du hành với tốc độ thật nhanh - những thay đổi nhấp nháy giữa ngày và đêm, dấu hiệu của một vận tốc thấp hơn, trở lại càng lúc càng rõ rệt. Thoạt đầu hiện tượng này khiến tôi hết sức băn khoăn. Sự chuyển đổi giữa ngày và đêm xảy ra chậm hơn, theo đó là sự di chuyển của vầng thái dương trên bầu trời, đến một lúc như mỗi chu kỳ kéo

dài đến mấy thế kỷ. Cuối cùng, trái đất chỉ còn một màu nhập nhoạng liên tục, màn nhập nhoạng này chỉ đôi phen gián đoạn bởi sự xuất hiện của những ngôi sao chổi vụt sáng khoảng trời đen tối. Luồng sáng này chứng tỏ mặt trời đã biến mất hẳn, vì mặt trời không còn lặn nữa - nó chỉ nhô lên hụp xuống ở phía tây, đồng thời trở thành lớn hơn và đỏ hơn. Tất cả mọi dấu vết của mặt trăng cũng đã biến mất. Chuyển động của các vì sao cũng ngày càng chậm hơn, bị thay thế bởi vô vàn điểm sáng. Cuối cùng, một khoảng thời gian trước khi tôi dừng lại, mặt trời - đỏ và rất lớn - nằm bất động ở chân trời, như một cái vòm vĩ đại tỏa sáng với một sức nóng yếu ớt, và thỉnh thoảng tắt ngấm hoàn toàn. Có một lúc nó chiếu ra ánh sáng mạnh hơn, nhưng rồi thật nhanh chóng lại trở về với ánh nóng đỏ ủ dột. Dựa theo sự lên xuống chậm lại của mặt trời, tôi đoán là hiện tượng thủy triều không còn nữa. Trái đất đã nghỉ ngơi, với một mặt hướng về mặt trời, có thể y hệt như mặt trăng đối với trái đất trong thời của chúng ta. Hết sức thận trọng - vì nhớ lại lần sơ xảy trước - tôi bắt đầu kéo cần số ngược lại. Chầm chậm, chầm chậm dần cho đến khi kim chỉ ngàn ngày gần như đứng yên và kim chỉ ngày không chỉ còn là một ánh sương mù trên mặt đồng hồ. Chậm hơn nữa, cho đến khi những đường nét của một bãi biển hoang vu trở thành rõ rệt.

Tôi khẽ khàng dừng lại và ngồi trên Cỗ máy Thời gian nhìn ra xung quanh. Bầu trời không còn xanh. Phía đông bắc tối đen như mực, và điểm xuyết giữa màn đen đó là

những ngôi sao trắng nhạt tỏa ánh sáng đều đặn. Trên đầu tôi là một vùng màu đỏ Ấn Độ không sao, đến phía đông nam thì sáng hơn thành màu đỏ tươi, bị cắt ngang bởi đường chân trời, là cái thân hình vĩ đại của mặt trời, đỏ và bất động. Những tảng đá gần tôi có một màu đỏ gắt, và tất cả dấu hiệu của sự sống tôi thấy được là những loài thảo mộc xanh rất đậm phủ đầy mặt hướng đông nam của những điểm nhô lên. Màu xanh đậm này y hệt như của các loài rêu trong rừng hoặc địa y trong hang động: những loại thực vật mọc ở nơi vĩnh viễn chỉ có ánh sáng lờ mờ.

Cỗ máy đứng trên một bờ biển thoai thoải. Biển kéo xa về phía tây nam, trở thành một lằn ngang sắc bén rực rỡ nổi bật dưới nền trời nhợt nhạt. Không có sóng bạc đầu, không có cả những cơn sóng lăn tăn, bởi chẳng có làn gió nào khuấy động, chỉ có một vệt dầu loang nhô lên hụp xuống giống người đang thở nhẹ, chứng tỏ rằng biển vẫn còn vận động, vẫn còn đương sống. Ở vùng ven, chỗ nước thỉnh thoảng vỡ ra, là một lớp muối dày - sắc hồng dưới bầu trời tái nhợt. Một cảm giác bức bối trong đầu, tôi phát hiện ra mình đang thở thật nhanh. Cảm giác ấy tôi từng có trong lần leo núi duy nhất, từ đó tôi suy rằng không khí đã trở nên loãng hơn thời đại của chúng ta.

Thật xa phía trên một dốc vắng, tôi nghe một tiếng kêu, và thấy một con vật như con bướm trắng khổng lồ bước xiên xẹo, bay bổng lên bầu trời, lượn vòng quanh, rồi biến mất sau những chiếc gò ở xa hơn. Tiếng kêu của nó thảm thiết đến nỗi tôi rùng mình, bám chặt vào chỗ ngồi

trên Cỗ máy. Ngước nhìn quanh, tôi khám phá rằng, ở khá gần, cái mà tôi tưởng là một hòn đá đỏ đang chuyển động về phía tôi. Thì ra đó là một con quái vật hình dạng giống như cua. Hãy tưởng tượng một con cua lớn như cái bàn ở chỗ kia, với một mớ chân bò chậm chạp bất định, hai càng đong đưa, những chiếc râu dài như cây roi của gã xà ích vung vẩy dò dẫm, và đôi mắt lồi gắn vào hai bên cái trán kim loại, nhìn chăm chăm vào quý vị. Lưng nó uốn khúc và điểm những mấu lồi lên xấu xí, vài chỗ đóng lớp vảy màu xanh bẩn thỉu. Tôi thấy những xúc tu trong cái miệng phức tạp của nó thò ra thụt vào dò xét trong khi nó di chuyển.

Đang nhìn con quái vật ác độc này bò tới, trên má tôi bỗng có cảm giác nhồn nhột như vừa bị một con ruồi chạm vào. Tôi lấy tay gạt ra, nhưng nó trở lại liền, và rồi thêm một con khác ở tai tôi. Tôi vội chụp, tóm được một vật như sợi chỉ. Nó nhanh chóng vuột khỏi tay tôi. Với một sự ghê tởm và sợ hãi, tôi quay lại nhìn và thấy rằng mình đã chụp nhầm sợi râu của một con quái vật cua khác ở ngay sau lưng. Đôi mắt tàn độc của nó rung trên hai cái cuống, miệng nó nhóp nhép đầy vẻ đói khát, và đôi càng vĩ đại vụng về bám đầy rong rêu đang chụp xuống tôi. Trong chớp mắt tay tôi nắm lấy cần số, và tức thì cách xa những con vật ấy khoảng một tháng trời. Nhưng tôi vẫn ở trên bờ biển cũ, và tôi thấy chúng thật rõ khi dừng lại. Hàng tá con đang bò qua lại, dưới ánh sáng thảm đạm, giữa những mảng thảo mộc màu xanh thẫm.

Tôi không thể diễn tả cảnh hiu quạnh điêu tàn ngự trị địa cầu. Bầu trời đỏ phía đông, màu đen trùm phía bắc, biển chết mặn chát, bãi bờ sỏi đá đầy những con quái vật dơ dáy, bò run rẩy chậm chạp, màu xanh chất độc của thảm địa y, bầu không khí loãng đến rát phổi: tất cả tạo thành một cảm giác rùng rợn. Tôi băng qua một trăm năm nữa. Mặt trời vẫn đỏ - lớn hơn, và mờ hơn một chút. Vẫn vùng biển chết, vẫn bầu không khí lạnh lẽo, vẫn đám quái vật giáp xác bò lổm ngổm giữa rêu xanh đá đỏ. Ở bầu trời phía tây, tôi thấy một đường cong nhạt, có lẽ của một vầng trăng thượng tuần khổng lồ.

Tôi cứ du hành như thế, thỉnh thoảng dừng lại, mỗi bước cả ngàn năm hoặc hơn, bởi sự tò mò về số phận trái đất, chăm chú nhìn với một niềm say sưa kỳ lạ mặt trời mỗi lúc một lớn hơn và mờ nhạt hơn ở bầu trời phía tây, và cuộc sống của trái đất cũ thêm héo hon. Cuối cùng, sau hơn 30 triệu năm, cái vòm khổng lồ mặt trời nóng đỏ đã chiếm khoảng một phần mười bầu trời đen kịt. Tôi dừng lại lần nữa vì thấy đám cua bò lổm ngổm đã biến mất, bãi biển nhuộm đỏ, ngoại trừ những mảng rong rêu địa y xanh mét, dường như không còn sự sống. Đất trời lốm đốm sắc trắng. Cái lạnh ghê người xâm chiếm tôi. Những bông tuyết trắng thỉnh thoảng rơi lả tả xuống. Phía đông bắc, ánh sáng phản chiếu của băng tuyết dưới bầu trời sao ảm đạm, tôi có thể nhìn thấy những gò đất nhấp nhô màu trắng hồng. Một vành băng chạy dọc theo bờ biển, thêm những mảng băng trôi ngoài xa, nhưng phần lớn cái mặt

biển chết ấy, đỏ như máu dưới ánh hoàng hôn vĩnh cửu, vẫn chưa đóng băng.

Tôi nhìn quanh mình tìm dấu vết của động vật sinh sống. Một sự sợ hãi không thể giải thích vẫn giữ tôi trên chỗ ngồi của Cỗ máy. Nhưng không có một vật nào chuyển động dưới đất, trên trời, cũng như ngoài biển. Dấu hiệu duy nhất minh chứng cho sự sống vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt chỉ là đám rêu xanh trên đá. Có một bãi cát nông lộ ra khi nước biển rút khỏi bờ. Tôi tưởng đã thấy một vật màu đen lắc lư trên bãi cát ấy, nhưng khi tôi chú ý nhìn, nó trở thành bất động, tôi kết luận mình đã trông gà hóa cuốc, và vật đen ấy chỉ là một khối đá. Những ngôi sao trên bầu trời sáng rực rỡ, và tôi thấy hình như chúng hầu như không nhấp nháy.

Đột nhiên tôi nhận ra một sự biến đổi trong đường nét của vòng cung mặt trời ở phía tây; một vết lõm, như một cái vịnh, đang lấn vào vòng cung đó. Tôi thấy nó lớn dần. Có lẽ đến cả phút đồng hồ tôi sửng sốt nhìn cái khoảng đen này xâm lấn mặt trời, rồi tôi chợt hiểu nhật thực đang bắt đầu. Mặt trăng, hoặc sao Thủy đang đi ngang đĩa mặt trời. Theo tự nhiên, lúc đầu tôi cho đó là mặt trăng, nhưng bởi nhiều lẽ tôi tin rằng mình đã thấy một hành tinh đang di chuyển rất gần trái đất.

Bóng tối tăng nhanh, một luồng gió lạnh thổi từng đợt từ phía đông, và những mảng tuyết trên không rơi càng lúc càng nhiều. Từ mé biển vọng về tiếng sóng vỗ rì rầm. Ngoại trừ những âm thanh chết này, vũ trụ hoàn

toàn im lặng. Im lặng? Thật khó mà diễn tả sự tĩnh lặng ấy. Âm thanh của loài người, tiếng kêu của đàn cừu, tiếng hót của loài chim, lời rền rĩ của côn trùng, những gì tạo thành nền tảng của đời sống chúng ta - tất cả đều không còn nữa. Khi bóng tối dày thêm, những mảnh tuyết lả tả rơi càng nhiều, nhảy múa trước mắt tôi, và khí lạnh quanh tôi càng ghê gớm. Cuối cùng, lần lượt, nhanh chóng, nối tiếp nhau, từng đỉnh trắng của những ngọn đồi xa xa tan biến vào bóng tối. Gió nổi lên những tiếng thét gào. Tôi thấy cái bóng đèn trung tâm của nhật thực vụt quét về phía tôi. Phút chốc sau đó, chỉ còn những ngôi sao nhàn nhạt ẩn hiện. Vạn vật chìm trong thăm thẳm u ám. Bầu trời huyền một màu đen.

Bóng đen rùng rợn khủng bố trùm lên tôi. Cái lạnh thấu xương, và cái đau đớn qua từng hơi thở lấn át tôi. Tôi rùng mình, thấy buồn nôn không chịu nổi. Thế rồi như một cánh cung nóng đỏ, vành mặt trời lại xuất hiện. Tôi bước ra khỏi Cỗ máy để phục hồi sức lực. Cơn chóng mặt khiến tôi không dám đối diện với chuyến trở về. Trong khi đứng đó như một người mang bệnh ốm yếu và hoang mang, tôi lại thấy cái khối đen lúc nãy di chuyển trên bãi cát cạn - không nghi ngờ gì nữa, nó đúng là một vật chuyển động - ngay mé nước của vùng biển đỏ. Nó hình tròn, cỡ một quả bóng đá, cũng có thể lớn hơn, với những xúc tu buông xuống, màu đen của nó tương phản màu nước đỏ như máu, và nó đang nhảy qua nhảy lại một cách bất định. Tôi biết mình sắp bất tỉnh. Nhưng nỗi sợ hãi

rằng mình sẽ nằm xuống vô vọng giữa chốn xa xôi nhập nhoạng rùng rợn đó đã tiếp thêm sức mạnh để tôi leo trở lại lên chỗ ngồi.

CHƯƠNG 12

Thế là tôi trở lại. Chắc tôi đã ngất đi trong Cỗ máy một thời gian dài. Những nhấp nháy chuyển đổi giữa ngày đêm lại bắt đầu, mặt trời lại trở về màu vàng chói, và bầu trời xanh. Tôi hít thở thoải mái hơn. Những thay đổi đường nét của mặt đất khi trập trùng khi bằng phẳng. Kim đồng hồ đang chạy ngược. Cuối cùng tôi thấy lờ mờ những ngôi nhà, dấu hiệu của loài người suy thoái. Những hình ảnh ấy cũng đổi thay, biến mất và bị thay thế. Khi kim đồng hồ chỉ triệu năm về số không, tôi giảm tốc độ. Tôi bắt đầu nhận ra những công trình kiến trúc đẹp đẽ và quen thuộc của thời đại chúng ta, kim chỉ ngàn năm trở về vị trí ban đầu, sự xoay chuyển giữa ngày và đêm càng lúc càng chậm. Rồi những bức tường cũ của căn phòng thí nghiệm lại bao quanh tôi. Một cách nhẹ nhàng, tôi giảm tốc cho Cỗ máy.

Tôi thấy một hiện tượng khá kỳ dị. Tôi đã kể cho quý vị nghe lúc nãy rồi, trước khi đạt vận tốc cao, tôi thấy bà Watchett đi ngang căn phòng, xẹt nhanh như một chiếc hỏa tiễn. Khi trở về, tôi lại đi ngang phút giây khi bà bước qua phòng thí nghiệm. Nhưng lần này mọi hành động của

bà như hoàn toàn ngược lại. Cánh cửa góc thấp của phòng thí nghiệm mở ra, bà lướt lên trên, lưng hướng về phía trước, và biến mất ở cánh cửa mà lần trước bà đi vào. Hình như tôi cũng thấy Hillyer trong thoáng giây, nhưng hắn vụt đi như một tia chớp.

Tôi tắt máy, thấy chung quanh căn phòng thí nghiệm quen thuộc, những dụng cụ máy móc vẫn ở chỗ cũ. Tôi lảo đảo bước ra khỏi Cỗ máy đến ngồi trên chiếc ghế dài. Run rẩy dữ dội mấy phút. Rồi cũng bình tĩnh lại. Xung quanh là nơi làm việc, vẫn y hệt như trước. Có lẽ tôi đã ngủ ở đó, và tất cả chỉ là một giấc mơ.

Nhưng không hẳn như thế! Cỗ máy bắt đầu ở góc đông nam phòng thí nghiệm. Rồi trở về ở góc tây bắc, đối diện bức tường quý vị thấy. Đó chính là khoảng cách giữa thảm cỏ và cái bục của tòa Nhân sư, nơi bọn Morlock đã giấu Cỗ máy của tôi.

Đầu óc tôi khựng lại một hồi lâu. Rồi tôi đứng dậy đi theo hành lang về phía này, khập khiễng, vì gót chân vẫn còn đau, và cảm thấy người mình quá dơ bẩn. Tôi thấy tờ Pall Mall Gazette trên bàn cạnh cửa. Ngày tháng đúng là hôm nay, và nhìn lên đồng hồ thấy gần đúng tám giờ tối. Tôi nghe tiếng nói chuyện của quý vị và tiếng lanh canh bát đĩa. Tôi lưỡng lự - cảm thấy thật ốm yếu và mệt mỏi. Rồi ngửi thấy mùi thịt thơm phức, tôi mở cửa gặp quý vị. Mọi người đã biết những gì xảy ra sau đó. Tôi tắm rửa, ăn tối, và kể lại câu chuyện cho quý vị nghe."

“Tôi biết,” hắn ngừng lại một lát, rồi tiếp, “tất cả đều quá khó tin đối với quý vị. Với tôi, điều khó tin nhất là tôi có mặt ở đây đêm nay trong căn phòng quen thuộc này, nhìn thấy những nét mặt thân quen và kể cho quý vị nghe những chuyến thám hiểm lạ lùng kia.”

Hắn nhìn ông Bác sĩ. “Không. Tôi không dám mong quý vị tin câu chuyện của tôi. Cứ coi đây là một câu chuyện bịa đặt hoặc một lời tiên tri. Cứ coi là tôi đã mơ thấy nó trong phòng làm việc. Bởi tôi đã từng suy nghĩ về số phận của loài người chúng ta trước khi đặt ra câu chuyện giả tưởng này. Cứ coi việc tôi khăng khăng nói đó là một câu chuyện thật chỉ là một phương pháp nghệ thuật để thu hút sự chú ý. Và coi nó là một câu chuyện, quý vị nghĩ sao?”

Hắn cầm ống píp lên và bắt đầu, theo thói quen, gõ gõ nó lên thanh chắn lò sưởi. Một thoáng im lặng trôi qua. Rồi có tiếng ghế cọt kẹt, tiếng chân di trên thảm. Tôi rời mắt khỏi khuôn mặt gã du hành xuyên thời gian, nhìn sang đám thính giả. Họ ở trong bóng tối, trước mặt họ tôi thấy những đốm sáng nhảy múa. Ông Bác sĩ có vẻ bị cuốn hút bởi thái độ trầm tư của chủ nhà. Anh chủ bút nhìn chăm chú vào điếu xì gà đang hút - điếu thứ sáu. Anh phóng viên máy mó chiếc đồng hồ. Những người khác, tôi nhớ lại, đều bất động.

Anh chủ bút đứng dậy, thở dài. “Thật tiếc anh không phải là một nhà văn!” Vừa nói anh vừa đặt tay lên vai gã du hành xuyên thời gian.

“Anh không tin những điều tôi kể?”

“Ừm...”

“Tôi cũng đã nghĩ thế.”

Gã du hành xuyên thời gian quay về phía chúng tôi. “Diêm đâu?” Hắn hỏi. Hắn bật một que diêm và nói qua làn khói píp. “Nói thật lòng... chính bản thân tôi cũng không dám tin nữa... Vậy mà...”

Ánh mắt hắn đầy câm lặng chuyển xuống những bông hoa tàn nằm trên chiếc bàn nhỏ. Rồi hắn xoay bàn tay đang cầm ống píp, tôi nhận ra hắn đang nhìn những vết thương chưa lành hẳn trên các ngón tay.

Ông Bác sĩ đứng dậy, đi tới trước cái đèn, xem xét những bông hoa. “Cái nhụy hoa thật lạ”, ông nói. Nhà tâm lý học chồm tới trước để nhìn cho rõ, đưa tay ra với một bông hoa.

“Tôi sẽ bị treo cổ nếu bây giờ không phải là một giờ sáng”, anh phóng viên nói. “Làm sao mình về nhà đây?”

“Còn rất nhiều xe thuê ở bến”, nhà tâm lý học trả lời.

“Thật kỳ lạ”, ông Bác sĩ nói, “tôi không hề biết quy luật tự nhiên của những loại hoa này. Anh cho tôi được không?”

Gã du hành xuyên thời gian chần chừ. Rồi đột ngột trả lời: “Chắc chắn là không.”

“Thế thực ra anh tìm thấy những bông hoa này ở

đâu?" Ông Bác sĩ lại hỏi.

Gã du hành xuyên thời gian đặt tay lên đầu. Hắn nói như cố giữ lại những suy nghĩ đang tìm cách bỏ hắn ra đi. "Chúng được Weena bỏ vào túi tôi, khi tôi du hành xuyên thời gian." Hắn nhìn quanh phòng. "Mẹ kiếp nếu mọi việc không phải diễn ra như thế. Căn phòng này, các quý vị và cả bầu không khí bình thường hàng ngày đang ảnh hưởng đến trí nhớ của tôi. Tôi đã từng bao giờ làm ra một Cỗ máy Thời gian, hay một mô hình của nó chưa? Hay tất cả chỉ là một giấc mộng? Người ta nói đời là một giấc mộng, một chuỗi mộng mị khốn khổ triền miên - nhưng tôi không thể nào chịu đựng thêm một giấc mộng bất hợp lý đến vậy. Quả là điên rồ. Và giấc mộng ấy từ đâu tới?... Tôi phải nhìn lại Cỗ máy đó. Nếu nó có thực!"

Gã du hành xuyên thời gian chụp vội cây đèn, cầm nó lên, vặn sáng hơn, và đi qua cửa đến hành lang. Chúng tôi theo sau hắn. Quả nhiên, trước ánh lung linh của ngọn đèn, Cỗ máy Thời gian lồ lộ ra, thấp, xấu xí, xô lệch; được làm bằng đồng, gỗ mun, ngà, và thạch anh sáng đục. Nó cứng cáp - tôi đặt tay lên và cảm nhận qua sườn máy - với những vệt màu nâu và vết bẩn trên các chỗ bằng ngà, những đốm cỏ và rêu ở phần dưới, và một bên sườn đã bị cong vẹo.

Gã du hành xuyên thời gian đặt cây đèn xuống chiếc ghế dài, và đưa tay vuốt dọc theo cái sườn bị cong. "Giờ thì ổn rồi", hắn nói. "Câu chuyện tôi kể cho quý vị nghe hoàn toàn có thật. Xin lỗi vì đã bắt quý vị đến chỗ lạnh lẽo này."

Hắn cầm cây đèn lên và chúng tôi trở về phòng hút thuốc trong sự im lặng tuyệt đối.

Hắn đi theo chúng tôi đến phòng khách và giúp anh chủ bút mặc áo choàng. Ông Bác sĩ nhìn vào mặt hắn, rồi sau một chút phân vân, bảo rằng hắn đã làm việc quá sức, khiến hắn bật cười ha hả. Tôi còn nhớ hắn đứng ở cánh cửa mở, tạm biệt chúng tôi.

Tôi đi chung xe với anh chủ bút. Anh ta nghĩ câu chuyện chỉ là "những lời dối trá hoa mỹ." Riêng tôi thì không dám có kết luận nào. Câu chuyện quá tuyệt vời và đáng kinh ngạc, người kể cũng tỉnh táo và thành thật. Tôi thao thức suốt đêm suy nghĩ về nó. Rồi quyết định hôm sau lại đến gặp gã du hành xuyên thời gian. Người ta nói tôi biết hắn đang ở trong phòng thí nghiệm, do đã nhiều lần qua lại, tôi tự vào tìm hắn. Tuy vậy, phòng thí nghiệm trống trơn. Tôi nhìn Cỗ máy Thời gian đến cả phút đồng hồ rồi đưa tay chạm vào chiếc cần số. Tức thì cái khối nặng nề to thấp đó liền lung lay như một cành cây trước gió. Sự mất thăng bằng của nó làm tôi giật hết cả mình, và tôi có sự hồi tưởng lạ kỳ như trở về thuở ấu thơ mỗi khi bị cấm đoán. Tôi đi theo hành lang trở lại. Gã du hành xuyên thời gian tiếp tôi ở phòng hút thuốc. Hắn mới từ trong nhà ra. Một tay hắn kẹp máy ảnh, tay kia kẹp ba lô. Hắn cười khi gặp tôi, và đưa khuỷu tay ra cho tôi bắt. "Tôi bận bịu kinh khủng", hắn nói, "với Cỗ máy trong kia."

"Bộ không phải là một trò lừa sao?" Tôi hỏi. "Anh du hành xuyên thời gian thật à?".

“Tất nhiên và hiển nhiên rồi.” Và hắn nhìn vào mắt tôi một cách thành thật. Hắn lưỡng lự. Đôi mắt lượn một vòng khắp căn phòng. “Tôi chỉ cần nửa tiếng”, hắn nói. “Tôi biết tại sao anh đến, anh thật quá tốt. Có mấy tờ tạp chí ở đây. Nếu anh ở lại ăn trưa, tôi sẽ chứng minh chuyện du hành xuyên thời gian đến đầu đến đũa, hiện vật và mọi thứ khác nữa. Anh không phiền vì tôi phải tạm rời anh bây giờ chứ?”

Tôi đồng ý, khó mà nắm bắt được hết những lời từ miệng hắn, hắn gật đầu rồi đi ra hành lang. Tôi nghe tiếng sập cửa phòng thí nghiệm, tôi ngồi xuống, cầm một tờ nhật báo lên. Hắn sẽ làm gì trước giờ ăn trưa? Rồi đột ngột mẩu quảng cáo nhắc tôi nhớ mình đã hứa gặp Richardson của nhà xuất bản lúc hai giờ. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay, phải đi ngay mới kịp. Tôi đứng dậy đi theo hành lang định báo cho gã du hành xuyên thời gian biết.

Vừa chạm vào tay nắm cửa, tôi nghe một tiếng la thất thanh, bị ngắt cụt một cách kỳ lạ, rồi một tiếng“cạch” và một tiếng “ầm”. Một cơn lốc xoắn quanh tôi khi mở cánh cửa, và từ bên trong vang lên tiếng kính rơi vỡ trên sàn. Gã du hành xuyên thời gian không có đó. Dường như tôi vừa thấy một bóng ma, hình dáng mờ ảo ngồi trên một khối xoay tròn màu đen và màu đồng - nó trong suốt đến nỗi tôi nhìn thấy rõ chiếc ghế dài và những tấm họa đồ phía sau nó, nhưng tôi vừa đưa tay dụi mắt, hình ảnh ma quái đã biến mất. Cỗ máy Thời gian không còn nữa. Ngoại trừ lớp bụi đang dần lắng xuống, góc cuối của phòng thí

nghiệm trống rỗng hoàn toàn. Hình như một khung kính ô thoáng đã bị hút vào.

Tôi ngạc nhiên không thể tin nổi. Tôi biết một chuyện kỳ lạ đã xảy ra, nhưng ngay lúc ấy tôi không thể xác định chuyện lạ ấy là gì. Trong lúc tôi đang đứng trố mắt, cánh cửa phía vườn mở ra, và gã người hầu xuất hiện.

Chúng tôi nhìn nhau. Rồi sự suy nghĩ trở lại với tôi. "Ông... có đi lối đó không?" Tôi hỏi.

"Không, thưa ngài. Chẳng có ai ra lối đó cả. Tôi tưởng sẽ thấy ông chủ trong này."

Nghe vậy tôi hiểu ngay. Bất chấp sự thất vọng của Richardson, tôi ở lại chờ gã du hành xuyên thời gian; mong đợi câu chuyện thứ hai, có lẽ còn lạ lùng hơn câu chuyện cũ, những mẫu vật và những tấm hình hắn mang về. Nhưng bây giờ tôi e là tôi phải chờ suốt đời. Gã du hành xuyên thời gian mất tích đã ba năm. Và, như mọi người đều biết, hắn chưa từng trở lại.

LỜI KẾT

Người ta không thể nào không thắc mắc. Hắn có trở về không? Có thể hắn đã bị cuốn trôi về quá khứ, rơi vào thời đồ đá của những kẻ uống máu, lông lá man rợ; hoặc chìm vào vùng biển sâu ở kỷ Phấn trắng; hoặc lạc vào giữa những con khủng long kỳ quái, những loài bò sát tàn bạo kỷ Jurassic. Cũng có thể ngay bây giờ - nếu tôi được phép tạm nói như vậy - hắn đang loanh quanh tại những vùng san hô đầy loài thủy quái tiền sử, hoặc ở cạnh những hồ muối của kỷ Tam Điệp. Có thể hắn đi tới tương lai, về một thời đại không xa lắm, khi mà người vẫn còn là người, với những vấn nạn của thời đại chúng ta đã được giải quyết? Đi tới bản tính của nhân loại: với tôi, với riêng tôi, thật khó mà tin những thời đại gần đây với thí nghiệm thiếu sót, lý thuyết rời rạc và mâu thuẫn lẫn nhau đã lên đến đỉnh điểm của loài người! Đó là tôi nói riêng phần tôi. Phần hắn, tôi biết - vì vấn đề đã được chúng tôi thảo luận từ rất lâu trước khi Cỗ máy Thời gian được chế tạo - hắn suy nghĩ một cách bất đắc dĩ đến những tiến bộ của nhân loại, và hắn nhìn thấy ẩn trong cái khối lượng tăng dần của nền văn minh là một đống ngu xuẩn mà đương nhiên sẽ phản lại và tiêu diệt kẻ tạo ra nó. Nếu đó là sự thật,

chúng ta vẫn phải sống trong suy nghĩ sự thật không phải như thế. Nhưng với tôi, tương lai vẫn là trắng đen lẫn lộn, một khoảng mênh mông bất khả thi, chỉ được soi sáng vài chỗ bởi câu chuyện kể của hắn. Nhưng tôi có ở trong tay, như một niềm an ủi, hai đóa hoa trắng lạ lùng - đã khô héo, ngả màu nâu, và dễ vỡ - như một minh chứng rằng ngay cả khi trí tuệ và sức mạnh đã ra đi, lòng biết ơn và sự dịu dàng vẫn còn sống mãi trong trái tim con người.

HẾT

Chú Thích

[1]Little Rosebery: là con ngựa đua về nhất trong giải đua Earl of Rosebery. Ý chủ bút ở đây là hãy tiết lộ cho mọi người biết thông tin bí mật sẽ diễn ra trong tương lai.

[2]Grant Allen (1848 - 1899) là nhà văn người Canada. Ông là một trong số những người tiên phong cho thể loại khoa học viễn tưởng, với cuốn tiểu thuyết The British Barbarian xuất bản năm 1895.

[3]Sir George Howard Darwin, con trai của nhà bác học Charles Darwin. Ông là nhà toán học, nhà thiên văn học nổi tiếng.

[4]Thomas Carlyle (1795-1881): nhà văn châm biếm, và là triết gia, sử gia người Scotland sống dưới thời đại Victoria. Ông được nhớ tới vì sự tiếp nối phong cách văn châm biếm Anh thế kỷ XVIII, mở đầu lối viết phê phán "sage".